

Số: 1830/QĐ-DHTDM

Bình Dương, ngày 10 tháng 11 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả và cấp chứng chỉ
Giáo dục quốc phòng - an ninh bậc đại học hệ chính quy
khóa học 2014 - 2018

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ DẦU MỘT

Căn cứ Quyết định số 72/2009/QĐ-UBND ngày 23/10/2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thủ Dầu Một;

Căn cứ Thông tư số 18/2015/TTLT-BGDDĐT-BLĐTBXH ngày 08/09/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy định tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập môn học Giáo dục quốc phòng - an ninh trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 1157/QĐ-DHTDM ngày 08/8/2014 của Hiệu trưởng trường Đại học Thủ Dầu Một về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Căn cứ Tờ trình số 05/TTr-TTGDTC&QPAN ngày 07/11/2016 của Giám đốc Trung tâm Giáo dục thể chất - Quốc phòng an ninh về việc đề nghị công nhận kết quả và cấp chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh bậc đại học hệ chính quy khóa học 2014 - 2018.

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Giáo dục thể chất - Quốc phòng an ninh,

QUYẾT ĐỊNH:

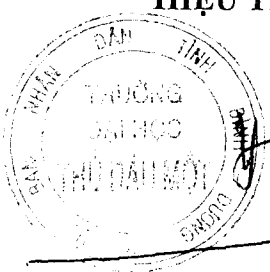
Điều 1. Nay công nhận kết quả và cấp chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh cho 2765 (hai ngàn bảy trăm sáu mươi lăm) sinh viên bậc đại học hệ chính quy khóa học 2014 - 2018 của trường Đại học Thủ Dầu Một (đính kèm danh sách).

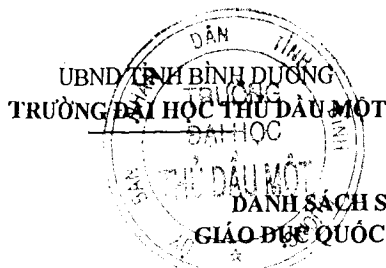
Điều 2. Các Phòng, Khoa, Trung tâm có liên quan và các sinh viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- HT, các P. HT;
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, TT.

HIỆU TRƯỞNG 




CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN CẤP CHỨNG CHỈ
GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG & AN NINH, BẬC ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY**

KHOÁ HỌC: 2014 - 2018

(Kèm theo Quyết định số 1850/QĐ-DHTDM ngày 10 tháng 11 năm 2016 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ Dầu Một)

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
1	1422202010002	Đặng Lê An	Nữ	12/10/1995	Sông Bé	7.7	Khá	D14AV01	
2	1422202010001	Trần Thị Phương Ân	Nữ	19/07/1996	Bình Dương	7.3	Khá	D14AV01	
3	1422202010004	Nguyễn Thị Kim Anh	Nữ	01/05/1996	Thanh Hóa	7.4	Khá	D14AV01	
4	1422202010005	Nguyễn Ngọc Châu	Nam	20/01/1996	Ninh Thuận	7.6	Khá	D14AV01	
5	1422202010007	Nguyễn Thị Minh Châu	Nữ	23/10/1996	Bình Dương	7.5	Khá	D14AV01	
6	1422202010008	Nguyễn Thị Bích Chi	Nữ	08/05/1996	Bình Dương	7.5	Khá	D14AV01	
7	1422202010009	Nguyễn Ngọc Cúc	Nữ	02/09/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14AV01	
8	1422202010011	Trần Thị Kim Diễm	Nữ	24/08/1996	Bình Dương	7.5	Khá	D14AV01	
9	1422202010013	Phan Nguyễn Kỳ Duyên	Nữ	02/12/1996	Bình Định	7.1	Khá	D14AV01	
10	1422202010022	Lã Thị Minh Hà	Nữ	21/01/1996	Tp. HCM	7.4	Khá	D14AV01	
11	1422202010023	Nguyễn Xuân Lê Hà	Nữ	27/10/1995	Đắk Lắk	7.2	Khá	D14AV01	
12	1422202010024	Phạm Văn Hà	Nữ	22/09/1996	Đồng Nai	7.0	Khá	D14AV01	
13	1422202010025	Phan Thị Thu Hà	Nữ	02/08/1996	Bắc Giang	7.5	Khá	D14AV01	
14	1422202010026	Phạm Ngọc Hải	Nam	30/04/1995	Thái Bình	6.7	TB Khá	D14AV01	
15	1422202010014	Lê Thị Hằng	Nữ	19/05/1995	Thanh Hóa	6.7	TB Khá	D14AV01	
16	1422202010015	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	28/10/1996	Thanh Hóa	7.3	Khá	D14AV01	
17	1422202010016	Phạm Thị Như Hằng	Nữ	18/11/1996	Bình Phước	7.2	Khá	D14AV01	
18	1422202010018	Trương Thị Cẩm Hằng	Nữ	20/03/1996	Bình Định	7.7	Khá	D14AV01	
19	1422202010028	Nguyễn Thị Hạnh	Nữ	08/11/1996	Hà Nam	7.3	Khá	D14AV01	
20	1422202010029	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Nữ	17/01/1996	Bình Dương	6.7	TB Khá	D14AV01	
21	1422202010030	Nguyễn Thị Ngọc Hạo	Nữ	30/09/1996	Bình Dương	7.1	Khá	D14AV01	
22	1422202010033	Ngô Thị Thu Hiền	Nữ	19/06/1996	Đắk Lắk	7.1	Khá	D14AV01	
23	1422202010034	Nguyễn Phạm Thục Hiền	Nữ	20/09/1996	Bình Dương	7.8	Khá	D14AV01	
24	1422202010035	Tạ Kim Hoa	Nữ	13/04/1996	Tây Ninh	7.2	Khá	D14AV01	
25	1422202010031	Nguyễn Thị Thanh Hồng	Nữ	16/07/1995	Bình Dương	7.5	Khá	D14AV01	
26	1422202010032	Tô Kim Hồng	Nữ	24/01/1996	Sông Bé	7.7	Khá	D14AV01	
27	1422202010020	Nguyễn Thị Hương	Nữ	28/02/1994	Nghệ An	7.9	Khá	D14AV01	
28	1422202010021	Nguyễn Thị Kim Hương	Nữ	30/04/1995	Sông Bé	7.9	Khá	D14AV01	
29	1422202010037	Nguyễn Thanh Huy	Nam	12/01/1995	Bình Dương	7.3	Khá	D14AV01	
30	1422202010038	Trịnh Huy	Nam	19/09/1996	Tp. HCM	7.7	Khá	D14AV01	
31	1422202010040	Phạm Thị Huyền	Nữ	16/11/1996	Thanh Hóa	7.8	Khá	D14AV01	
32	1422202010042	Nguyễn Hoàng Khanh	Nam	09/10/1996	Bình Dương	7.0	Khá	D14AV01	
33	1422202010044	Phạm Thị Kiều	Nữ	18/07/1996	Đắk Lắk	7.5	Khá	D14AV01	
34	1422202010046	Đoàn Thị Linh	Nữ	14/08/1996	Ninh Bình	7.3	Khá	D14AV01	
35	1422202010047	Lư Hoàng Linh	Nữ	02/01/1996	Bình Dương	7.0	Khá	D14AV01	
36	1422202010048	Nguyễn Diệu Linh	Nữ	16/08/1996	Hà Nội	7.5	Khá	D14AV01	
37	1422202010049	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	Nữ	13/05/1996	Lâm Đồng	7.4	Khá	D14AV01	
38	1422202010050	Nguyễn Thị Trúc Linh	Nữ	21/03/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14AV01	
39	1422202010051	Nguyễn Thị Trúc Linh	Nữ	27/06/1996	Đồng Nai	7.6	Khá	D14AV01	
40	1422202010055	Phạm Hoàng Long	Nam	14/11/1996	Bình Dương	8.0	Giỏi	D14AV01	
41	1422202010053	Nguyễn Thị Cà Lua	Nữ	22/01/1995	An Giang	7.8	Khá	D14AV01	
42	1422202010045	Phùng Thị Lương	Nữ	18/12/1996	Vĩnh Phúc	7.7	Khá	D14AV01	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
43	1422202010056	Nguyễn Thị	Luyện	Nữ	18/08/1995	Hà Nam	7.0	Khá	D14AV01	
44	1422202010058	Nguyễn Thị Huỳnh	Mai	Nữ	10/11/1996	Bình Dương	7.6	Khá	D14AV02	
45	1422202010059	Phạm Lê Hồng	Mến	Nữ	02/01/1996	Vĩnh Long	7.3	Khá	D14AV02	
46	1422202010060	Nguyễn Thị Ngọc	Mỹ	Nữ	16/09/1996	Đồng Nai	7.1	Khá	D14AV02	
47	1422202010067	Bùi Đại	Nghĩa	Nam	28/06/1996	Đắk Lắk	7.9	Khá	D14AV02	
48	1422202010065	Phan Nữ Như	Ngọc	Nữ	11/12/1996	Quảng Ngãi	7.7	Khá	D14AV02	
49	1422202010068	Lê Thanh	Nguyệt	Nữ	16/11/1996	Bình Dương	8.1	Giỏi	D14AV02	
50	1422202010072	Lâm Yến	Nhi	Nữ	21/07/1996	Bình Định	7.6	Khá	D14AV02	
51	1422202010074	Võ Thị Hà	Nhi	Nữ	17/04/1996	Đồng Nai	7.9	Khá	D14AV02	
52	1422202010069	Đỗ Thị Quỳnh	Như	Nữ	13/01/1995	Bình Dương	6.7	TB Khá	D14AV02	
53	1422202010070	Đoàn Kiều	Như	Nữ	26/10/1996	Bình Dương	7.9	Khá	D14AV02	
54	1422202010075	Nguyễn Hồng	Nhung	Nữ	21/01/1996	Bình Dương	7.2	Khá	D14AV02	
55	1422202010076	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	20/05/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14AV02	
56	1422202010083	Nguyễn Phương Hồng	Phúc	Nữ	19/09/1996	Tp. HCM	7.9	Khá	D14AV02	
57	1422202010084	Trần Thị Hồng	Phúc	Nữ	28/10/1995	Tây Ninh	8.3	Giỏi	D14AV02	
58	1422202010081	Lê Ngọc	Phượng	Nữ	13/09/1996	Sông Bé	8.5	Giỏi	D14AV02	
59	1422202010085	Bùi Duy	Quần	Nam	12/06/1996	Tp. HCM	7.6	Khá	D14AV02	
60	1422202010088	Huỳnh Nhựt	Quang	Nam	25/02/1996	Vĩnh Long	7.5	Khá	D14AV02	
61	1422202010092	Nguyễn Thị Bích	Quỳnh	Nữ	02/06/1996	Sông Bé	7.9	Khá	D14AV02	
62	1422202010089	Cao Ngọc	Quỳnh	Nữ	04/06/1996	Đồng Nai	7.6	Khá	D14AV02	
63	1422202010090	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	31/07/1996	Bình Dương	7.9	Khá	D14AV02	
64	1422202010091	Phạm Nguyễn Trúc	Quỳnh	Nữ	20/12/1996	Bình Dương	7.5	Khá	D14AV02	
65	1422202010093	Phạm Hoàng Minh	Sang	Nam	24/11/1995	Bình Dương	7.7	Khá	D14AV02	
66	1422202010094	Phạm Nguyễn Thanh	Tâm	Nữ	04/08/1996	Sông Bé	7.8	Khá	D14AV02	
67	1422202010095	Trương Thị	Tâm	Nữ	11/04/1995	Thái Bình	7.8	Khá	D14AV02	
68	1422202010103	Nguyễn Trung	Thắng	Nam	27/01/1996	Sông Bé	8.0	Giỏi	D14AV02	
69	1422202010100	Nguyễn Chí	Thành	Nam	06/06/1996	Bình Dương	7.5	Khá	D14AV02	
70	1422202010101	Huỳnh Thị Thu	Thảo	Nữ	05/05/1996	Ninh Thuận	7.9	Khá	D14AV02	
71	1422202010102	Trần Thị Thu	Thảo	Nữ	07/05/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14AV02	
72	1422202010107	Lê Thị Hồ Như	Thoa	Nữ	12/02/1995	Đắk Lắk	7.7	Khá	D14AV02	
73	1422202010110	Nguyễn Thị Thiên	Thu	Nữ	04/05/1996	Bình Dương	7.8	Khá	D14AV02	
74	1422202010096	Đàm Minh	Thư	Nữ	04/11/1996	Bình Dương	7.6	Khá	D14AV02	
75	1422202010097	Huỳnh Thị Kim	Thư	Nữ	12/03/1996	Bình Dương	7.8	Khá	D14AV02	
76	1422202010112	Tạ Lê Minh	Thuy	Nữ	13/02/1996	Sông Bé	7.6	Khá	D14AV02	
77	1422202010105	Nguyễn Xuân	Thùy	Nữ	1996	Bình Dương	6.7	TB Khá	D14AV02	
78	1422202010113	Nguyễn Thanh Trang	Thy	Nữ	23/05/1996	Sông Bé	8.2	Giỏi	D14AV02	
79	1422202010114	Trần Thị Thanh	Thy	Nữ	17/12/1996	Bình Dương	8.1	Giỏi	D14AV02	
80	1422202010116	Lê Thanh Thủy	Tiên	Nữ	21/07/1996	Sông Bé	7.8	Khá	D14AV02	
81	1422202010117	Nguyễn Thị Xuân	Tiên	Nữ	28/08/1996	Gia Lai	7.5	Khá	D14AV02	
82	1422202010121	Đoàn Thị Anh	Trâm	Nữ	26/01/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14AV02	
83	1422202010120	Phạm Thị Thanh	Tú	Nữ	02/02/1996	Bình Dương	6.9	TB Khá	D14AV02	
84	1422202010156	Doãn Thủy	Dương	Nữ	22/04/1996	Nam Định	8.2	Giỏi	D14AV03	
85	1422202010158	Nguyễn Thị Thanh	Giang	Nữ	30/04/1996	Quảng Ngãi	6.4	TB Khá	D14AV03	
86	1422202010182	Phan Tú	Hoa	Nữ	09/05/1996	Sông Bé	8.2	Giỏi	D14AV03	
87	1422202010176	Huỳnh Thị Ngọc	Huệ	Nữ	31/05/1993	Tiền Giang	8.0	Giỏi	D14AV03	
88	1422202010177	Nguyễn ái	Lâm	Nữ	15/05/1996	Bến Tre	7.5	Khá	D14AV03	
89	1422202010169	Phan Thị Kiều	Loan	Nữ	11/07/1995	Long An	7.8	Khá	D14AV03	
90	1422202010166	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	10/10/1995	Thái Bình	8.0	Giỏi	D14AV03	
91	1422202010180	Vũ Thị Minh	Ngân	Nữ	10/07/1996	Thanh Hóa	8.2	Giỏi	D14AV03	
92	1422202010181	Lê Thanh Thảo	Nguyên	Nữ	07/02/1996	Bình Dương	8.5	Giỏi	D14AV03	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
93	1422202010175	Nguyễn Ngọc Hải	Nhi	Nữ	10/10/1995	Gia Lai	8.5	Giỏi	D14AV03	
94	1422202010179	Trần Bảo	Ni	Nữ	07/12/1996	Vĩnh Long	8.4	Giỏi	D14AV03	
95	1422202010173	Trần Thị A	Ni	Nữ	07/05/1996	An Giang	7.8	Khá	D14AV03	
96	1422202010174	Văn Thị Kim	Phường	Nữ	20/07/1996	Ninh Thuận	8.4	Giỏi	D14AV03	
97	1422202010162	Đình Phan Thành	Thiện	Nam	02/09/1995	Sông Bé	8.4	Giỏi	D14AV03	
98	1422202010165	Nguyễn Minh	Thiện	Nam	20/10/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14AV03	
99	1422202010171	Phạm Thị Út	Thơm	Nữ	20/11/1996	Đắk Lắk	8.0	Giỏi	D14AV03	
100	1422202010160	Nguyễn Anh	Thư	Nữ	07/01/1996	Bình Dương	8.0	Giỏi	D14AV03	
101	1422202010140	Mai Trọng	Tín	Nam	04/02/1996	Lâm Đồng	8.3	Giỏi	D14AV03	
102	1422202010122	Lê Thị Phương	Trâm	Nữ	10/01/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14AV03	
103	1422202010123	Nguyễn Mai	Trâm	Nữ	27/07/1996	Đồng Nai	7.6	Khá	D14AV03	
104	1422202010125	Nguyễn Thị Bích	Trâm	Nữ	16/10/1996	Sông Bé	7.8	Khá	D14AV03	
105	1422202010124	Nguyễn Thùy Bích	Trâm	Nữ	16/02/1996	Sông Bé	8.0	Giỏi	D14AV03	
106	1422202010126	Lương Mỹ	Trần	Nữ	24/09/1996	Bình Dương	8.1	Giỏi	D14AV03	
107	1422202010127	Dương Thị Thùy	Trang	Nữ	17/01/1994	Kiên Giang	8.4	Giỏi	D14AV03	
108	1422202010128	Huỳnh Thị Thùy	Trang	Nữ	20/03/1996	Bình Dương	8.1	Giỏi	D14AV03	
109	1422202010130	Phạm Vương Đài	Trang	Nữ	18/08/1996	Bình Dương	8.4	Giỏi	D14AV03	
110	1422202010168	Thiều Thị	Trang	Nữ	21/05/1996	Thanh Hóa	7.8	Khá	D14AV03	
111	1422202010131	Trần Thị	Trang	Nữ	09/07/1996	Thanh Hóa	8.5	Giỏi	D14AV03	
112	1422202010132	Võ Thị Huyền	Trang	Nữ	26/05/1996	Lâm Đồng	8.1	Giỏi	D14AV03	
113	1422202010133	Đào Nguyễn Mai	Trình	Nữ	15/01/1996	Sông Bé	7.8	Khá	D14AV03	
114	1422202010170	Nguyễn Thanh	Trúc	Nữ	16/09/1996	Sông Bé	7.8	Khá	D14AV03	
115	1422202010134	Trần Hoài Như	Trúc	Nữ	01/06/1996	Đồng Nai	7.7	Khá	D14AV03	
116	1422202010164	Nguyễn Thị Thắm	Tươi	Nữ	10/10/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14AV03	
117	1422202010138	Lê Thị Kim	Tuyền	Nữ	10/01/1996	Bình Dương	8.1	Giỏi	D14AV03	
118	1422202010135	Nguyễn Thị Kim	Tuyền	Nữ	19/05/1996	Sông Bé	7.7	Khá	D14AV03	
119	1422202010137	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	Nữ	23/04/1996	Đồng Nai	8.0	Giỏi	D14AV03	
120	1422202010139	Hồ Thị Ánh	Tuyết	Nữ	12/09/1996	Bình Dương	8.4	Giỏi	D14AV03	
121	1422202010141	Trần Nữ Hoàng	Uyên	Nữ	24/09/1996	Gia Lai	6.9	TB Khá	D14AV03	
122	1422202010143	Cao Thị Thu	Vân	Nữ	20/07/1996	Sông Bé	7.4	Khá	D14AV03	
123	1422202010145	Nguyễn Thủy	Vi	Nữ	17/09/1996	Đồng Nai	7.1	Khá	D14AV03	
124	1422202010147	Đỗ Hùng	Việt	Nam	24/06/1996	Sông Bé	8.1	Giỏi	D14AV03	
125	1422202010146	Đoàn Quang	Vinh	Nam	22/10/1995	Tiền Giang	8.1	Giỏi	D14AV03	
126	1422202010148	Phạm Tuấn	Vũ	Nam	27/02/1996	Nghệ An	8.2	Giỏi	D14AV03	
127	1422202010149	Trịnh Văn	Vũ	Nam	25/12/1993	Thái Bình	7.6	Khá	D14AV03	
128	1422202010150	Nguyễn Đặng Tường	Vy	Nữ	09/01/1996	Tây Ninh	6.9	TB Khá	D14AV03	
129	1422202010152	Nguyễn Thị Thanh	Vy	Nữ	17/05/1996	Bình Dương	8.3	Giỏi	D14AV03	
130	1422202010153	Trần Hoàng Thùy	Vy	Nữ	11/06/1996	Bình Dương	7.6	Khá	D14AV03	
131	1422202010238	Nguyễn Thị Ngọc	Ấn	Nữ	17/04/1996	Bình Dương	8.0	Giỏi	D14AV04	
132	1422202010235	Võ Thị Xuân	Anh	Nữ	16/04/1995	Ninh Thuận	7.7	Khá	D14AV04	
133	1422202010231	Võ Thị	Ánh	Nữ	17/02/1996	Quảng Ngãi	6.8	TB Khá	D14AV04	
134	1422202010239	Nguyễn Ngọc Ấn	Bình	Nữ	24/06/1996	Bình Dương	6.9	TB Khá	D14AV04	
135	1422202010210	Đặng Thị	Châu	Nữ	04/04/1996	Hà Tĩnh	7.8	Khá	D14AV04	
136	1422202010218	Nguyễn Thị Bích	Chi	Nữ	12/02/1996	Bình Định	7.5	Khá	D14AV04	
137	1422202010240	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	13/04/1995	Kiên Giang	8.0	Giỏi	D14AV04	
138	1422202010214	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu	Nữ	16/05/1996	Bình Thuận	7.8	Khá	D14AV04	
139	1422202010205	Mai Thị	Hằng	Nữ	01/06/1995	Quảng Ngãi	6.7	TB Khá	D14AV04	
140	1422202010227	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	16/07/1995	Đắk Nông	7.6	Khá	D14AV04	
141	1422202010222	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	06/01/1996	Đắk Lắk	7.1	Khá	D14AV04	
142	1422202010193	Ngọc Thị Thu	Huệ	Nữ	03/12/1996	Vĩnh Phúc	7.7	Khá	D14AV04	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
143	1422202010226	Nguyễn Thị Tổ	Nga	Nữ	19/11/1996	Bình Định	7.2	Khá	D14AV04	
144	1422202010190	Phan Thị Kim	Ngân	Nữ	09/11/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14AV04	
145	1422202010208	Nguyễn Thị Thu	Nguyệt	Nữ	20/12/1993	Bình Định	8.2	Giỏi	D14AV04	
146	1422202010212	Bá Nữ Kim	Nhung	Nữ	10/10/1996	Ninh Thuận	7.8	Khá	D14AV04	
147	1422202010207	Nguyễn Việt	Quốc	Nam	25/09/1995	Phú Yên	8.5	Giỏi	D14AV04	
148	1422202010194	Phạm Hoàng Thanh	Thảo	Nữ	02/12/1995	Đồng Nai	7.2	Khá	D14AV04	
149	1422202010224	Vì Thị	Thiết	Nữ	15/02/1995	Đắk Lắk	8.4	Giỏi	D14AV04	
150	1422202010185	Châu Thị	Thu	Nữ	20/04/1995	Bình Thuận	7.2	Khá	D14AV04	
151	1422202010236	Đào Thanh	Thúy	Nữ	24/10/1996	Gia Lai	8.2	Giỏi	D14AV04	
152	1422202010221	Dương Thị	Toan	Nữ	04/10/1995	Đắk Lắk	7.8	Khá	D14AV04	
153	1422202010197	Nguyễn Hoàng Ngọc	Trâm	Nữ	29/03/1996	Bình Dương	7.3	Khá	D14AV04	
154	1422202010217	Nguyễn Thị Minh	Trang	Nữ	24/09/1996	Quảng Ngãi	7.6	Khá	D14AV04	
155	1422202010183	Nguyễn Thị Vy	Trang	Nữ	16/08/1996	Tp. HCM	7.9	Khá	D14AV04	
156	1422202010225	Nguyễn Thị Tú	Trình	Nữ	23/06/1996	Đắk Lắk	7.9	Khá	D14AV04	
157	1422202010186	Đỗ Ngô Minh	Tú	Nam	23/04/1996	Bình Dương	6.5	TB Khá	D14AV04	
158	1422202010201	Huỳnh Thị Thanh	Tuyền	Nữ	06/03/1996	Bình Dương	8.0	Giỏi	D14AV04	
159	1422202010209	Ngô Thị Tường	Vy	Nữ	01/06/1996	Quảng Ngãi	7.8	Khá	D14AV04	
160	1425202010001	Trần Ngọc Hữu	Ái	Nam	22/10/1996	Đồng Tháp	7.5	Khá	D14DT01	
161	1425202010011	Nguyễn Duy	An	Nam	30/07/1996	Bình Dương	8.1	Giỏi	D14DT01	
162	1425202010015	Lê Văn	Anh	Nam	14/10/1995	Thanh Hóa	7.8	Khá	D14DT01	
163	1425202010017	Nguyễn Hoàng	Anh	Nam	27/10/1996	Bình Dương	7.8	Khá	D14DT01	
164	1425202010018	Nguyễn Minh Tuấn	Anh	Nam	16/06/1996	Bình Dương	7.0	Khá	D14DT01	
165	1425202010021	Trương Minh	Bảo	Nam	16/11/1996	Sóc Trăng	7.7	Khá	D14DT01	
166	1425202010022	Bùi Huy	Bính	Nam	17/10/1996	Nghệ An	6.8	TB Khá	D14DT01	
167	1425202010020	Phan Nguyễn Thái	Bính	Nam	25/12/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14DT01	
168	1425202010023	Trần	Cánh	Nam	25/09/1996	Sông Bé	7.2	Khá	D14DT01	
169	1425202010027	Hoàng Minh	Chiến	Nam	03/12/1995	Bắc Ninh	6.8	TB Khá	D14DT01	
170	1425202010028	Lê Văn	Chung	Nam	01/01/1996	Thanh Hóa	6.5	TB Khá	D14DT01	
171	1425202010024	Nguyễn Chí	Cường	Nam	22/05/1995	Bình Dương	7.3	Khá	D14DT01	
172	1425202010026	Nguyễn Thế	Cường	Nam	24/03/1996	Hà Tĩnh	7.3	Khá	D14DT01	
173	1425202010002	Nguyễn Hải	Đặng	Nam	28/09/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14DT01	
174	1425202010008	Bùi Văn	Đặng	Nam	04/01/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14DT01	
175	1425202010003	Hoàng Minh	Đạo	Nam	26/12/1993	Bắc Ninh	7.1	Khá	D14DT01	
176	1425202010005	Nguyễn Tấn	Đạt	Nam	20/05/1996	Bình Dương	7.9	Khá	D14DT01	
177	1425202010006	Nguyễn Tuấn	Đạt	Nam	19/05/1996	Tây Ninh	7.5	Khá	D14DT01	
178	1425202010007	Võ	Đạt	Nam	20/10/1994	Quảng Ngãi	6.7	TB Khá	D14DT01	
179	1425202010009	Nguyễn Nguyên	Đức	Nam	23/04/1995	Bình Dương	8.1	Giỏi	D14DT01	
180	1425202010010	Phạm Minh	Đức	Nam	30/08/1996	Sông Bé	6.8	TB Khá	D14DT01	
181	1425202010029	Hà Minh	Dương	Nam	27/09/1996	Bình Dương	7.1	Khá	D14DT01	
182	1425202010030	Huỳnh Khánh	Dương	Nam	30/11/1996	Sông Bé	6.7	TB Khá	D14DT01	
183	1425202010032	Lâm Khánh	Duy	Nam	08/07/1996	Tây Ninh	7.1	Khá	D14DT01	
184	1425202010033	Trần Cún	Giềng	Nam	03/10/1996	Bình Thuận	7.2	Khá	D14DT01	
185	1425202010036	Phan Nguyễn Hùng	Hải	Nam	14/09/1996	Bình Dương	7.5	Khá	D14DT01	
186	1425202010034	Nguyễn Anh	Hào	Nam	02/06/1996	Sông Bé	7.9	Khá	D14DT01	
187	1425202010035	Nguyễn Văn	Hào	Nam	02/05/1996	Bình Định	7.6	Khá	D14DT01	
188	1425202010043	Ngô Trọng	Hiếu	Nam	07/03/1996	Đồng Nai	7.4	Khá	D14DT01	
189	1425202010044	Nguyễn Công	Hiếu	Nam	02/04/1996	Hải Phòng	6.2	TB Khá	D14DT01	
190	1425202010045	Nguyễn Minh	Hiếu	Nam	28/10/1996	Bình Dương	7.8	Khá	D14DT01	
191	1425202010047	Ngô Bảo	Hoài	Nam	10/11/1996	Sông Bé	7.1	Khá	D14DT01	
192	1425202010041	Nguyễn Thanh	Hùng	Nam	29/12/1996	Sông Bé	8.1	Giỏi	D14DT01	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
193	1425202010040	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	26/10/1996	Nghệ An	7.2	Khá	D14DT01	
194	1425202010038	Phạm Quang	Hương	Nam	20/10/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14DT01	
195	1425202010048	Lê Quang	Huy	Nam	12/06/1996	Đồng Tháp	6.7	TB Khá	D14DT01	
196	1425202010049	Nguyễn Đình	Huy	Nam	26/10/1996	Nghệ An	7.3	Khá	D14DT01	
197	1425202010050	Nguyễn Quang	Huy	Nam	01/12/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14DT01	
198	1425202010051	Nguyễn Văn	Huy	Nam	12/01/1996	Phú Yên	7.4	Khá	D14DT01	
199	1425202010052	Trịnh Lê Đình	Huy	Nam	17/05/1995	Tp. HCM	6.9	TB Khá	D14DT01	
200	1425202010053	Lương Hồng	Khánh	Nam	13/08/1996	Sông Bé	6.4	TB Khá	D14DT01	
201	1425202010055	Đặng Châu	Khoa	Nam	22/04/1996	Sông Bé	6.8	TB Khá	D14DT01	
202	1425202010056	Lê Đăng	Khoa	Nam	02/10/1994	Long An	7.2	Khá	D14DT01	
203	1425202010057	Nguyễn Anh	Kiệt	Nam	07/04/1996	Sông Bé	7.8	Khá	D14DT01	
204	1425202010058	Đỗ Cao	Lâm	Nam	21/08/1996	Tp. HCM	7.4	Khá	D14DT01	
205	1425202010060	Lý Nguyễn Sơn	Lâm	Nam	16/05/1996	Bình Dương	7.6	Khá	D14DT02	
206	1425202010064	Phạm Vũ	Linh	Nam	05/08/1996	Tây Ninh	6.8	TB Khá	D14DT02	
207	1425202010065	Võ Chí	Linh	Nam	05/10/1996	An Giang	7.2	Khá	D14DT02	
208	1425202010066	Huỳnh Ngọc	Long	Nam	01/02/1996	Bình Phước	6.7	TB Khá	D14DT02	
209	1425202010067	Nguyễn Văn	Long	Nam	16/07/1996	Bắc Giang	6.5	TB Khá	D14DT02	
210	1425202010068	Nguyễn Tấn	Lực	Nam	01/12/1996	Đồng Nai	6.5	TB Khá	D14DT02	
211	1425202010070	Bùi Duy	Nam	Nam	23/03/1995	Bình Dương	7.3	Khá	D14DT02	
212	1425202010071	Trần Trung	Nam	Nam	29/10/1996	Gia Lai	7.2	Khá	D14DT02	
213	1425202010074	Nguyễn Sĩ Bảo	Ngọc	Nam	17/03/1995	Bình Dương	7.3	Khá	D14DT02	
214	1425202010075	Phạm Duy	Nhân	Nam	28/09/1995	Tiền Giang	6.7	TB Khá	D14DT02	
215	1425202010076	Lê	Nhật	Nam	28/01/1996	Bình Phước	6.5	TB Khá	D14DT02	
216	1425202010079	Nguyễn Anh	Phúc	Nam	08/02/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14DT02	
217	1425202010078	Nguyễn Thành	Phước	Nam	11/04/1996	Sông Bé	7.2	Khá	D14DT02	
218	1425202010077	Lương Vũ Duy	Phương	Nam	26/09/1996	Quảng Ngãi	5.6	TB	D14DT02	
219	1425202010081	Ngô Minh	Quân	Nam	08/07/1996	Bình Phước	6.6	TB Khá	D14DT02	
220	1425202010083	Nguyễn Thanh	Quang	Nam	28/09/1995	Bình Dương	7.2	Khá	D14DT02	
221	1425202010084	Phan Vinh	Quang	Nam	10/04/1996	Bình Dương	6.7	TB Khá	D14DT02	
222	1425202010085	Nguyễn Đình	Quý	Nam	20/06/1996	Bình Phước	8.3	Giỏi	D14DT02	
223	1425202010091	Lê Xuân	Sang	Nam	01/02/1996	Thanh Hóa	5.8	TB	D14DT02	
224	1425202010086	Phạm Xuân	Sơn	Nam	07/11/1996	Nghệ An	5.9	TB	D14DT02	
225	1425202010087	Thượng Thanh	Sơn	Nam	09/02/1995	Bình Dương	6.6	TB Khá	D14DT02	
226	1425202010088	Quách Kế	Sương	Nam	13/11/1995	Bình Dương	7.9	Khá	D14DT02	
227	1425202010096	Võ Thanh	Tài	Nam	21/05/1996	Bình Dương	7.0	Khá	D14DT02	
228	1425202010094	Nguyễn Thanh	Tâm	Nam	19/09/1996	Bình Dương	6.2	TB Khá	D14DT02	
229	1425202010097	Bùi Văn	Thái	Nam	22/05/1994	Thanh Hóa	7.9	Khá	D14DT02	
230	1425202010099	Huỳnh Chí	Thành	Nam	04/10/1996	Bình Phước	7.4	Khá	D14DT02	
231	1425202010100	Ngô Trung	Thành	Nam	18/09/1995	Sông Bé	7.2	Khá	D14DT02	
232	1425202010101	Nguyễn Minh	Thành	Nam	08/10/1996	Hà Nam	6.6	TB Khá	D14DT02	
233	1425202010102	La Văn	Thào	Nam	04/02/1996	Cao Bằng	7.2	Khá	D14DT02	
234	1425202010104	Hoàng Văn	Thêm	Nam	23/08/1996	Thanh Hóa	7.1	Khá	D14DT02	
235	1425202010106	Nguyễn Kiên	Thiện	Nam	12/07/1995	Sông Bé	7.1	Khá	D14DT02	
236	1425202010107	Phan Minh	Thiện	Nam	27/04/1996	Trà Vinh	7.0	Khá	D14DT02	
237	1425202010098	Lê Quang	Thông	Nam	20/11/1996	Bình Dương	7.1	Khá	D14DT02	
238	1425202010105	Lê Văn	Thường	Nam	04/02/1988	Nam Định	6.6	TB Khá	D14DT02	
239	1425202010108	Trần Nam	Thuyền	Nam	27/08/1996	Quảng Ngãi	7.0	Khá	D14DT02	
240	1425202010119	Lê Minh	Trí	Nam	29/11/1996	Bình Dương	6.9	TB Khá	D14DT02	
241	1425202010110	Võ Lê Công	Trình	Nam	26/10/1996	Tây Ninh	7.4	Khá	D14DT02	
242	1425202010112	Nguyễn Hoài	Trọng	Nam	06/07/1996	Bình Dương	8.5	Giỏi	D14DT02	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
243	1425202010116	Đoàn Tấn	Trung	Nam	15/02/1996	Bình Dương	7.5	Khá	D14DT02	
244	1425202010117	Nguyễn Hoài	Trung	Nam	10/01/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14DT02	
245	1425202010118	Nguyễn Khánh	Trung	Nam	19/12/1993	Thái Nguyên	7.6	Khá	D14DT02	
246	1425202010113	Lê Nho	Trường	Nam	21/02/1996	Bình Phước	7.6	Khá	D14DT02	
247	1425202010114	Nguyễn Thanh	Trường	Nam	12/01/1996	Bình Dương	6.9	TB Khá	D14DT02	
248	1425202010115	Phạm Duy	Trường	Nam	13/07/1994	Ninh Thuận	8.0	Giỏi	D14DT02	
249	1425202010120	Nguyễn Quốc	Tuấn	Nam	1995	Sông Bé	7.2	Khá	D14DT02	
250	1425202010121	Hà Đình	Tý	Nam	12/02/1996	Phú Thọ	6.3	TB Khá	D14DT02	
251	1425202010173	Bùi Tuấn	Anh	Nam	21/06/1996		7.8	Khá	D14DT03	
252	1425202010184	Lê Tuấn	Anh	Nam	27/07/1996	Sông Bé	6.7	TB Khá	D14DT03	
253	1425202010162	Nguyễn Đăng	Biểu	Nam	28/08/1996	Thanh Hóa	7.6	Khá	D14DT03	
254	1425202010230	Đỗ Tấn	Bính	Nam	26/09/1996	Quảng Ngãi	7.6	Khá	D14DT03	
255	1425202010172	Hoàng Vũ Hải	Bính	Nam	08/11/1996	Bình Dương	6.0	TB	D14DT03	
256	1425202010140	Lê Thanh	Bính	Nam	10/01/1996	Đồng Nai	8.1	Giỏi	D14DT03	
257	1425202010234	Phan Thanh	Bính	Nam	06/02/1996	Lâm Đồng	6.7	TB Khá	D14DT03	
258	1425202010142	Trần Ích	Cường	Nam	12/06/1996	Đắk Lắk	7.3	Khá	D14DT03	
259	1425202010148	Vũ Minh	Cường	Nam	11/08/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14DT03	
260	1425202010138	Nguyễn Phúc	Dầu	Nam	01/10/1996	Sông Bé	7.9	Khá	D14DT03	
261	1425202010179	Triệu Văn	Giáp	Nam	05/01/1996	Bình Dương	6.6	TB Khá	D14DT03	
262	1425202010130	Nguyễn Thanh	Gương	Nam	19/11/1996	Bình Dương	7.0	Khá	D14DT03	
263	1425202010180	Đăng	Hải	Nam	13/04/1996	Gia Lai	8.0	Giỏi	D14DT03	
264	1425202010147	Huỳnh Thanh	Hiếu	Nam	28/10/1996	Bình Dương	6.8	TB Khá	D14DT03	
265	1425202010205	Hồ Minh	Hoàng	Nam	28/10/1996	Đắk Lắk	7.2	Khá	D14DT03	
266	1425202010129	Phạm Văn	Hợp	Nam	24/11/1996	Nam Định	6.5	TB Khá	D14DT03	
267	1425202010135	Nguyễn Kim	Hung	Nam	19/06/1995	Bình Dương	7.1	Khá	D14DT03	
268	1425202010178	Nguyễn Đức	Huy	Nam	25/12/1996	Quảng Ngãi	7.4	Khá	D14DT03	
269	1425202010134	Lê Đăng	Khoa	Nam	15/11/1996	Tp. HCM	6.8	TB Khá	D14DT03	
270	1425202010166	Phạm Văn	Khoa	Nam	01/03/1996	Ninh Bình	7.8	Khá	D14DT03	
271	1425202010153	Nguyễn Ngọc	Kiên	Nam	02/02/1996	Nam Định	7.8	Khá	D14DT03	
272	1425202010217	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	06/09/1996	Nghệ An	7.2	Khá	D14DT03	
273	1425202010210	Phan Xuân	Lon	Nam	01/05/1996	Quảng Bình	7.0	Khá	D14DT03	
274	1425202010224	Hoàng Thế	Mạnh	Nam	09/02/1996	Đắk Lắk	6.8	TB Khá	D14DT03	
275	1425202010165	Nguyễn Văn	Nam	Nam	25/01/1996	Sông Bé	7.1	Khá	D14DT03	
276	1425202010222	Trần Đức	Nhớ	Nam	24/01/1995	Quảng Bình	7.6	Khá	D14DT03	
277	1425202010144	Hồ Sỹ Vi	Phong	Nam	20/09/1996	Đắk Lắk	7.5	Khá	D14DT03	
278	1425202010223	Quách Thanh	Phong	Nam	17/09/1996	Quảng Ngãi	7.2	Khá	D14DT03	
279	1425202010156	Đoàn Ngọc	Phú	Nam	11/07/1996	Sông Bé	7.4	Khá	D14DT03	
280	1425202010198	Nguyễn Tấn	Phước	Nam	07/06/1996	Ninh Thuận	7.8	Khá	D14DT03	
281	1425202010193	Thới Văn	Quân	Nam	09/01/1996	Quảng Ngãi	6.7	TB Khá	D14DT03	
282	1425202010125	Nguyễn Văn	Quang	Nam	25/02/1996	Bình Phước	7.4	Khá	D14DT03	
283	1425202010158	Nguyễn Lê Như	Quỳnh	Nữ	20/04/1994	Ninh Thuận	6.8	TB Khá	D14DT03	
284	1425202010213	Trần Văn	Tài	Nam	13/08/1995	Đắk Lắk	7.3	Khá	D14DT03	
285	1425202010149	Đỗ Minh	Tâm	Nam	20/09/1996	Đồng Nai	7.5	Khá	D14DT03	
286	1425202010133	Phạm Minh	Tâm	Nam	15/01/1996	Đồng Nai	6.8	TB Khá	D14DT03	
287	1425202010200	Thượng Công	Tâm	Nam	01/02/1996	Bến Tre	7.9	Khá	D14DT03	
288	1425202010154	Trần Minh	Tân	Nam	18/06/1996	Bình Dương	7.0	Khá	D14DT03	
289	1425202010211	Trương Đức	Thắng	Nam	04/01/1996	Bình Thuận	6.3	TB Khá	D14DT03	
290	1425202010131	Hồ Chí	Thành	Nam	07/05/1996	Bình Dương	7.2	Khá	D14DT03	
291	1425202010183	Nguyễn Quang	Thành	Nam	09/11/1996	Hà Nội	7.1	Khá	D14DT03	
292	1425202010190	Nguyễn Trung	Thành	Nam	17/09/1996	Đắk Lắk	7.5	Khá	D14DT03	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
293	1425202010161	Phạm Trung	Thành	Nam	20/01/1995	Bình Dương	7.1	Khá	D14DT03	
294	1425202010167	Trương Hữu	Thành	Nam	26/09/1996	Bình Dương	7.5	Khá	D14DT03	
295	1425202010203	Lê Trung	Thảo	Nam	07/03/1996	Phú Yên	7.2	Khá	D14DT03	
296	1425202010215	Đoàn Văn	Thiện	Nam	25/12/1996	Đắk Lắk	7.0	Khá	D14DT03	
297	1425202010208	Hoàng Đức	Thiện	Nam	28/10/1995	Đắk Nông	7.6	Khá	D14DT03	
298	1425202010218	Huỳnh Tiến	Thịnh	Nam	25/11/1996	Gia Lai	7.9	Khá	D14DT03	
299	1425202010199	Trang Công	Thương	Nam	20/02/1995	Bình Định	6.2	TB Khá	D14DT03	
300	1425202010141	Nguyễn Việt	Tiến	Nam	18/02/1996	Tiền Giang	7.0	Khá	D14DT03	
301	1425202010197	Nguyễn Đức	Toàn	Nam	01/01/1996	Bình Định	6.7	TB Khá	D14DT03	
302	1425202010123	Nguyễn Công Miên	Trường	Nam	10/09/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14DT03	
303	1425202010202	Nguyễn Quang	Trường	Nam	08/08/1996	Đắk Lắk	7.7	Khá	D14DT03	
304	1425202010212	Dương Văn	Vân	Nam	06/06/1994	Quảng Bình	6.5	TB Khá	D14DT03	
305	1425202010233	Nông Hồng	Vỹ	Nam	06/01/1996	Đắk Lắk	6.9	TB Khá	D14DT03	
306	1421401010090	Đình Thế	Anh	Nam	11/01/1989	Bình Dương	8.0	Giỏi	D14GD01	
307	1421401010095	Nguyễn Đức	Anh	Nam	08/08/1993	Quảng Bình	7.1	Khá	D14GD01	
308	1421401010077	Nhữ Thị	Bình	Nữ	06/07/1996	Bình Dương	7.3	Khá	D14GD01	
309	1421401010002	Dương Ngọc	Châu	Nữ	09/05/1996	Bình Dương	7.6	Khá	D14GD01	
310	1421401010032	Võ Thị Kiều	Chinh	Nữ	09/08/1996	Bình Thuận	7.3	Khá	D14GD01	
311	1421401010001	Lê Minh	Đặng	Nam	20/10/1994	Bình Dương	6.7	TB Khá	D14GD01	
312	1421401010082	Phan Thị Thanh	Diễm	Nữ	25/10/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14GD01	
313	1421401010004	Nguyễn Thị Phương	Dung	Nữ	08/06/1996	Bình Dương	7.0	Khá	D14GD01	
314	1421401010005	Lê Diễm	Hằng	Nữ	28/09/1996	Bình Dương	7.1	Khá	D14GD01	
315	1421401010008	Nguyễn Thị	Hạnh	Nữ	07/01/1996	Bình Dương	5.9	TB	D14GD01	
316	1421401010085	Trần Tuấn	Hào	Nam	25/01/1995	Bình Dương	8.0	Giỏi	D14GD01	
317	1421401010103	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	04/08/1996	Thanh Hóa	6.7	TB Khá	D14GD01	
318	1421401010081	Nguyễn Đức	Hội	Nam	30/10/1995	Quảng Ngãi	7.3	Khá	D14GD01	
319	1421401010009	Nguyễn Thị Bích	Huệ	Nữ	02/04/1994	Bến Tre	6.9	TB Khá	D14GD01	
320	1421401010010	Nguyễn Ngọc	Huyền	Nữ	31/08/1996	Bình Dương	6.8	TB Khá	D14GD01	
321	1421401010076	Nguyễn Thị Cẩm	Huyền	Nữ	23/01/1996	Bình Dương	7.3	Khá	D14GD01	
322	1421401010054	Hoàng Thị	Liên	Nữ	10/06/1996	Đắk Lắk	7.0	Khá	D14GD01	
323	1421401010012	Nguyễn Hoàng	Linh	Nam	01/09/1996	Tp. HCM	7.3	Khá	D14GD01	
324	1421401010086	Phan Thị Mỹ	Linh	Nữ	21/06/1996	Bình Dương	7.1	Khá	D14GD01	
325	1421401010014	Nguyễn Thị Hoàng	Mai	Nữ	26/07/1996	Bình Dương	7.2	Khá	D14GD01	
326	1421401010015	Võ Thị Hải	Ngân	Nữ	20/05/1994	Bình Dương	6.9	TB Khá	D14GD01	
327	1421401010108	Ngô Bảo	Nhi	Nữ	17/01/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14GD01	
328	1421401010084	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Nữ	12/09/1995	Sông Bé	7.2	Khá	D14GD01	
329	1421401010057	Đoàn Thị Hồng	Nhung	Nữ	10/08/1996	Bình Dương	7.5	Khá	D14GD01	
330	1421401010089	Lê Thị	Oanh	Nữ	03/03/1996	Thanh Hóa	7.6	Khá	D14GD01	
331	1421401010017	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	Nữ	14/09/1995	Bình Dương	7.4	Khá	D14GD01	
332	1421401010059	Vy Thị	Phấn	Nữ	24/01/1996	Lạng Sơn	7.2	Khá	D14GD01	
333	1421401010046	Nguyễn Hồng Diễm	Phúc	Nữ	07/09/1996	Bình Dương	7.3	Khá	D14GD01	
334	1421401010019	Lê Thị	Tâm	Nữ	02/01/1996	Tây Ninh	8.3	Giỏi	D14GD01	
335	1421401010020	Trương Duy	Thành	Nam	05/02/1995	Đồng Nai	6.5	TB Khá	D14GD01	
336	1421401010088	Phạm Đoàn Như	Thảo	Nữ	09/12/1996	Bình Dương	6.4	TB Khá	D14GD01	
337	1421401010047	Đông Thị	Thương	Nữ	09/03/1996	Bắc Kạn	6.8	TB Khá	D14GD01	
338	1421401010022	Hứa Bảo	Thy	Nữ	05/09/1996	Bình Dương	7.0	Khá	D14GD01	
339	1421401010092	Nguyễn Thị Thuý	Tiên	Nữ	01/10/1996	Bình Dương	7.6	Khá	D14GD01	
340	1421401010094	Phạm Trung	Tĩnh	Nam	10/09/1994	Bình Dương	7.7	Khá	D14GD01	
341	1421401010024	Trần Quang Anh	Toàn	Nam	28/08/1994	Bình Dương	7.1	Khá	D14GD01	
342	1421401010025	Nguyễn Ngọc	Trâm	Nữ	29/08/1995	Bình Dương	7.3	Khá	D14GD01	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
343	1421401010087	Trần Thị Lê	Trình	Nữ	12/04/1993	Quảng Ngãi	6.8	TB Khá	D14GD01	
344	1421401010026	Nguyễn Thanh	Trung	Nam	08/01/1995	Tây Ninh	7.1	Khá	D14GD01	
345	1421401010100	Nguyễn Ngọc	Tuyền	Nữ	06/06/1996	Bình Dương	6.9	TB Khá	D14GD01	
346	1421401010018	Võ Hồng	Út	Nữ	01/08/1996	Bình Dương	7.3	Khá	D14GD01	
347	1421401010040	Bùi Thanh	Vân	Nữ	07/10/1996	Bình Dương	7.9	Khá	D14GD01	
348	1421401010041	Nguyễn Thị Kiều	Vân	Nữ	02/11/1996	Bình Thuận	7.5	Khá	D14GD01	
349	1421401010029	Trần Hồng	Vân	Nữ	14/07/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14GD01	
350	1421401010039	Đỗ Tuyết	Vàng	Nữ	09/07/1996	Bình Dương	8.0	Giỏi	D14GD01	
351	1421401010061	Vũ Thủy	Vy	Nữ	01/02/1996	Bình Phước	6.6	TB Khá	D14GD01	
352	1421401010217	Nguyễn Lê Tú	Anh	Nữ	14/11/1996	Bình Dương	7.8	Khá	D14GD02	
353	1421401010214	Nguyễn Ngọc	Châu	Nữ	04/12/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14GD02	
354	1421401010204	Nguyễn Thị	Diễm	Nữ	15/03/1995	Bình Thuận	6.6	TB Khá	D14GD02	
355	1421401010160	Hoàng Thế	Dũng	Nam	06/08/1996	Gia Lai	7.1	Khá	D14GD02	
356	1421401010121	Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	20/11/1996	Bình Dương	6.8	TB Khá	D14GD02	
357	1421401010154	Nguyễn Thị Hương	Giang	Nữ	31/10/1996	Yên Bái	7.5	Khá	D14GD02	
358	1421401010213	Nguyễn Thy	Hạ	Nữ	27/01/1995	Tp. HCM	7.1	Khá	D14GD02	
359	1421401010136	Nguyễn Trí	Hiếu	Nam	08/10/1996	Đồng Nai	8.3	Giỏi	D14GD02	
360	1421401010155	Lê Thị	Hoa	Nữ	28/12/1995	Nghệ An	7.4	Khá	D14GD02	
361	1421401010171	Ngô Thị Thanh	Hương	Nữ	14/08/1996	Sông Bé	6.4	TB Khá	D14GD02	
362	1421401010178	Phạm Thị	Huyền	Nữ	20/06/1996	Quảng Ngãi	7.1	Khá	D14GD02	
363	1421401010159	Lê Thị	Loan	Nữ	11/10/1996	Bình Dương	7.3	Khá	D14GD02	
364	1421401010135	Nguyễn Minh	Lộc	Nam	02/01/1995	Đồng Nai	6.3	TB Khá	D14GD02	
365	1421401010110	Nguyễn Thị My	Ly	Nữ	06/07/1995	Quảng Nam	7.3	Khá	D14GD02	
366	1421401010189	Phùng Thị Tuyết	Mai	Nữ	08/04/1996	Bình Định	7.2	Khá	D14GD02	
367	1421401010142	Trương Quốc	Nam	Nam	25/06/1996	Bình Dương	7.2	Khá	D14GD02	
368	1421401010150	Phạm Trần Kiều	Nga	Nữ	01/02/1996	Đồng Nai	8.1	Giỏi	D14GD02	
369	1421401010181	Lê Thị Kiều	Ngân	Nữ	28/09/1996	Quảng Ngãi	7.5	Khá	D14GD02	
370	1421401010179	Lê Thị	Nhi	Nữ	14/07/1996	Thanh Hóa	8.0	Giỏi	D14GD02	
371	1421401010153	Nguyễn Yến	Nhi	Nữ	13/08/1996	Bình Dương	7.5	Khá	D14GD02	
372	1421401010209	Đặng Thị	Như	Nữ	19/02/1996	Kiên Giang	7.2	Khá	D14GD02	
373	1421401010198	Phan Thị Hà	Như	Nữ	20/10/1996	Đắk Lắk	6.9	TB Khá	D14GD02	
374	1421401010079	Lê Thụy Hoài	Nhung	Nữ	12/01/1996	Bình Dương	6.9	TB Khá	D14GD02	
375	1421401010192	Nguyễn Thị Hồng	Phấn	Nữ	12/11/1996	Phú Yên	7.5	Khá	D14GD02	
376	1421401010196	Lê Thị	Phước	Nữ	28/04/1995	Hà Tĩnh	7.2	Khá	D14GD02	
377	1421401010130	Lê Nguyễn Trúc	Phương	Nữ	10/11/1996	Bình Dương	7.6	Khá	D14GD02	
378	1421401010125	Phạm Thị Lê	Quyên	Nữ	03/04/1995	Bình Dương	7.2	Khá	D14GD02	
379	1421401010170	Huỳnh Thị Ngọc	Quyên	Nữ	08/11/1994	Bình Dương	7.3	Khá	D14GD02	
380	1421401010131	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	21/09/1996	Bình Dương	7.3	Khá	D14GD02	
381	1421401010200	Trịnh Như	Quỳnh	Nữ	01/06/1996	Bình Phước	7.4	Khá	D14GD02	
382	1421401010117	Huỳnh Thị Hồng	Thắm	Nữ	30/03/1996	Tây Ninh	7.1	Khá	D14GD02	
383	1421401010036	Lý Thạch	Thào	Nữ	26/01/1996	Bình Dương	8.0	Giỏi	D14GD02	
384	1421401010161	Trương Thị Lê	Thi	Nữ	26/06/1996	Long An	7.4	Khá	D14GD02	
385	1421401010215	Dương Tấn	Thịnh	Nam	03/12/1996	Bình Dương	7.0	Khá	D14GD02	
386	1421401010216	Tô Minh	Thơ	Nữ	26/02/1996	Sông Bé	6.4	TB Khá	D14GD02	
387	1421401010206	Trần Thị Kim	Thoa	Nữ	20/02/1996	Bến Tre	7.3	Khá	D14GD02	
388	1421401010157	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	Nữ	05/07/1996	Bình Dương	6.8	TB Khá	D14GD02	
389	1421401010115	Phạm Thị	Thúy	Nữ	29/09/1996	Bắc Giang	7.3	Khá	D14GD02	
390	1421401010127	Nguyễn Thị Bích	Thúy	Nữ	09/09/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14GD02	
391	1421401010166	Nguyễn Thanh	Tiến	Nam	22/11/1994	Bình Dương	7.8	Khá	D14GD02	
392	1421401010162	Nguyễn Thị Thu	Trang	Nữ	20/09/1996	Bình Dương	7.3	Khá	D14GD02	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
393	1421401010132	Vũ Sơn	Tùng	Nam	21/10/1994	Bình Dương	7.6	Khá	D14GD02	
394	1421401010128	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	03/08/1995	Sông Bé	7.5	Khá	D14GD02	
395	1421401010158	Nguyễn Xuân	Vũ	Nam	04/09/1993	Bình Dương	7.1	Khá	D14GD02	
396	1424401120009	Nguyễn Duy	An	Nữ	24/12/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14HH01	
397	1424401120010	Nguyễn Chí	Anh	Nam	08/04/1996	Bình Dương	7.5	Khá	D14HH01	
398	1424401120011	Vũ Thị Lan	Anh	Nữ	15/10/1996	Tp. HCM	7.5	Khá	D14HH01	
399	1424401120001	Hoàng Thị	Ánh	Nữ	17/12/1996	Bắc Giang	7.5	Khá	D14HH01	
400	1424401120002	Lê Hải	Âu	Nam	30/12/1996	Tây Ninh	7.4	Khá	D14HH01	
401	1424401120012	Phan Quốc	Bình	Nam	24/09/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14HH01	
402	1424401120004	Trương Công	Đạt	Nam	11/05/1995	Sông Bé	8.1	Giỏi	D14HH01	
403	1424401120021	Võ Kiều	Diễm	Nữ	09/03/1996	Bình Dương	8.2	Giỏi	D14HH01	
404	1424401120020	Nguyễn Thị Ngọc	Dinh	Nữ	20/07/1996	Bình Dương	7.3	Khá	D14HH01	
405	1424401120007	Trần Minh	Đức	Nam	21/06/1996	Bình Dương	8.0	Giỏi	D14HH01	
406	1424401120023	Trần Thanh	Duy	Nam	04/10/1995	Tây Ninh	7.1	Khá	D14HH01	
407	1424401120028	Nguyễn Thị Ngân	Hà	Nữ	02/02/1996	Bình Dương	7.9	Khá	D14HH01	
408	1424401120031	Trịnh Thị	Hà	Nữ	04/08/1996	Thanh Hóa	7.1	Khá	D14HH01	
409	1424401120032	Huỳnh Đức	Hạnh	Nam	13/04/1993	Bình Dương	8.4	Giỏi	D14HH01	
410	1424401120038	Nguy Xuân	Hậu	Nam	04/01/1996	Vĩnh Long	7.7	Khá	D14HH01	
411	1424401120041	Nguyễn Thị	Hoàng	Nữ	10/11/1996	Bình Dương	7.3	Khá	D14HH01	
412	1424401120027	Đỗ Thị Thanh	Hương	Nữ	20/12/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14HH01	
413	1424401120037	Trần Thu	Hường	Nữ	02/06/1996	Hà Nam	7.1	Khá	D14HH01	
414	1424401120050	Lê Phạm	Huỳnh	Nam	19/03/1996	Bình Dương	7.0	Khá	D14HH01	
415	1424401120047	Bùi Châu	Huỳnh	Nữ	24/10/1995	Bình Dương	6.9	TB Khá	D14HH01	
416	1424401120056	Phan Vũ Trương	Lài	Nữ	27/04/1996	Bình Dương	7.8	Khá	D14HH01	
417	1424401120061	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	04/09/1996	Tp. HCM	8.2	Giỏi	D14HH01	
418	1424401120068	Nguyễn Thị Trúc	Mai	Nữ	15/12/1996	Bình Dương	8.4	Giỏi	D14HH01	
419	1424401120071	Nguyễn Hoàng	Minh	Nam	16/10/1996	Bình Dương	5.4	TB	D14HH01	
420	1424401120066	Nguyễn Thị	Mơ	Nữ	18/05/1996	Thái Bình	8.0	Giỏi	D14HH01	
421	1424401120073	Trương Hoài	My	Nữ	26/11/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14HH01	
422	1424401120072	Đoàn Thoại	Mỹ	Nữ	18/11/1994	Cần Thơ	8.3	Giỏi	D14HH01	
423	1424401120076	Cao Hồ Kim	Ngân	Nữ	31/12/1996	Bình Dương	8.4	Giỏi	D14HH01	
424	1424401120077	Nguyễn Hoàng Kim	Ngân	Nữ	20/11/1996	Bình Dương	8.1	Giỏi	D14HH01	
425	1424401120081	Phạm Hồng	Ngọc	Nữ	20/12/1996	Bình Dương	8.1	Giỏi	D14HH01	
426	1424401120082	Phạm Thị Kiều	Ngọc	Nữ	02/10/1996	Bình Dương	8.5	Giỏi	D14HH01	
427	1424401120083	Trần Kim	Ngọc	Nữ	30/01/1996	Bình Dương	7.5	Khá	D14HH01	
428	1424401120088	Nguyễn Trọng	Nhân	Nam	01/08/1996	Sông Bé	7.3	Khá	D14HH01	
429	1424401120092	Trương Minh	Nhị	Nam	02/07/1996	Bình Dương	7.8	Khá	D14HH01	
430	1424401120086	Bùi Thị Huỳnh	Như	Nữ	02/10/1996	Bình Dương	8.1	Giỏi	D14HH01	
431	1424401120087	Ngô Thị Yến	Như	Nữ	20/07/1996	Bình Dương	8.6	Giỏi	D14HH01	
432	1424401120093	Lâm Thị	Nhung	Nữ	18/01/1996	Bình Dương	8.1	Giỏi	D14HH01	
433	1424401120095	Dương Tấn	Phúc	Nam	08/07/1995	Đồng Nai	6.9	TB Khá	D14HH01	
434	1424401120098	Nguyễn Văn	Quốc	Nam	04/04/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14HH01	
435	1424401120101	Lương Phan	Quyền	Nam	03/06/1996		5.4	TB	D14HH01	
436	1424401120179	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	15/08/1996	Bình Phước	7.9	Khá	D14HH02	
437	1424401120203	Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	09/05/1996	Đắk Lắk	8.4	Giỏi	D14HH02	
438	1424401120193	Nguyễn Mạnh	Giàu	Nam	21/08/1996	Bình Định	7.8	Khá	D14HH02	
439	1424401120189	Lê Thị Thu	Hương	Nữ	29/01/1996	Tp. HCM	7.7	Khá	D14HH02	
440	1424401120218	Lê Văn	Linh	Nam	07/09/1996	Bình Thuận	7.8	Khá	D14HH02	
441	1424401120213	Châu Thị Kim	Luyến	Nữ	20/09/1996	Phú Yên	8.1	Giỏi	D14HH02	
442	1424401120202	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	09/09/1996	Đắk Lắk	8.1	Giỏi	D14HH02	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
443	1424401120192	Lê Thị Thúy	Ngân	Nữ	24/11/1996	Sông Bé	8.1	Giỏi	D14HH02	
444	1424401120205	Đỗ Kiều	Oanh	Nữ	08/09/1995	Gia Lai	6.9	TB Khá	D14HH02	
445	1424401120103	Nguyễn Thị Thu	Sương	Nữ	03/03/1996	Sông Bé	8.3	Giỏi	D14HH02	
446	1424401120106	Bồ Minh	Tân	Nam	15/07/1996	Sông Bé	7.9	Khá	D14HH02	
447	1424401120107	Tô Huỳnh	Tân	Nam	16/12/1996	Bình Dương	7.8	Khá	D14HH02	
448	1424401120212	Trần Vũ Nguyễn Công	Thái	Nam	07/02/1996	Tây Ninh	7.4	Khá	D14HH02	
449	1424401120191	Nguyễn Chí	Thanh	Nam	08/11/1994	Bình Dương	7.7	Khá	D14HH02	
450	1424401120197	Lê Nguyên	Thanh	Nam	16/07/1996	Khánh Hòa	7.4	Khá	D14HH02	
451	1424401120186	Đào Nguyễn Hồng	Thào	Nữ	01/03/1996	Tp. HCM	7.3	Khá	D14HH02	
452	1424401120116	Lê Huỳnh Phương	Thào	Nữ	11/04/1996	Bình Dương	7.8	Khá	D14HH02	
453	1424401120121	Nguyễn Mai	Thi	Nữ	25/08/1996	Sông Bé	7.5	Khá	D14HH02	
454	1424401120198	Bùi Tá	Thiện	Nam	04/04/1996	Quảng Ngãi	7.2	Khá	D14HH02	
455	1424401120175	Nguyễn Thanh	Thiện	Nữ	17/02/1996	Sông Bé	7.9	Khá	D14HH02	
456	1424401120122	Trần Hồ Vĩnh	Thiện	Nam	04/12/1996	Bình Dương	7.8	Khá	D14HH02	
457	1424401120129	Mai Hoàng	Thịnh	Nam	31/08/1996	Bình Dương	8.1	Giỏi	D14HH02	
458	1424401120125	Phạm Thị Kim	Thoa	Nữ	03/11/1996	Sông Bé	8.1	Giỏi	D14HH02	
459	1424401120109	Phạm Ngọc Anh	Thư	Nữ	01/03/1996	Sông Bé	7.7	Khá	D14HH02	
460	1424401120110	Trần Anh	Thư	Nữ	19/12/1996	Bình Phước	7.7	Khá	D14HH02	
461	1424401120173	Huỳnh Kim	Thuận	Nữ	30/09/1996	Bình Dương	7.9	Khá	D14HH02	
462	1424401120112	Bùi Thị Duy	Thương	Nữ	22/03/1996	Thanh Hóa	8.1	Giỏi	D14HH02	
463	1424401120119	Trần Minh	Thường	Nam	22/01/1996	Bình Dương	8.2	Giỏi	D14HH02	
464	1424401120130	Lê Ngọc	Thủy	Nữ	04/08/1996	Sông Bé	7.4	Khá	D14HH02	
465	1424401120131	Nguyễn Thị Bích	Thủy	Nữ	31/05/1996	Sông Bé	8.0	Giỏi	D14HH02	
466	1424401120187	Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	04/02/1996	Quảng Ngãi	8.2	Giỏi	D14HH02	
467	1424401120124	Trần Thị Thu	Thủy	Nữ	29/04/1996	Bình Dương	8.0	Giỏi	D14HH02	
468	1424401120132	Trần Thảo	Tiên	Nữ	28/11/1996	Sông Bé	8.4	Giỏi	D14HH02	
469	1424401120137	Phạm Ngọc	Trần	Nữ	01/05/1996	Bình Dương	7.8	Khá	D14HH02	
470	1424401120206	Cao Thị Thùy	Trang	Nữ	02/12/1996	Đắk Lắk	8.5	Giỏi	D14HH02	
471	1424401120139	Lê Thị Phương	Trang	Nữ	15/06/1995	Thanh Hóa	8.4	Giỏi	D14HH02	
472	1424401120195	Trần Đình	Trung	Nam	20/10/1996	Đắk Lắk	8.3	Giỏi	D14HH02	
473	1424401120144	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	Nữ	13/02/1995	Sông Bé	7.5	Khá	D14HH02	
474	1424401120146	Đào Thị Thê	Uyên	Nữ	12/07/1995	Tp. HCM	7.7	Khá	D14HH02	
475	1424401120147	Nguyễn Ngọc Phương	Uyên	Nữ	17/04/1996	Bình Dương	8.1	Giỏi	D14HH02	
476	1424401120148	Phạm Thị	Vân	Nữ	16/11/1996	Bình Phước	7.7	Khá	D14HH02	
477	1424401120150	Kiều Tuấn	Vũ	Nam	01/06/1996	Bình Dương	8.0	Giỏi	D14HH02	
478	1424401120153	Phạm Thị Ngọc	Xuyến	Nữ	1995	Sông Bé	8.0	Giỏi	D14HH02	
479	1424401120158	Nguyễn Hoàng	Yến	Nữ	03/08/1996	Hải Phòng	7.8	Khá	D14HH02	
480	1424801040003	Phan Thị Hoàng	An	Nữ	15/04/1995	Bình Dương	7.5	Khá	D14HT01	
481	1424801040119	Lê Nguyên Bảo	Anh	Nam	10/11/1996	Đồng Nai	7.8	Khá	D14HT01	
482	1424801040096	Nguyễn Huỳnh Quốc	Bảo	Nam	18/11/1996	Bến Tre	7.5	Khá	D14HT01	
483	1424801040004	Vũ Nguyễn Xuân	Bình	Nam	16/12/1996	Bình Dương	7.1	Khá	D14HT01	
484	1424801040006	Phan Nguyễn Mai	Chi	Nữ	07/11/1996	Bình Dương	7.3	Khá	D14HT01	
485	1424801040005	Trần Quốc	Cường	Nam	06/01/1996	Bình Dương	6.7	TB Khá	D14HT01	
486	1424801040113	Nguyễn Đức	Dân	Nam	17/10/1996	Bình Dương	6.5	TB Khá	D14HT01	
487	1424801040058	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	11/12/1996		7.7	Khá	D14HT01	
488	1424801040007	Nguyễn Thanh	Duy	Nam	28/09/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14HT01	
489	1424801040008	Bồ Hữu Tú	Em	Nam	04/07/1994	Đồng Nai	6.7	TB Khá	D14HT01	
490	1424801040106	Võ Trường	Giang	Nam	24/11/1996	Bình Dương	7.6	Khá	D14HT01	
491	1424801040074	Lê Thu	Hà	Nữ	30/10/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14HT01	
492	1424801040077	Nguyễn Thị Hoàng	Hà	Nữ	25/05/1996	Ninh Thuận	7.4	Khá	D14HT01	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
493	1424801040009	Phạm Thanh	Hải	Nam	02/09/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14HT01	
494	1424801040041	Nguyễn Thị Lệ	Hằng	Nữ	12/12/1996	Bình Dương	7.1	Khá	D14HT01	
495	1424801040107	Phan Trường	Huy	Nam	29/01/1996	Tp. HCM	7.1	Khá	D14HT01	
496	1424801040116	Dương Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	30/12/1996	Cần Thơ	7.3	Khá	D14HT01	
497	1424801040111	Lê Đỗ Đăng	Khoa	Nam	11/03/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14HT01	
498	1424801040049	Nguyễn Thị Thúy	Liều	Nữ	29/11/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14HT01	
499	1424801040011	Trần Phú	Lộc	Nam	19/04/1996	Bình Dương	7.8	Khá	D14HT01	
500	1424801040012	Phan Hưng	Long	Nam	17/02/1996	Bình Dương	7.6	Khá	D14HT01	
501	1424801040014	Đinh Quang	Minh	Nam	28/04/1996	Bình Dương	6.6	TB Khá	D14HT01	
502	1424801040103	Dương Hải	Minh	Nam	20/06/1996	Bình Dương	7.6	Khá	D14HT01	
503	1424801040015	Phan Bá	Minh	Nam	25/09/1996	Nghệ An	7.4	Khá	D14HT01	
504	1424801040082	Nguyễn Thị Thu	Nga	Nữ	15/09/1996	Bình Dương	7.6	Khá	D14HT01	
505	1424801040020	Nguyễn Xuân	Nguyên	Nam	30/07/1996	Đồng Nai	7.8	Khá	D14HT01	
506	1424801040021	Võ Hoàng	Nhân	Nam	05/06/1996	Bình Dương	7.5	Khá	D14HT01	
507	1424801040023	Nguyễn Tiến	Phúc	Nam	09/08/1995	Tp. HCM	7.0	Khá	D14HT01	
508	1424801040024	Võ Văn	Quang	Nam	24/11/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14HT01	
509	1424801040026	Nguyễn Tổ	Quyên	Nữ	08/10/1994	Tp. HCM	7.3	Khá	D14HT01	
510	1424801040028	Phạm Nguyễn Thái	San	Nam	22/01/1996	Bình Dương	7.3	Khá	D14HT01	
511	1424801040027	Lê Quý	Son	Nam	11/05/1996	Thanh Hóa	7.0	Khá	D14HT01	
512	1424801040031	Nguyễn Công Kiều	Tam	Nam	09/09/1995	Tây Ninh	7.7	Khá	D14HT01	
513	1424801040029	Nguyễn Xuân	Tâm	Nam	23/01/1996	Tp. HCM	7.3	Khá	D14HT01	
514	1424801040032	Phạm Hữu	Thắng	Nam	18/12/1996	Bình Định	7.3	Khá	D14HT01	
515	1424801040033	Huỳnh Hữu	Thiện	Nam	30/09/1996	Bình Dương	7.6	Khá	D14HT01	
516	1424801040044	Nguyễn Thị	Thương	Nữ	10/10/1996	Quảng Bình	7.5	Khá	D14HT01	
517	1424801040038	Phan Minh	Trí	Nam	01/01/1996	Bình Dương	7.5	Khá	D14HT01	
518	1424801040121	Phan Thị Cẩm	Tú	Nữ	09/07/1996	Đồng Nai	7.7	Khá	D14HT01	
519	1424801040101	Nguyễn Thanh	Tuấn	Nam	29/03/1996	Bình Dương	7.2	Khá	D14HT01	
520	1424801040039	Lê Văn	Vũ	Nam	12/02/1996	Bình Dương	7.5	Khá	D14HT01	
521	1424801040170	Trần Văn Thanh	Cao	Nam	26/03/1996	Đồng Nai	7.4	Khá	D14HT02	
522	1424801040184	Nguyễn Xuân	Cường	Nam	10/06/1993	Tp. HCM	7.4	Khá	D14HT02	
523	1424801040173	Nguyễn Thị	Dân	Nữ	07/07/1996	Bình Định	7.1	Khá	D14HT02	
524	1424801040165	Trần Thị	Gấm	Nữ	19/05/1996	Bình Phước	7.5	Khá	D14HT02	
525	1424801040174	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	24/10/1995	Bình Phước	7.6	Khá	D14HT02	
526	1424801040204	Hoàng Thị	Hiền	Nữ	27/07/1995	Ninh Bình	6.7	TB Khá	D14HT02	
527	1424801040162	Ngô Ngọc	Hiền	Nữ	18/06/1992	Tp. HCM	7.5	Khá	D14HT02	
528	1424801040185	Nguyễn Minh	Hùng	Nam	22/12/1996	Đồng Nai	8.1	Giỏi	D14HT02	
529	1424801040197	Trương Văn	Hùng	Nam	20/08/1996	Đồng Nai	7.0	Khá	D14HT02	
530	1424801040168	Hoàng Văn	Kiên	Nam	10/02/1995	Bắc Giang	6.7	TB Khá	D14HT02	
531	1424801040157	Nguyễn Thành	Kiên	Nam	23/07/1996	Quảng Ngãi	7.0	Khá	D14HT02	
532	1424801040138	Phạm Thị	Liên	Nữ	09/02/1996	Ninh Thuận	7.6	Khá	D14HT02	
533	1424801040153	Bùi Văn	Linh	Nam	08/01/1995	Bình Dương	7.3	Khá	D14HT02	
534	1424801040200	Trần Văn	Long	Nam	04/10/1991	Đắk Lắk	7.1	Khá	D14HT02	
535	1424801040182	Hồ Mạnh	Lực	Nam	19/05/1995	Đồng Tháp	7.1	Khá	D14HT02	
536	1424801040159	Võ Tấn	Lực	Nam	30/10/1995	Bình Dương	7.2	Khá	D14HT02	
537	1424801040149	Lê Thị	My	Nữ	21/03/1996	Quảng Ngãi	7.7	Khá	D14HT02	
538	1424801040135	Võ Thành	Nam	Nam	12/09/1996	Bình Dương	7.1	Khá	D14HT02	
539	1424801040130	Nguyễn Minh	Ngân	Nữ	26/11/1996	Tp. HCM	6.8	TB Khá	D14HT02	
540	1424801040183	Lê Thị Bích	Ngọc	Nữ	16/02/1996	Bình Định	6.7	TB Khá	D14HT02	
541	1424801040141	Hồ Thanh	Nhật	Nam	21/09/1996	Bình Dương	6.9	TB Khá	D14HT02	
542	1424801040132	Trần Minh	Thái	Nam	30/06/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14HT02	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
543	1424801040122	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	Nữ	05/08/1996	Bình Dương	6.7	TB Khá	D14HT02	
544	1424801040201	Huỳnh Anh	Thoại	Nam	28/09/1996	Bình Phước	6.9	TB Khá	D14HT02	
545	1424801040158	Phạm Thị	Thúy	Nữ	08/05/1995	Thanh Hóa	7.1	Khá	D14HT02	
546	1424801040128	Lê Kiều	Tiên	Nữ	27/01/1996	Bình Dương	7.1	Khá	D14HT02	
547	1424801040123	Phạm Minh	Tiến	Nam	28/01/1996	Bình Dương	7.1	Khá	D14HT02	
548	1424801040193	Mai Thị Thanh	Tra	Nữ	24/11/1996	Bình Định	7.2	Khá	D14HT02	
549	1424801040176	Nguyễn Thị Kim	Trâm	Nữ	02/06/1996	Phú Yên	7.0	Khá	D14HT02	
550	1424801040154	Lê Thị	Trang	Nữ	21/08/1996	Thanh Hóa	7.7	Khá	D14HT02	
551	1424801040195	Trần Anh	Tuấn	Nam	16/12/1996	Đắk Lắk	8.1	Giỏi	D14HT02	
552	1424801040167	Nguyễn Minh	Vàng	Nam	20/10/1995	Ninh Thuận	7.3	Khá	D14HT02	
553	1424801040178	Nguyễn Thị Như	Ý	Nữ	10/03/1995	Quảng Ngãi	6.6	TB Khá	D14HT02	
554	1323403010032	Hồ Thị	Hậu	Nữ	20/05/1995	Gia Lai	7.6	Khá	D14KT01	
555	1423403010002	Đặng Hoàng	Anh	Nữ	07/09/1996	Tiền Giang	7.5	Khá	D14KT01	
556	1423403010003	Bùi Thị Trâm	Anh	Nữ	16/08/1996	Sông Bé	7.7	Khá	D14KT01	
557	1423403010004	Lê Thị Vân	Anh	Nữ	15/03/1996	Thanh Hóa	7.9	Khá	D14KT01	
558	1423403010007	Võ Nguyễn Nguyệt	Anh	Nữ	22/10/1996	Bình Phước	7.2	Khá	D14KT01	
559	1423403010009	Đặng Thị Diễm	Châu	Nữ	29/04/1996	Tp. HCM	8.0	Giỏi	D14KT01	
560	1423403010010	Nguyễn Phạm Bảo	Châu	Nữ	14/02/1996	Bình Dương	7.1	Khá	D14KT01	
561	1423403010012	Nguyễn Thị Hồng	Diễm	Nữ	06/12/1995	Sông Bé	7.8	Khá	D14KT01	
562	1423403010013	Nguyễn Thị Kiều	Diễm	Nữ	06/08/1995	Sông Bé	7.2	Khá	D14KT01	
563	1423403010014	Trần Thị Ngọc	Diễm	Nữ	20/03/1996	TT. Huế	7.4	Khá	D14KT01	
564	1423403010015	Lưu Thị Mỹ	Diệu	Nữ	30/11/1996	Đắk Lắk	7.2	Khá	D14KT01	
565	1423403010017	Phạm Thị Thuý	Dung	Nữ	03/11/1996	Hải Phòng	7.5	Khá	D14KT01	
566	1423403010018	Đỗ Anh	Duy	Nam	26/11/1996	Tp. HCM	8.1	Giỏi	D14KT01	
567	1423403010019	Phạm Trần Khánh	Duy	Nam	10/01/1996	Bình Dương	8.0	Giỏi	D14KT01	
568	1423403010020	Đoàn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	04/12/1996	Bình Dương	7.8	Khá	D14KT01	
569	1423403010021	Hán Thị Kim	Duyên	Nữ	28/10/1996	Ninh Thuận	7.0	Khá	D14KT01	
570	1423403010022	Nguyễn Thị	Duyên	Nữ	29/06/1996	Nam Định	8.1	Giỏi	D14KT01	
571	1423403010023	Võ Thị Diệu	Em	Nữ	27/07/1994	Kiên Giang	8.4	Giỏi	D14KT01	
572	1423403010024	Trần Phan Ngọc	Hằng	Nữ	14/05/1995	Sông Bé	7.6	Khá	D14KT01	
573	1423403010025	Trần Thị Kim	Hằng	Nữ	29/01/1996	Tây Ninh	8.0	Giỏi	D14KT01	
574	1423403010026	Võ Thị	Hằng	Nữ	20/02/1996	Nghệ An	8.0	Giỏi	D14KT01	
575	1423403010027	Hoàng Thị	Hương	Nữ	20/08/1996	Quảng Bình	7.3	Khá	D14KT01	
576	1423403010028	Đinh Thị Ngân	Hà	Nữ	10/10/1996	Hà Tĩnh	8.2	Giỏi	D14KT01	
577	1423403010029	Nguyễn Thị Thu	Hà	Nữ	15/05/1996	Thanh Hóa	8.4	Giỏi	D14KT01	
578	1423403010031	Phan Thị Thu	Hà	Nữ	04/11/1996	Bình Dương	7.8	Khá	D14KT01	
579	1423403010033	Trần Thị	Hà	Nữ	25/06/1996	Lâm Đồng	8.0	Giỏi	D14KT01	
580	1423403010034	Nguyễn Duy	Hải	Nam	03/01/1996	Thái Bình	8.3	Giỏi	D14KT01	
581	1423403010035	Nguyễn Hoàng Bích	Hào	Nữ	31/10/1996	Tp. HCM	7.9	Khá	D14KT01	
582	1423403010037	Nguyễn Thị Phương	Hạnh	Nữ	20/01/1996	Sông Bé	7.0	Khá	D14KT01	
583	1423403010038	Nguyễn Thị	Hậu	Nữ	15/08/1996	Sông Bé	7.8	Khá	D14KT01	
584	1423403010039	Đỗ Thị	Hiền	Nữ	01/03/1996	Bình Dương	7.2	Khá	D14KT01	
585	1423403010040	Bùi Thị	Hiền	Nữ	12/10/1996	Quảng Ngãi	7.6	Khá	D14KT01	
586	1423403010041	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	22/07/1996	Bắc Giang	7.0	Khá	D14KT01	
587	1423403010042	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	14/02/1995	Thanh Hóa	8.1	Giỏi	D14KT01	
588	1423403010044	Trần Mỹ	Kiều	Nữ	01/12/1996	Bình Dương	8.0	Giỏi	D14KT01	
589	1423403010045	Dương Thị	Liên	Nữ	16/02/1996	Hà Tĩnh	7.8	Khá	D14KT01	
590	1423403010046	Trần Thị Ngọc	Liên	Nữ	18/11/1996	Bình Dương	7.3	Khá	D14KT01	
591	1423403010047	Đỗ Duy	Linh	Nữ	19/08/1996	Đồng Nai	6.6	TB Khá	D14KT01	
592	1423403010049	Nguyễn Thị Thuý	Linh	Nữ	10/06/1996	Sông Bé	6.7	TB Khá	D14KT01	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
593	1423403010050	Nguyễn Thị Bích	Loan	Nữ	28/08/1996	Sông Bé	7.5	Khá	D14KT01	
594	1423403010052	Phạm Thị Kim	Loan	Nữ	25/05/1996	Bình Dương	7.6	Khá	D14KT01	
595	1423403010053	Đoàn Thị Lam	Luyến	Nữ	19/12/1996	Phú Thọ	7.9	Khá	D14KT01	
596	1423403010055	Trần Thị	Mai	Nữ	25/08/1996	Vĩnh Phúc	7.6	Khá	D14KT01	
597	1423403010056	Lê Thị Thái	Mỹ	Nữ	18/06/1995	Bình Định	7.6	Khá	D14KT01	
598	1423403010057	Lê Thị Trà	My	Nữ	28/04/1996	Quảng Ngãi	7.4	Khá	D14KT01	
599	1423403010059	Nguyễn Như Thủy	Ngân	Nữ	09/10/1996	Bình Dương	6.9	TB Khá	D14KT01	
600	1423403010061	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	Nữ	21/09/1996	Sông Bé	7.7	Khá	D14KT01	
601	1423403010062	Nguyễn Trúc	Như	Nữ	01/01/1996	Bình Dương	7.1	Khá	D14KT01	
602	1423403010063	Đinh Thị Thảo	Nhi	Nữ	30/08/1996	Lâm Đồng	7.9	Khá	D14KT01	
603	1423403010131	Đỗ Thị Thanh	Hằng	Nữ	11/08/1996	Bình Dương	7.9	Khá	D14KT02	
604	1423403010130	Trần Thị Thanh	Hiền	Nữ	09/12/1996	Sông Bé	8.5	Giỏi	D14KT02	
605	1423403010127	Lê Huy	Hoàng	Nam	27/12/1996	Đồng Nai	7.1	Khá	D14KT02	
606	1423403010134	Lê Thị Trúc	Ngân	Nữ	12/10/1996	Đồng Nai	7.1	Khá	D14KT02	
607	1423403010066	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	24/08/1996	Hà Tĩnh	7.6	Khá	D14KT02	
608	1423403010067	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	19/11/1995	Hà Nội	7.6	Khá	D14KT02	
609	1423403010068	Nguyễn Kim	Oanh	Nữ	28/12/1996	Tp. HCM	7.7	Khá	D14KT02	
610	1423403010069	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	04/06/1996	Bắc Giang	6.7	TB Khá	D14KT02	
611	1423403010071	Phạm Thị Bình	Phương	Nữ	05/10/1996	Tây Ninh	7.5	Khá	D14KT02	
612	1423403010077	Hoàng Thị	Quyên	Nữ	15/07/1996	Thanh Hóa	7.4	Khá	D14KT02	
613	1423403010074	Đoàn Thị Ngọc	Quỳnh	Nữ	02/12/1996	Bình Dương	7.0	Khá	D14KT02	
614	1423403010075	Khuất Võ Ngọc	Quỳnh	Nữ	09/12/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14KT02	
615	1423403010076	Mai Thị	Quỳnh	Nữ	29/08/1996	Nam Định	7.2	Khá	D14KT02	
616	1423403010079	Tô Kim	Sang	Nữ	28/08/1996	Sông Bé	7.7	Khá	D14KT02	
617	1423403010078	Đỗ Phương Hồng	Son	Nam	28/06/1996	Sông Bé	7.8	Khá	D14KT02	
618	1423403010080	Nguyễn Đức	Tài	Nam	23/11/1996	Hưng Yên	7.3	Khá	D14KT02	
619	1423403010086	Nguyễn Thị Bích	Thắm	Nữ	24/12/1996	Quảng Ngãi	7.5	Khá	D14KT02	
620	1423403010087	Vũ Thị	Thắm	Nữ	21/08/1995	Nam Định	7.5	Khá	D14KT02	
621	1423403010085	Võ Thị Loan	Thảo	Nữ	26/01/1996	Long An	7.8	Khá	D14KT02	
622	1423403010082	Hoàng Thị	Thảo	Nữ	22/01/1996	Thái Bình	7.5	Khá	D14KT02	
623	1423403010083	Trần Thị	Thảo	Nữ	01/03/1996	Hà Tĩnh	7.5	Khá	D14KT02	
624	1423403010093	Trần Trịnh Khánh	Thịnh	Nam	24/12/1996	Sông Bé	7.8	Khá	D14KT02	
625	1423403010095	Huỳnh Ngọc	Thuận	Nữ	17/02/1995	Sông Bé	7.7	Khá	D14KT02	
626	1423403010132	Nguyễn Thị Hoài	Thương	Nữ	22/04/1996	Tp. HCM	7.8	Khá	D14KT02	
627	1423403010091	Vũ Thị Thu	Thúy	Nữ	22/09/1996	Bình Phước	7.4	Khá	D14KT02	
628	1423403010097	Phan Văn	Tiền	Nam	14/05/1996	Sông Bé	7.9	Khá	D14KT02	
629	1423403010098	Nguyễn Bùi Thảo	Trâm	Nữ	25/01/1996	Tp. HCM	7.1	Khá	D14KT02	
630	1423403010099	Trương Thị Bích	Trâm	Nữ	03/08/1996	Sông Bé	7.4	Khá	D14KT02	
631	1423403010100	Võ Thị Ngọc	Trâm	Nữ	27/06/1996	Lâm Đồng	7.1	Khá	D14KT02	
632	1423403010103	Lê Thị Thu	Trang	Nữ	25/04/1996	Thanh Hóa	7.5	Khá	D14KT02	
633	1423403010105	Phạm Thị Thùy	Trang	Nữ	03/12/1996	Bình Phước	7.5	Khá	D14KT02	
634	1423403010107	Lê Thị Việt	Trinh	Nữ	08/10/1996	Bình Phước	8.2	Giỏi	D14KT02	
635	1423403010108	Võ Thị Ngọc	Trinh	Nữ	20/12/1996	Sông Bé	7.8	Khá	D14KT02	
636	1423403010136	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	Nữ	26/07/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14KT02	
637	1423403010111	Trương Thị Thanh	Trúc	Nữ	10/01/1996	Sông Bé	7.7	Khá	D14KT02	
638	1423403010112	Lê Thị Bích	Tuyền	Nữ	01/06/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14KT02	
639	1423403010114	Ngô Thị Thanh	Tuyền	Nữ	22/12/1996	Đồng Nai	7.3	Khá	D14KT02	
640	1423403010113	Ngô Thụy Thanh	Tuyền	Nữ	05/02/1996	Bình Dương	6.0	TB	D14KT02	
641	1423403010115	Trần Thị Thanh	Tuyền	Nữ	11/01/1996	Sông Bé	8.1	Giỏi	D14KT02	
642	1423403010116	Võ Thanh	Tuyền	Nữ	08/04/1996	Sông Bé	7.5	Khá	D14KT02	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
643	1423403010118	Trần Thị Tuyết	Nữ	11/04/1995	Bình Dương	7.1	Khá	D14KT02	
644	1423403010120	Ngô Hồng Vân	Nữ	19/02/1995	Sông Bé	7.4	Khá	D14KT02	
645	1423403010133	Nguyễn Thị Thanh Vân	Nữ	16/07/1996	Sông Bé	7.4	Khá	D14KT02	
646	1423403010122	Lê Phương Xuân	Nữ	25/02/1996	Sông Bé	7.6	Khá	D14KT02	
647	1423403010123	Lê Thị Kim Yến	Nữ	10/05/1996	Bình Dương	7.3	Khá	D14KT02	
648	1423403010124	Nguyễn Ngọc Yến	Nữ	25/10/1996	Sông Bé	8.1	Giỏi	D14KT02	
649	1423403010139	Mai Văn Anh	Nữ	25/06/1996	Thái Bình	8.0	Giỏi	D14KT03	
650	1423403010159	Cao Nguyễn Hoài Ân	Nữ	01/11/1996	Bình Thuận	8.2	Giỏi	D14KT03	
651	1423403010140	Nguyễn Thị Bình	Nữ	06/08/1995	Nghệ An	7.3	Khá	D14KT03	
652	1423403010161	Phùng Đăng Thái Chi	Nữ	29/07/1996	Đồng Nai	6.6	TB Khá	D14KT03	
653	1423403010217	Nguyễn Thị Cúc	Nữ	24/07/1996	Hà Tĩnh	6.9	TB Khá	D14KT03	
654	1423403010155	Phạm Thị Hồng Đào	Nữ	06/10/1996	An Giang	7.4	Khá	D14KT03	
655	1423403010158	Nguyễn Thành Đạt	Nam	06/01/1995	Quảng Ngãi	6.6	TB Khá	D14KT03	
656	1423403010150	Văn Thị Thuỳ Dung	Nữ	19/09/1996	Sông Bé	7.4	Khá	D14KT03	
657	1423403010206	Võ Thị Thuỳ Duyên	Nữ	15/12/1996	Sông Bé	7.1	Khá	D14KT03	
658	1423403010213	Vũ Thị Hà	Nữ	07/10/1996	Bình Phước	6.6	TB Khá	D14KT03	
659	1423403010146	Lê Thị Hằng	Nữ	10/11/1996	Thanh Hóa	7.6	Khá	D14KT03	
660	1423403010222	Trần Thị Tố Hiền	Nữ	04/11/1996	Quảng Trị	7.8	Khá	D14KT03	
661	1423403010166	Ung Thị Thu Hiếu	Nữ	22/05/1996	Bình Định	7.6	Khá	D14KT03	
662	1423403010154	Nguyễn Thị Kim Huệ	Nữ	11/09/1996	Bình Phước	6.6	TB Khá	D14KT03	
663	1423403010200	Phạm Thị Hương	Nữ	10/10/1996	Quảng Bình	7.1	Khá	D14KT03	
664	1423403010212	Nguyễn Thị Liên	Nữ	18/05/1996	Quảng Trị	7.3	Khá	D14KT03	
665	1423403010143	Nguyễn Thị Linh	Nữ	21/08/1996	Thanh Hóa	7.6	Khá	D14KT03	
666	1423403010141	Trần Thị Trúc Linh	Nữ	19/04/1996	Bình Dương	8.1	Giỏi	D14KT03	
667	1423403010192	Võ Thị Mỹ Linh	Nữ	30/08/1996	Bình Dương	7.3	Khá	D14KT03	
668	1423403010195	Lê Thị Cẩm Loan	Nữ	12/06/1996	Trà Vinh	7.0	Khá	D14KT03	
669	1423403010147	Nguyễn Thị Khánh Ly	Nữ	20/06/1996	Bình Định	7.3	Khá	D14KT03	
670	1423403010204	Huỳnh Trương Châu Quảng Kim Ngân	Nữ	15/11/1995	Đắk Lắk	7.1	Khá	D14KT03	
671	1423403010188	Phạm Thanh Mỹ Ngọc	Nữ	06/10/1996	Bình Phước	7.8	Khá	D14KT03	
672	1423403010152	Võ Thanh Ngọc	Nữ	06/12/1995	Bến Tre	8.1	Giỏi	D14KT03	
673	1423403010153	Chiêm Thảo Nguyên	Nữ	09/03/1996	Kiên Giang	7.4	Khá	D14KT03	
674	1423403010168	Nguyễn Thị Tuyết Nhi	Nữ	14/09/1996	Bình Thuận	6.5	TB Khá	D14KT03	
675	1423403010171	Trần Yến Nhi	Nữ	15/01/1996	Long An	7.8	Khá	D14KT03	
676	1423403010157	Lê Nữ Huỳnh Như	Nữ	05/07/1995	Sông Bé	7.6	Khá	D14KT03	
677	1423403010215	Đỗ Thị Kim Oanh	Nữ	13/11/1996	Đắk Lắk	7.0	Khá	D14KT03	
678	1423403010194	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Nữ	22/02/1996	Đồng Nai	7.1	Khá	D14KT03	
679	1423403010149	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Nữ	06/11/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14KT03	
680	1423403010201	Quách Thị Thanh	Nữ	24/02/1996	Ninh Bình	7.5	Khá	D14KT03	
681	1423403010184	Đặng Thu Thảo	Nữ	01/08/1996	Bình Phước	7.4	Khá	D14KT03	
682	1423403010186	Hà Thị Thảo	Nữ	02/01/1996	Hà Tĩnh	7.2	Khá	D14KT03	
683	1423403010156	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	11/06/1996	Hải Dương	7.3	Khá	D14KT03	
684	1423403010205	Nguyễn Thị Nguyễn Thảo	Nữ	29/03/1996	Sông Bé	7.0	Khá	D14KT03	
685	1423403010226	Nguyễn Thị Thương	Nữ	07/05/1996	Đắk Lắk	8.8	Giỏi	D14KT03	
686	1423403010144	Phạm Thị Thu Thúy	Nữ	24/04/1996	Sông Bé	7.0	Khá	D14KT03	
687	1423403010211	Nguyễn Thị Lệ Thùy	Nữ	23/03/1996	Khánh Hòa	7.1	Khá	D14KT03	
688	1423403010167	Đỗ Thị Thu Thùy	Nữ	10/01/1996	Quảng Trị	7.7	Khá	D14KT03	
689	1423403010182	Hoàng Thị Thiên Trang	Nữ	23/04/1996	Thái Bình	7.1	Khá	D14KT03	
690	1423403010137	Lê Thị Thùy Trang	Nữ	25/01/1996	Đồng Nai	6.8	TB Khá	D14KT03	
691	1423403010148	Nguyễn Hoàng Minh Trang	Nữ	22/05/1996	Sông Bé	7.6	Khá	D14KT03	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
692	1423403010178	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	09/08/1996	Hà Tĩnh	7.5	Khá	D14KT03	
693	1423403010203	Võ Thị Ngọc	Trang	Nữ	24/04/1996	Phú Yên	7.7	Khá	D14KT03	
694	1423403010179	Lê Thị Uyên	Trình	Nữ	12/02/1996	Ninh Thuận	7.6	Khá	D14KT03	
695	1423403010163	Nguyễn Thị Kim	Trình	Nữ	03/06/1996	Bình Thuận	7.0	Khá	D14KT03	
696	1423403010170	Nguyễn Phước	Trung	Nam	14/04/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14KT03	
697	1423403010197	Lê Văn Cẩm	Tú	Nữ	08/08/1996	Tây Ninh	7.3	Khá	D14KT03	
698	1423403010162	Nguyễn Cẩm	Tú	Nữ	06/11/1996	Sông Bé	7.2	Khá	D14KT03	
699	1423403010189	Phạm Văn	Tuấn	Nam	22/10/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14KT03	
700	1423403010193	Phạm Thanh	Tùng	Nam	28/09/1996	Tp. HCM	8.5	Giỏi	D14KT03	
701	1423403010180	Nguyễn Thị Thanh	Vân	Nữ	12/10/1996	Ninh Thuận	7.9	Khá	D14KT03	
702	1423403010190	Phan Thị	Vi	Nữ	22/12/1996	Đắk Lắk	7.2	Khá	D14KT03	
703	1423403010177	Nguyễn Hoài	Vy	Nữ	30/11/1996	Bình Dương	6.9	TB Khá	D14KT03	
704	1423403010198	Dương Thị Như	Yên	Nữ	21/05/1995	Quảng Ngãi	7.3	Khá	D14KT03	
705	1423403010160	Nguyễn Thị Thanh	Yến	Nữ	14/03/1996	Long An	8.1	Giỏi	D14KT03	
706	1425801020002	Lê Thiện	An	Nam	01/11/1996	Thanh Hóa	7,4	Khá	D14KTr01	
707	1425801020003	Nguyễn Lê Trường	An	Nam	24/08/1995	Tây Ninh	8,0	Giỏi	D14KTr01	
708	1425801020004	Trần Văn	Cánh	Nam	27/04/1996	Nam Định	6,8	TB Khá	D14KTr01	
709	1425801020006	Nguyễn Công	Danh	Nam	05/05/1993	Gia Lai	6,0	TB	D14KTr01	
710	1425801020007	Lý Thị Ngọc	Diễm	Nữ	12/10/1995	Bến Tre	6,1	TB Khá	D14KTr01	
711	1425801020001	Võ Doãn	Đức	Nam	20/04/1993	Quảng Bình	6,4	TB Khá	D14KTr01	
712	1425801020008	Nguyễn Trung	Dũng	Nam	25/10/1996	Lâm Đồng	7,2	Khá	D14KTr01	
713	1425801020010	Sơn Thanh	Giàu	Nam	18/05/1996	Bạc Liêu	6,8	TB Khá	D14KTr01	
714	1425801020013	Nguyễn Hồng	Hạnh	Nữ	28/06/1996	Đồng Tháp	7,1	Khá	D14KTr01	
715	1425801020017	Nguyễn Quốc	Hiếu	Nam	03/07/1996	Đắk Lắk	6,5	TB Khá	D14KTr01	
716	1425801020018	Nguyễn Công	Hoan	Nam	18/12/1996	Đắk Lắk	6,7	TB Khá	D14KTr01	
717	1425801020014	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	03/04/1995	Bình Thuận	7,8	Khá	D14KTr01	
718	1425801020015	Lưu Thế	Hùng	Nam	16/10/1995	Thanh Hóa	7,3	Khá	D14KTr01	
719	1425801020016	Nguyễn Tuấn	Hùng	Nam	02/01/1993	Bình Thuận	6,6	TB Khá	D14KTr01	
720	1425801020020	Nguyễn Đức	Huy	Nam	02/02/1996	Bình Dương	7,2	Khá	D14KTr01	
721	1425801020023	Nguyễn Xuân	Khang	Nam	29/02/1996	An Giang	7,2	Khá	D14KTr01	
722	1425801020024	Dương Nhật	Khoa	Nam	04/12/1996	Bình Dương	5,9	TB	D14KTr01	
723	1425801020022	Thái Đình	Khuong	Nam	05/09/1996	Bình Dương	6,5	TB Khá	D14KTr01	
724	1425801020025	Lê Trung	Kiên	Nam	01/05/1996	Thanh Hóa	6,6	TB Khá	D14KTr01	
725	1425801020026	Nguyễn Ngọc Bích	Lam	Nữ	09/01/1996	Ninh Thuận	6,1	TB Khá	D14KTr01	
726	1425801020027	Nguyễn Âu Phương	Linh	Nữ	16/12/1996	Tp. HCM	7,6	Khá	D14KTr01	
727	1425801020029	Đào Tuệ	Minh	Nữ	14/01/1995	Lâm Đồng	7,3	Khá	D14KTr01	
728	1425801020031	Nguyễn Thảo	Minh	Nam	15/10/1996	Bình Dương	7,0	Khá	D14KTr01	
729	1425801020033	Huỳnh Hoài	Nam	Nam	15/01/1996	Bình Dương	6,9	TB Khá	D14KTr01	
730	1425801020034	Nguyễn Ngọc	Ngân	Nam	16/09/1996	Bình Định	7,1	Khá	D14KTr01	
731	1425801020035	Trần Thị	Ngọc	Nữ	09/02/1996	An Giang	6,6	TB Khá	D14KTr01	
732	1425801020038	Nguyễn Trương Quỳnh	Như	Nữ	11/12/1996	Tp. HCM	6,4	TB Khá	D14KTr01	
733	1425801020039	Đặng Thị	Phương	Nữ	28/10/1996	Quảng Nam	7,6	Khá	D14KTr01	
734	1425801020072	Nguyễn Ngọc	An	Nam	04/08/1996	Thái Bình	7,1	Khá	D14KTr02	
735	1425801020063	Nguyễn Văn	Cường	Nam	08/10/1995	Bình Dương	7,3	Khá	D14KTr02	
736	1425801020068	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	Nữ	05/01/1996	Nam Định	6,7	TB Khá	D14KTr02	
737	1425801020060	Nguyễn Xuân	Hoà	Nam	23/12/1996	Tp. HCM	7,0	Khá	D14KTr02	
738	1425801020074	Phạm Minh	Hoàng	Nam	10/09/1996	Quảng Ngãi	6,0	TB	D14KTr02	
739	1425801020065	Nguyễn Hữu	Khoa	Nam	01/05/1994	Bình Dương	6,8	TB Khá	D14KTr02	
740	1425801020057	Phạm Thị Trúc	Mai	Nữ	28/08/1996	Bình Dương	6,0	TB	D14KTr02	
741	1425801020056	Trần Hoàng Uyên	My	Nữ	19/03/1996	Tây Ninh	6,4	TB Khá	D14KTr02	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
742	1425801020087	Đình Quang	Ngọc	Nam	01/03/1996	Kiên Giang	7,1	Khá	D14KTr02	
743	1425801020073	Đỗ Thị Bích	Phương	Nữ	27/11/1996	Bình Thuận	7,2	Khá	D14KTr02	
744	1425801020066	Nguyễn Ngọc Hoàng	Phương	Nam	12/12/1996	Tp. HCM	7,1	Khá	D14KTr02	
745	1425801020081	Vương Tuấn	Quyên	Nam	02/07/1996	Kiên Giang	6,6	TB Khá	D14KTr02	
746	1425801020040	Nguyễn Đức	Tài	Nam	07/04/1996	Đồng Nai	5,8	TB	D14KTr02	
747	1425801020042	Dương Ngọc	Thành	Nam	16/07/1995	Bình Dương	6,8	TB Khá	D14KTr02	
748	1425801020043	Huỳnh Phước	Thành	Nam	22/04/1996	Bình Dương	6,5	TB Khá	D14KTr02	
749	1425801020097	Lại Thị Thu	Thảo	Nữ	01/09/1996	Lâm Đồng	7,1	Khá	D14KTr02	
750	1425801020090	Nguyễn Xuân	Thế	Nam	24/04/1995	Bình Định	7,7	Khá	D14KTr02	
751	1425801020045	Đỗ Hoàng	Thiên	Nam	10/06/1996	Bình Dương	6,9	TB Khá	D14KTr02	
752	1425801020059	Võ Đăng Anh	Thư	Nữ	21/04/1996	Ninh Thuận	6,3	TB Khá	D14KTr02	
753	1425801020046	Hoàng Công	Thụ	Nam	10/11/1996	Đồng Nai	6,9	TB Khá	D14KTr02	
754	1425801020049	Dương Công	Toàn	Nam	20/02/1996	Quảng Bình	7,0	Khá	D14KTr02	
755	1425801020050	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Nữ	01/10/1996	Bình Phước	6,8	TB Khá	D14KTr02	
756	1425801020051	Phan Thị Thu	Trang	Nữ	06/05/1996	Bình Dương	7,1	Khá	D14KTr02	
757	1425801020052	Nguyễn Văn	Trọng	Nam	27/04/1993	Tp. HCM	6,4	TB Khá	D14KTr02	
758	1425801020082	Trần Xuân	Trường	Nam	03/08/1995	Nam Định	6,9	TB Khá	D14KTr02	
759	1425801020047	Đông Hoàng	Tú	Nam	13/10/1996	Tp. HCM	7,1	Khá	D14KTr02	
760	1425801020048	Lê Đình	Tú	Nam	08/02/1996	Quảng Trị	7,0	Khá	D14KTr02	
761	1425801020096	Phạm Minh	Tuấn	Nam	15/07/1996	Bến Tre	7,3	Khá	D14KTr02	
762	1425801020058	Trương Ngọc	Vũ	Nam	26/02/1995	Đồng Nai	6,1	TB Khá	D14KTr02	
763	1425801020055	Trần Thị Như	Ý	Nữ	07/06/1996	TT. Huế	6,1	TB Khá	D14KTr02	
764	1421402180001	Đoàn Lê Quốc	Anh	Nam	07/10/1996	Sông Bé	7,7	Khá	D14LS01	
765	1421402180002	Lê Thị Minh	Anh	Nữ	04/11/1996	Sông Bé	7,2	Khá	D14LS01	
766	1421402180003	Trần Thị Phương	Anh	Nữ	31/05/1995	Sông Bé	8,3	Giỏi	D14LS01	
767	1421402180005	Đặng Minh	Duy	Nam	20/12/1996	Bình Dương	7,8	Khá	D14LS01	
768	1421402180010	Phạm Thị Thu	Hà	Nữ	27/04/1996	Đắk Lắk	7,5	Khá	D14LS01	
769	1421402180061	Lê Nguyễn Ngọc	Hân	Nữ	04/03/1995	Tp. HCM	7,2	Khá	D14LS01	
770	1421402180006	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	08/09/1995	Bình Dương	8,0	Giỏi	D14LS01	
771	1421402180011	Bùi Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	23/02/1995	Sông Bé	7,2	Khá	D14LS01	
772	1421402180012	Nguyễn Thị Mai	Hồng	Nữ	27/01/1996	BR-Vũng Tàu	8,1	Giỏi	D14LS01	
773	1421402180007	Hoàng Thị Thu	Hương	Nữ	04/11/1994	Thanh Hóa	7,4	Khá	D14LS01	
774	1421402180008	Lê Thị	Hương	Nữ	15/05/1996	Đắk Lắk	8,0	Giỏi	D14LS01	
775	1421402180009	Nguyễn Kim	Hương	Nữ	26/01/1996	Cần Thơ	7,0	Khá	D14LS01	
776	1421402180087	Lê Hoàng	Huy	Nam	23/04/1996	Bình Dương	7,4	Khá	D14LS01	
777	1421402180065	Huỳnh Thị Ngọc	Huyền	Nữ	01/11/1995	Bình Thuận	8,0	Giỏi	D14LS01	
778	1421402180078	Phan Thị Hoài	Khang	Nữ	24/08/1996	Bình Dương	7,8	Khá	D14LS01	
779	1421402180047	Phạm Đoàn Ngọc	Linh	Nam	19/12/1996	Gia Lai	7,4	Khá	D14LS01	
780	1421402180048	Phạm Văn	Linh	Nam	26/01/1996	Bình Thuận	7,6	Khá	D14LS01	
781	1421402180015	Bùi Duy	Lộc	Nam	19/10/1995	Quảng Nam	7,3	Khá	D14LS01	
782	1421402180016	Lương Hữu	Mai	Nam	26/07/1996	Sông Bé	8,0	Giỏi	D14LS01	
783	1421402180017	Đoàn Vương	Nam	Nam	16/10/1996	Bình Dương	7,2	Khá	D14LS01	
784	1421402180018	Trần Hoài	Nam	Nam	21/05/1996	Bình Dương	7,8	Khá	D14LS01	
785	1421402180020	Nguyễn Trọng	Nghĩa	Nam	09/05/1995	Hải Dương	7,6	Khá	D14LS01	
786	1421402180019	Hà Thị	Nghiêm	Nữ	10/04/1994	Thanh Hóa	7,5	Khá	D14LS01	
787	1421402180021	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	Nữ	13/01/1996	Bình Thuận	7,5	Khá	D14LS01	
788	1421402180046	Nguyễn Đình	Phương	Nam	26/09/1993	Sông Bé	7,8	Khá	D14LS01	
789	1421402180051	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	15/04/1996	Gia Lai	7,2	Khá	D14LS01	
790	1421402180053	Lê Thanh	Quân	Nam	29/05/1995	Bình Định	8,0	Giỏi	D14LS01	
791	1421402180054	Nguyễn Thị Hồng	Quyên	Nữ	29/05/1995	Sông Bé	7,6	Khá	D14LS01	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
792	1421402180055	Nguyễn Phúc Anh	Quỳnh	Nữ	10/10/1996	Sông Bé	7.5	Khá	D14LS01	
793	1421402180074	Hồ Thị Kim	Thanh	Nữ	29/10/1996	Tp. HCM	7.4	Khá	D14LS01	
794	1421402180024	Phan Thanh	Thảo	Nữ	10/01/1996	Ninh Thuận	7.1	Khá	D14LS01	
795	1421402180025	Nguyễn Văn	Thọ	Nam	20/02/1992	Bình Định	8.0	Giỏi	D14LS01	
796	1421402180120	Nguyễn Thị Cẩm	Thu	Nữ	12/01/1996	Vĩnh Long	8.2	Giỏi	D14LS01	
797	1421402180033	Nguyễn Thanh Thủy	Tiên	Nữ	05/03/1995	Sông Bé	7.7	Khá	D14LS01	
798	1421402180023	Nguyễn Văn	Tinh	Nam	11/12/1995	Bình Dương	8.1	Giỏi	D14LS01	
799	1421402180149	Hoàng Văn	Tuyền	Nam	12/01/1992	Ninh Bình	7.4	Khá	D14LS01	
800	1421402180029	Võ Tường	Vi	Nữ	24/06/1996	Sông Bé	8.4	Giỏi	D14LS01	
801	1421402180030	Lê Đức	Vinh	Nam	22/05/1996	Thanh Hóa	7.7	Khá	D14LS01	
802	1421402180039	Phan Thị Ngọc	Yến	Nữ	29/10/1995	Vĩnh Long	7.7	Khá	D14LS01	
803	1421402180141	Vương Nguyễn Thái	An	Nam	13/03/1995	Bình Dương	7.1	Khá	D14LS02	
804	1421402180129	Nguyễn Thị	Ấn	Nữ	15/08/1995	Bình Dương	7.8	Khá	D14LS02	
805	1421402180182	Lê Minh	Chiến	Nam	24/04/1996	Tây Ninh	7.8	Khá	D14LS02	
806	1421402180123	Nguyễn Thị Kim	Cúc	Nữ	17/05/1996	Bình Dương	7.9	Khá	D14LS02	
807	1421402180126	Đặng Ngọc Trang	Đài	Nữ	09/10/1996	Tây Ninh	7.7	Khá	D14LS02	
808	1421402180181	Đào Thái	Duy	Nam	13/12/1995	Phú Yên	8.2	Giỏi	D14LS02	
809	1421402180180	Hoàng Thùy	Duyên	Nữ	19/04/1996	Ninh Thuận	7.6	Khá	D14LS02	
810	1421402180130	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	08/01/1995	Bình Dương	7.6	Khá	D14LS02	
811	1421402180132	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	Nữ	22/04/1995	Tây Ninh	7.8	Khá	D14LS02	
812	1421402180133	Trần Trọng	Hiếu	Nam	02/04/1995	Tiền Giang	7.2	Khá	D14LS02	
813	1421402180152	Phạm Thị Hằng	Hòa	Nữ	26/03/1995	Bình Dương	8.3	Giỏi	D14LS02	
814	1421402180175	Lê Thị Ngọc	Huyền	Nữ	24/06/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14LS02	
815	1421402180135	Nguyễn Thị Nguyên	Lâm	Nữ	27/07/1995	Đắk Lắk	7.6	Khá	D14LS02	
816	1421402180164	Nguyễn Thị Mỹ	Lệ	Nữ	01/09/1996	Bình Dương	7.9	Khá	D14LS02	
817	1421402180153	Lê Thị	Lý	Nữ	28/09/1996	Tây Ninh	8.0	Giỏi	D14LS02	
818	1421402180178	Trần Thị Tuyết	Mai	Nữ	30/08/1993	Tây Ninh	8.1	Giỏi	D14LS02	
819	1421402180151	Trương Văn	Mai	Nam	14/02/1996	Long An	7.6	Khá	D14LS02	
820	1421402180139	Nguyễn Thị Bảo	Ngân	Nữ	22/07/1996	Tp. HCM	7.7	Khá	D14LS02	
821	1421402180158	Trần Quang	Nghĩa	Nam	03/07/1996	Bình Dương	7.9	Khá	D14LS02	
822	1421402180146	Cao Thị Hồng	Ngọc	Nữ	19/11/1995	Long An	7.6	Khá	D14LS02	
823	1421402180127	Nguyễn Thị	Nhài	Nữ	21/10/1996	Nam Định	8.0	Giỏi	D14LS02	
824	1421402180177	Lê Thị	Nhung	Nữ	10/07/1996	Nghệ An	7.5	Khá	D14LS02	
825	1421402180122	Nguyễn Thị Phương Hồng	Phượng	Nữ	20/10/1994	Bình Dương	7.9	Khá	D14LS02	
826	1421402180163	Trần Bảo	Quốc	Nam	15/03/1991	Bình Phước	8.6	Giỏi	D14LS02	
827	1421402180179	Trương Lê Phương	Quyên	Nữ	01/02/1995	Quảng Ngãi	8.4	Giỏi	D14LS02	
828	1421402180124	Bùi Thị Hồng	Tâm	Nữ	11/03/1996	Tp. HCM	7.9	Khá	D14LS02	
829	1421402180136	Huỳnh Đặng Thanh	Thảo	Nữ	21/06/1996	Bình Dương	8.0	Giỏi	D14LS02	
830	1421402180174	Phan Thị	Thị	Nữ	11/01/1995	Quảng Trị	8.0	Giỏi	D14LS02	
831	1421402180159	Hà Ngọc	Thịnh	Nam	24/02/1996	Tây Ninh	7.8	Khá	D14LS02	
832	1421402180128	Trần Thị	Thoan	Nữ	10/08/1995	Hà Tĩnh	7.6	Khá	D14LS02	
833	1421402180187	Nguyễn Đình	Thuận	Nam	08/06/1995	Bình Phước	7.1	Khá	D14LS02	
834	1421402180155	Nguyễn Thị	Thủy	Nữ	16/03/1996	Quảng Ngãi	8.3	Giỏi	D14LS02	
835	1421402180138	Nguyễn Huỳnh	Trâm	Nữ	15/09/1995	Bình Dương	8.0	Giỏi	D14LS02	
836	1421402180186	Nguyễn Thị Kiều	Trang	Nữ	27/12/1994	Tiền Giang	8.3	Giỏi	D14LS02	
837	1421402180156	Nguyễn Quốc	Triệu	Nam	27/04/1996	Bình Dương	7.9	Khá	D14LS02	
838	1421402180157	Trương Khả	Tú	Nữ	20/09/1996	Bình Dương	8.1	Giỏi	D14LS02	
839	1421402180137	Lê Thị Thùy	Vân	Nữ	03/08/1996	Ninh Thuận	7.9	Khá	D14LS02	
840	1421402180144	Nguyễn Thị Hải	Yến	Nữ	12/12/1996	Bình Dương	7.2	Khá	D14LS02	
841	1421402180269	Đặng Thị Bảo	An	Nữ	20/05/1996	Phú Yên	7.6	Khá	D14LS03	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
842	1421402180205	Nguyễn Xuân	Ân	Nam	10/01/1996	Bến Tre	6.9	TB Khá	D14LS03	
843	1421402180220	Nguyễn Thị Kiều	Anh	Nữ	06/12/1996	Lâm Đồng	6.8	TB Khá	D14LS03	
844	1421402180262	Hoà Minh	Cường	Nam	25/09/1996	Tây Ninh	7.4	Khá	D14LS03	
845	1421402180249	Nguyễn Thị Phương	Dung	Nữ	21/01/1995	Quảng Trị	6.9	TB Khá	D14LS03	
846	1421402180266	Nguyễn Thị	Hà	Nữ	05/03/1994	Đắk Lắk	7.6	Khá	D14LS03	
847	1421402180247	Trương Thị	Hoa	Nữ	10/06/1994	Quảng Ngãi	8.0	Giỏi	D14LS03	
848	14114021800167	Nguyễn Quốc	Hòa	Nam	30/08/1995	Bình Định	6.9	TB Khá	D14LS03	
849	1421402180236	Nguyễn Thanh	Hoàng	Nam	16/02/1995	Phú Yên	6.7	TB Khá	D14LS03	
850	1421402180231	Phan Thanh	Hội	Nam	10/05/1995	Quảng Bình	6.6	TB Khá	D14LS03	
851	1421402180216	Nguyễn Duy	Huân	Nam	22/09/1996	Bến Tre	6.5	TB Khá	D14LS03	
852	1421402180246	Lương Văn	Hùng	Nam	12/05/1996	Gia Lai	7.4	Khá	D14LS03	
853	1421402180208	Võ Bùi Bích	Huyền	Nữ	24/02/1996	Quảng Ngãi	7.6	Khá	D14LS03	
854	1421402180237	Nguyễn Huỳnh Đăng	Khoa	Nam	17/04/1996	Cà Mau	7.0	Khá	D14LS03	
855	1421402180210	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	06/06/1996	Đắk Lắk	7.1	Khá	D14LS03	
856	1421402180211	Trịnh Thị	Linh	Nữ	15/05/1995	Gia Lai	7.1	Khá	D14LS03	
857	1421402180202	Đoàn Thị Linh	Nghi	Nữ	29/01/1996	Lâm Đồng	7.4	Khá	D14LS03	
858	1421402180248	Nguyễn Thảo	Nguyên	Nữ	1996	Cà Mau	7.1	Khá	D14LS03	
859	1421402180195	Nguyễn Văn	Nguyên	Nam	04/03/1995	Cà Mau	6.4	TB Khá	D14LS03	
860	1421402180193	Lê Thị	Nhàn	Nữ	07/01/1996	Quảng Trị	6.8	TB Khá	D14LS03	
861	1421402180264	Nguyễn Thị	Nhạn	Nữ	04/09/1994	Hà Tĩnh	6.8	TB Khá	D14LS03	
862	1421402180244	Nguyễn Thị	Như	Nữ	26/06/1995	Lâm Đồng	7.1	Khá	D14LS03	
863	1421402180239	Nguyễn Thị Mỹ	Nhung	Nữ	09/02/1996	Lâm Đồng	7.2	Khá	D14LS03	
864	1421402180194	Hà Quốc	Phòng	Nam	06/05/1996	Bình Định	7.5	Khá	D14LS03	
865	1421402180214	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	29/12/1996	Thanh Hóa	7.7	Khá	D14LS03	
866	1421402180218	Báo Văn	Tài	Nam	15/05/1995	Ninh Thuận	6.6	TB Khá	D14LS03	
867	1421402180197	Đỗ Thành	Thái	Nam	07/02/1996	Tây Ninh	6.5	TB Khá	D14LS03	
868	1421402180263	Nguyễn Hữu	Thắng	Nam	16/02/1996	Tp. HCM	7.1	Khá	D14LS03	
869	1421402180188	Lê Thị Thu	Thảo	Nữ	02/12/1996	Đắk Lắk	7.2	Khá	D14LS03	
870	1421402180190	Trịnh Thị	Thư	Nữ	07/08/1995	Thanh Hóa	6.9	TB Khá	D14LS03	
871	1421402180241	Bá Văn	Thương	Nam	20/05/1994	Bình Thuận	6.6	TB Khá	D14LS03	
872	1421402180235	Hồ Văn	Thủy	Nam	04/09/1996	Nghệ An	7.2	Khá	D14LS03	
873	1421402180192	Phạm Thị Thủy	Tiên	Nữ	14/05/1996	Đắk Lắk	7.1	Khá	D14LS03	
874	1421402180240	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	Nữ	19/07/1996	Bình Thuận	7.6	Khá	D14LS03	
875	1421402180256	Hoàng Thị Quỳnh	Trang	Nữ	20/04/1995	Gia Lai	7.6	Khá	D14LS03	
876	1421402180201	Mã Thị	Trang	Nữ	19/02/1996	Thanh Hóa	7.1	Khá	D14LS03	
877	1421402180223	Nguyễn Ngọc Thu	Trinh	Nữ	30/10/1996	Đắk Lắk	6.9	TB Khá	D14LS03	
878	1421402180227	Bùi Văn	Vinh	Nam	12/03/1996	Đắk Lắk	7.5	Khá	D14LS03	
879	1421402180221	Phạm Thị Như	Ý	Nữ	10/01/1996	Bình Định	7.6	Khá	D14LS03	
880	1421402180234	Phan Thị	Yến	Nữ	27/06/1995	Hà Tĩnh	7.7	Khá	D14LS03	
881	1423801010008	Đặng Thủy	Anh	Nữ	20/05/1996	Bình Dương	7.8	Khá	D14LU01	
882	1423801010009	Đoàn Thị Vân	Anh	Nữ	06/09/1996	Bình Dương	7.6	Khá	D14LU01	
883	1423801010010	Hoàng Tiến	Anh	Nam	05/09/1995	Quảng Bình	7.2	Khá	D14LU01	
884	1423801010012	Nguyễn Thị Phương	Anh	Nữ	01/12/1996	Bình Dương	7.1	Khá	D14LU01	
885	1423801010014	Trương Huỳnh	Anh	Nữ	03/12/1996	Bình Dương	7.1	Khá	D14LU01	
886	1423801010019	Nguyễn Thị Thu	Ba	Nữ	22/09/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14LU01	
887	1423801010017	Trần Chí	Bảo	Nam	26/06/1995	Kiên Giang	7.6	Khá	D14LU01	
888	1423801010018	Trần Quốc	Bảo	Nam	13/06/1996	Tây Ninh	7.5	Khá	D14LU01	
889	1423801010016	Nguyễn Văn	Bình	Nam	30/12/1996	Thanh Hóa	7.2	Khá	D14LU01	
890	1423801010024	Trần Thị Kim	Chi	Nữ	16/08/1996	Bình Dương	7.5	Khá	D14LU01	
891	1423801010025	Trần Thị Kim	Chi	Nữ	23/11/1995	Đắk Lắk	7.4	Khá	D14LU01	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
892	1423801010023	Trương Kiều	Chi	Nữ	15/06/1995	Ninh Thuận	7.5	Khá	D14LU01	
893	1423801010022	Huỳnh Văn	Chơi	Nam	20/08/1995	TT. Huế	7.5	Khá	D14LU01	
894	1423801010021	Nguyễn Mạnh	Cường	Nam	04/11/1996	Bến Tre	7.7	Khá	D14LU01	
895	1423801010002	Bùi Viết	Đại	Nam	12/12/1993	Quảng Nam	7.0	Khá	D14LU01	
896	1423801010003	Nguyễn Văn	Đại	Nam	20/11/1994	Thanh Hóa	7.6	Khá	D14LU01	
897	1423801010005	Đinh Hữu	Đạt	Nam	22/03/1995	Đắk Lắk	7.5	Khá	D14LU01	
898	1423801010006	Lê Tiến	Đạt	Nam	30/07/1995	Tiền Giang	7.3	Khá	D14LU01	
899	1423801010028	Nguyễn Thúy	Diễm	Nữ	28/04/1996	Tiền Giang	7.1	Khá	D14LU01	
900	1423801010029	Trần Thị	Diễm	Nữ	15/11/1995	Bình Định	6.9	TB Khá	D14LU01	
901	1423801010030	Trần Thị Thúy	Diễm	Nữ	20/06/1996	An Giang	7.3	Khá	D14LU01	
902	1423801010031	Văn Thị Mỹ	Diễm	Nữ	06/10/1996	Sông Bé	7.5	Khá	D14LU01	
903	1423801010007	Phan Minh	Đức	Nam	25/02/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14LU01	
904	1423801010035	Chu Thị Kim	Dung	Nữ	25/06/1996	Lạng Sơn	7.4	Khá	D14LU01	
905	1423801010036	Nguyễn Thị Hồng	Dung	Nữ	01/08/1996	Sông Bé	7.4	Khá	D14LU01	
906	1423801010037	Nguyễn Thị Kim	Dung	Nữ	24/12/1996	Đắk Lắk	7.0	Khá	D14LU01	
907	1423801010034	Trị Hùng	Dũng	Nam	18/01/1994	Sông Bé	7.6	Khá	D14LU01	
908	1423801010026	Nguyễn Ngọc Thuý	Dương	Nữ	12/12/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14LU01	
909	1423801010027	Nguyễn Xuân	Dương	Nam	30/01/1996	Sông Bé	8.0	Giỏi	D14LU01	
910	1423801010038	Bùi Hoàng	Duy	Nam	17/01/1996	Bình Dương	7.3	Khá	D14LU01	
911	1423801010039	Mai Lê	Duy	Nam	28/08/1996	Đắk Lắk	7.4	Khá	D14LU01	
912	1423801010043	Trương Thị Hồng	Gấm	Nữ	28/06/1995	Bình Định	7.6	Khá	D14LU01	
913	1423801010045	Đinh Thị Kim	Giang	Nữ	26/08/1996	Phú Yên	7.6	Khá	D14LU01	
914	1423801010047	Vĩ Văn	Giang	Nam	12/09/1996	Phú Thọ	7.3	Khá	D14LU01	
915	1423801010046	Vương Thùy	Giang	Nữ	13/02/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14LU01	
916	1423801010048	Phạm Thị Quỳnh	Giao	Nữ	04/08/1996	Lâm Đồng	7.6	Khá	D14LU01	
917	1423801010044	Bùi Thanh	Giàu	Nam	28/11/1996	Hậu Giang	7.2	Khá	D14LU01	
918	1423801010057	Lê Thị	Hà	Nữ	15/01/1996	Đắk Lắk	7.5	Khá	D14LU01	
919	1423801010058	Nguyễn Lâm	Hà	Nữ	20/08/1996	Đắk Lắk	7.5	Khá	D14LU01	
920	1423801010059	Phạm Thị Thu	Hà	Nữ	04/12/1995	Gia Lai	7.4	Khá	D14LU01	
921	1423801010060	Trần Thị Thu	Hà	Nữ	15/05/1995	Đắk Lắk	7.5	Khá	D14LU01	
922	1423801010049	Quách Thị	Hằng	Nữ	09/10/1996	Đắk Nông	7.0	Khá	D14LU01	
923	1423801010050	Trần Thị	Hằng	Nữ	01/01/1996	Bình Phước	7.3	Khá	D14LU01	
924	1423801010051	Trịnh Minh	Hằng	Nữ	09/11/1996	Ninh Thuận	7.3	Khá	D14LU01	
925	1423801010053	Hà Thị Diễm	Hương	Nữ	05/11/1996	Bình Phước	7.3	Khá	D14LU01	
926	1423801010054	Nguyễn Thanh	Hương	Nữ	05/02/1996	Tiền Giang	7.5	Khá	D14LU01	
927	1423801010055	Phạm Hồng	Hương	Nữ	02/06/1996	Phú Yên	7.8	Khá	D14LU01	
928	1423801010052	Nguyễn Văn	Hữu	Nam	02/02/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14LU01	
929	1423801010064	Trần Thị Kim	Hạnh	Nữ	18/07/1996	Ninh Thuận	7.2	Khá	D14LU02	
930	1423801010062	Nguyễn Thị Thu	Hào	Nữ	20/07/1996	Sông Bé	7.2	Khá	D14LU02	
931	1423801010063	Trần Thị Mỹ	Hào	Nữ	01/10/1995	Bình Phước	7.2	Khá	D14LU02	
932	1423801010069	Đặng Thị	Hiên	Nữ	15/07/1996	Kon Tum	7.4	Khá	D14LU02	
933	1423801010071	Nguyễn Thị Thanh	Hiên	Nữ	12/05/1996	Đắk Lắk	7.5	Khá	D14LU02	
934	1423801010072	Nguyễn Thị Thu	Hiên	Nữ	08/05/1996	Sông Bé	7.6	Khá	D14LU02	
935	1423801010073	Phạm Thảo	Hiên	Nam	03/04/1996	An Giang	7.3	Khá	D14LU02	
936	1423801010075	Phạm Thị Thu	Hiên	Nữ	08/02/1996	Kon Tum	7.4	Khá	D14LU02	
937	1423801010077	Nguyễn Đỗ Thành	Hiếu	Nam	10/12/1996	Bình Dương	7.5	Khá	D14LU02	
938	1423801010078	Nguyễn Thị Thu	Hiếu	Nữ	05/07/1996	Bình Phước	7.8	Khá	D14LU02	
939	1423801010080	Nguyễn Lê Khánh	Hòa	Nam	15/12/1996	Bình Dương	7.2	Khá	D14LU02	
940	1423801010081	Phạm Thị	Hòa	Nữ	03/04/1996	Sông Bé	7.1	Khá	D14LU02	
941	1423801010065	Trần Thị Bích	Hồng	Nữ	10/01/1996	Bình Phước	8.4	Giỏi	D14LU02	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
942	1423801010079	Cao Thị Bích	Hợp	Nữ	01/01/1996	Quảng Ngãi	7.2	Khá	D14LU02	
943	1423801010082	Nguyễn Thị Kim	Huệ	Nữ	15/08/1993	Tây Ninh	7.3	Khá	D14LU02	
944	1423801010070	Đinh Văn	Hương	Nam	02/09/1996	Sông Bé	6.8	TB Khá	D14LU02	
945	1423801010066	Bùi Thị Thúy	Hường	Nữ	05/04/1996	Đắk Lắk	7.2	Khá	D14LU02	
946	1423801010084	Ngô Đình Quang	Huy	Nam	26/01/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14LU02	
947	1423801010085	Phạm Thị	Huyền	Nữ	29/08/1994	Ninh Bình	7.3	Khá	D14LU02	
948	1423801010086	Lê Thị Lệ	Huyền	Nữ	23/05/1996	Kon Tum	7.2	Khá	D14LU02	
949	1423801010087	Nguyễn Thanh	Huyền	Nữ	29/10/1996	Tp. HCM	7.4	Khá	D14LU02	
950	1423801010088	Phạm Thị Ngọc	Huyền	Nữ	08/08/1996	Đắk Lắk	7.5	Khá	D14LU02	
951	1423801010090	Nguyễn Duy	Khanh	Nam	10/05/1994	Bắc Ninh	7.1	Khá	D14LU02	
952	1423801010089	Đặng Vũ	Khánh	Nam	23/02/1996	Tây Ninh	7.5	Khá	D14LU02	
953	1423801010091	Lê Văn	Khoa	Nam	12/09/1996	Biên Hòa	7.6	Khá	D14LU02	
954	1423801010093	Nguyễn Tiến	Kiệt	Nam	11/10/1996	Kon Tum	6.7	TB Khá	D14LU02	
955	1423801010094	Lê Hoàng	Lâm	Nam	19/09/1996	Sông Bé	7.5	Khá	D14LU02	
956	1423801010096	Nguyễn Thị Kim	Liên	Nữ	12/02/1995	Đồng Nai	7.6	Khá	D14LU02	
957	1423801010105	Huỳnh Ngọc	Liều	Nữ	03/01/1996	Bình Dương	7.3	Khá	D14LU02	
958	1423801010099	Chu Thị	Linh	Nữ	24/07/1996	Đắk Nông	7.3	Khá	D14LU02	
959	1423801010097	Đàm Thị	Linh	Nữ	04/09/1996	Đắk Lắk	7.8	Khá	D14LU02	
960	1423801010098	Đỗ Khánh	Linh	Nữ	15/04/1996	Sông Bé	7.6	Khá	D14LU02	
961	1423801010100	Nguyễn Thị Diệu	Linh	Nữ	02/09/1995	Đắk Lắk	7.7	Khá	D14LU02	
962	1423801010101	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	26/10/1996	Lâm Đồng	7.8	Khá	D14LU02	
963	1423801010102	Phan Lương Hoàng	Linh	Nam	20/08/1996	Quảng Ngãi	7.3	Khá	D14LU02	
964	1423801010103	Phan Nguyễn Phương	Linh	Nữ	23/11/1996	Sông Bé	7.3	Khá	D14LU02	
965	1423801010110	Nguyễn Đình	Linh	Nam	16/02/1996	Quảng Ngãi	7.7	Khá	D14LU02	
966	1423801010095	Nguyễn Thị	Lộc	Nữ	25/02/1996	Quảng Ngãi	7.4	Khá	D14LU02	
967	1423801010106	Võ Hoàng	Long	Nam	04/03/1995	Long An	7.6	Khá	D14LU02	
968	1423801010109	Đồng Thanh	Luân	Nam	01/01/1996	Bình Định	7.5	Khá	D14LU02	
969	1423801010107	Tô Thị Bích	Lưu	Nữ	11/01/1996	Đắk Lắk	7.3	Khá	D14LU02	
970	1423801010111	Đỗ Thị Trúc	Ly	Nữ	29/06/1996	Long An	7.5	Khá	D14LU02	
971	1423801010113	Huỳnh Trần Huyền	Mai	Nữ	05/09/1996	Phú Yên	7.5	Khá	D14LU02	
972	1423801010115	Bùi Thị Trà	My	Nữ	23/07/1996	Bình Dương	7.9	Khá	D14LU02	
973	1423801010114	Đỗ Thị Kiều	My	Nữ	20/01/1996	Bình Định	7.6	Khá	D14LU02	
974	1423801010117	Bé Thành	Nam	Nam	12/01/1996	Bình Phước	7.4	Khá	D14LU02	
975	1423801010118	Võ Hoàng	Nam	Nam	21/05/1995	Bình Dương	6.7	TB Khá	D14LU03	
976	1423801010119	Hoàng Thị Kim	Ngân	Nữ	10/01/1996	Quảng Nam	6.3	TB Khá	D14LU03	
977	1423801010120	Lê Thị Thu	Ngân	Nữ	01/03/1996	Bình Dương	7.3	Khá	D14LU03	
978	1423801010122	Nguyễn Thị Hoài	Ngân	Nữ	16/11/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14LU03	
979	1423801010123	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	Nữ	16/11/1996	Bình Dương	7.6	Khá	D14LU03	
980	1423801010126	Lê Hữu	Nghĩa	Nam	10/02/1996	Bình Phước	7.5	Khá	D14LU03	
981	1423801010127	Hàn Thị	Ngoan	Nữ	16/08/1996	Thanh Hóa	7.1	Khá	D14LU03	
982	1423801010124	Nguyễn Thị Hoàng	Ngọc	Nữ	11/03/1995	Sông Bé	7.7	Khá	D14LU03	
983	1423801010128	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	Nữ	30/05/1995	Gia Lai	7.3	Khá	D14LU03	
984	1423801010132	Lâm Bảo	Nhi	Nữ	12/07/1995	Sóc Trăng	7.3	Khá	D14LU03	
985	1423801010133	Lê Thị Hoàng	Nhi	Nữ	21/04/1996	Sông Bé	7.3	Khá	D14LU03	
986	1423801010134	Nguyễn Hoàng Ái	Nhi	Nữ	23/06/1995	Sông Bé	6.8	TB Khá	D14LU03	
987	1423801010137	Lâm Tiểu	Nhiên	Nữ	15/02/1996	Tây Ninh	7.2	Khá	D14LU03	
988	1423801010138	Lê Thị Hồng	Nhung	Nữ	17/03/1996	Bình Dương	7.2	Khá	D14LU03	
989	1423801010139	Lê Thị Tuyết	Nhung	Nữ	25/12/1996	Thanh Hóa	6.8	TB Khá	D14LU03	
990	1423801010140	Phạm Nguyễn Hồng	Nhung	Nữ	05/08/1996	Bình Dương	6.4	TB Khá	D14LU03	
991	1423801010141	Phạm Thị Mỹ	Nhung	Nữ	24/05/1996	Sông Bé	6.4	TB Khá	D14LU03	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
992	1423801010142	Trần Thị Phương	Nhung	Nữ	10/07/1995	Hà Nam	7.0	Khá	D14LU03	
993	1423801010143	Trần Thị Tuyết	Nhung	Nữ	09/08/1996	Bình Dương	6.9	TB Khá	D14LU03	
994	1423801010144	Nguyễn Khánh	Nhật	Nam	24/02/1996	Bình Dương	6.6	TB Khá	D14LU03	
995	1423801010145	Bùi Thị Hồng	Nụ	Nữ	25/07/1996	Nghệ An	7.0	Khá	D14LU03	
996	1423801010146	Trần Tuấn	Phát	Nam	27/04/1996	Long An	8.2	Giỏi	D14LU03	
997	1423801010154	Nguyễn Hoàng	Phúc	Nam	03/01/1996	Sông Bé	7.3	Khá	D14LU03	
998	1423801010155	Nguyễn Thành	Phúc	Nam	30/06/1996	Bến Tre	7.3	Khá	D14LU03	
999	1423801010149	Lê Yến	Phương	Nữ	17/07/1995	Bạc Liêu	7.0	Khá	D14LU03	
1000	1423801010150	Trần Thu	Phương	Nữ	17/11/1994	Hà Nam	7.3	Khá	D14LU03	
1001	1423801010151	Vũ Thụy Tuyết	Phương	Nữ	30/10/1996	Đồng Nai	6.9	TB Khá	D14LU03	
1002	1423801010152	Bạch Thị Kim	Phượng	Nữ	20/01/1995	Đắk Lắk	7.6	Khá	D14LU03	
1003	1423801010153	Lê Kim	Phượng	Nữ	24/08/1996	Ninh Thuận	7.2	Khá	D14LU03	
1004	1423801010156	Nguyễn Thông	Quang	Nam	16/10/1996	Bình Dương	7.0	Khá	D14LU03	
1005	1423801010157	Nguyễn Thị	Quỳnh	Nữ	05/05/1995	Thanh Hóa	6.8	TB Khá	D14LU03	
1006	1423801010159	Nguyễn Ngọc	Rin	Nam	04/02/1996	Phú Yên	6.3	TB Khá	D14LU03	
1007	1423801010160	Võ Ngọc	Rin	Nam	12/02/1995	Đắk Lắk	8.0	Giỏi	D14LU03	
1008	1423801010161	Phạm Thị	Sáu	Nữ	15/06/1996	Thanh Hóa	6.9	TB Khá	D14LU03	
1009	1423801010164	Nguyễn Kim	Sen	Nữ	28/08/1996	Sông Bé	7.5	Khá	D14LU03	
1010	1423801010165	Nguyễn Tuấn	Sĩ	Nam	28/10/1996	Đồng Tháp	7.0	Khá	D14LU03	
1011	1423801010162	Dương Hồng	Son	Nam	24/04/1996	Đắk Lắk	7.3	Khá	D14LU03	
1012	1423801010163	Nguyễn Tấn	Son	Nam	1994	Bình Dương	7.2	Khá	D14LU03	
1013	1423801010172	Nguyễn Hữu	Tài	Nam	13/10/1995	Bình Dương	7.1	Khá	D14LU03	
1014	1423801010173	Phạm Tấn	Tài	Nam	13/02/1996	Sông Bé	7.3	Khá	D14LU03	
1015	1423801010178	Nguyễn Thị Trúc	Thơ	Nữ	04/08/1995	Bình Định	7.2	Khá	D14LU03	
1016	1423801010179	Lê Thị Hồng	Thơm	Nữ	23/07/1996	Đắk Lắk	7.4	Khá	D14LU03	
1017	1423801010177	Lê Trần Minh	Thư	Nữ	20/12/1996	Sông Bé	7.3	Khá	D14LU03	
1018	1423801010166	Huỳnh Quang	Tư	Nam	25/10/1996	Đắk Lắk	6.8	TB Khá	D14LU03	
1019	1423801010193	Lê Văn	Thắng	Nam	12/08/1995	Thanh Hóa	7.3	Khá	D14LU04	
1020	1423801010195	Nguyễn Quang	Thanh	Nam	26/01/1995	Sông Bé	7.4	Khá	D14LU04	
1021	1423801010196	Trần Thị Thu	Thanh	Nữ	29/11/1996	Sông Bé	7.3	Khá	D14LU04	
1022	1423801010181	Bùi Văn	Thành	Nam	08/12/1995	Thanh Hóa	6.9	TB Khá	D14LU04	
1023	1423801010183	Vương Thị	Thành	Nữ	20/03/1996	Nghệ An	7.1	Khá	D14LU04	
1024	1423801010185	Bùi Thị	Thảo	Nữ	14/06/1996	Bình Phước	7.2	Khá	D14LU04	
1025	1423801010186	Hồ Thị Kim	Thảo	Nữ	17/06/1996	Bình Phước	7.4	Khá	D14LU04	
1026	1423801010187	Lê Thanh	Thảo	Nữ	26/07/1995	Trà Vinh	7.6	Khá	D14LU04	
1027	1423801010190	Trần Thị Thu	Thảo	Nữ	14/11/1996	Sông Bé	6.9	TB Khá	D14LU04	
1028	1423801010191	Trịnh Thị	Thảo	Nữ	03/02/1996	Sông Bé	7.5	Khá	D14LU04	
1029	1423801010204	Thạch Thị	Thế	Nữ	06/01/1996	Bình Phước	7.0	Khá	D14LU04	
1030	1423801010197	Đỗ Thị	Thị	Nữ	26/06/1996	Phú Yên	6.9	TB Khá	D14LU04	
1031	1423801010198	Nguyễn Thị Kim	Thị	Nữ	01/06/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14LU04	
1032	1423801010199	Trần Thị Mộng	Thị	Nữ	26/01/1996	Sông Bé	7.0	Khá	D14LU04	
1033	1423801010208	Vương Phước	Thuận	Nam	21/02/1996	Tp. HCM	7.1	Khá	D14LU04	
1034	1423801010180	Trần Thị Hoài	Thương	Nữ	01/11/1996	Đắk Lắk	6.7	TB Khá	D14LU04	
1035	1423801010200	Hồ Đắc	Thượng	Nam	16/10/1994	Thanh Hóa	7.0	Khá	D14LU04	
1036	1423801010209	Lê Thị Phương	Thủy	Nữ	26/08/1996	Phú Yên	6.8	TB Khá	D14LU04	
1037	1423801010210	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	Nữ	12/09/1996	Sông Bé	7.0	Khá	D14LU04	
1038	1423801010205	Nguyễn Phương	Thúy	Nữ	03/10/1996	Thanh Hóa	7.2	Khá	D14LU04	
1039	1423801010201	Hà Thị Bích	Thủy	Nữ	07/03/1996	Đắk Lắk	6.8	TB Khá	D14LU04	
1040	1423801010202	Hoàng Thị Lệ	Thủy	Nữ	10/10/1996	Đắk Lắk	6.9	TB Khá	D14LU04	
1041	1423801010222	Đậu Thị Thu	Trà	Nữ	06/05/1996	Đắk Lắk	6.9	TB Khá	D14LU04	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
1042	1423801010223	Phan Mai Thanh	Trà	Nữ	16/05/1996	Sông Bé	6.7	TB Khá	D14LU04	
1043	1423801010215	Đỗ Hoàng Ngọc	Trâm	Nữ	24/07/1996	Đắk Lắk	6.9	TB Khá	D14LU04	
1044	1423801010218	Phan Thị Ngọc	Trâm	Nữ	01/12/1996	Bến Tre	6.5	TB Khá	D14LU04	
1045	1423801010220	Võ Thị Bích	Trâm	Nữ	10/07/1996	Bình Định	7.3	Khá	D14LU04	
1046	1423801010221	Nguyễn Thị Quế	Trân	Nữ	20/02/1996	Tây Ninh	7.5	Khá	D14LU04	
1047	1423801010224	Đào Thị Thùy	Trang	Nữ	03/04/1995	Lâm Đồng	7.5	Khá	D14LU04	
1048	1423801010226	Lê Thị Huyền	Trang	Nữ	19/02/1996	Hà Nam	7.6	Khá	D14LU04	
1049	1423801010227	Nguyễn Thị Hương	Trang	Nữ	22/03/1995	Quảng Trị	7.4	Khá	D14LU04	
1050	1423801010228	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	Nữ	11/02/1995	Đắk Lắk	7.7	Khá	D14LU04	
1051	1423801010229	Phan Thị Thùy	Trang	Nữ	07/07/1995	Nghệ An	7.0	Khá	D14LU04	
1052	1423801010230	Võ Thị Tổ	Trang	Nữ	18/06/1996	Tiền Giang	7.7	Khá	D14LU04	
1053	1423801010233	Đào Minh	Trí	Nam	27/07/1996	Hậu Giang	7.4	Khá	D14LU04	
1054	1423801010231	Nguyễn Thị	Trình	Nữ	26/11/1996	Bình Phước	7.5	Khá	D14LU04	
1055	1423801010232	Trần Thị Kiều	Trình	Nữ	22/09/1995	Quảng Nam	7.7	Khá	D14LU04	
1056	1423801010213	Lê Hoàng Thanh	Tú	Nữ	28/07/1996	Sông Bé	7.7	Khá	D14LU04	
1057	1423801010235	Đỗ Cao Minh	Tuệ	Nữ	23/12/1996	Bình Phước	6.9	TB Khá	D14LU04	
1058	1423801010211	Bùi Duy	Tùng	Nam	25/09/1995	Kon Tum	7.9	Khá	D14LU04	
1059	1423801010212	Vì Mạnh	Tùng	Nam	25/09/1996	Bình Phước	7.3	Khá	D14LU04	
1060	1423801010237	Lại Thu	Uyên	Nữ	24/11/1996	Hà Tĩnh	7.5	Khá	D14LU04	
1061	1423801010238	Nguyễn Quang Thu	Uyên	Nữ	14/04/1996	Tây Ninh	7.4	Khá	D14LU04	
1062	1423801010239	Nguyễn Thị Hoàng	Uyên	Nữ	16/08/1995	An Giang	7.2	Khá	D14LU04	
1063	1423801010240	Bùi Lê Ngọc	Vân	Nữ	22/01/1996	Sông Bé	7.3	Khá	D14LU04	
1064	1423801010300	Hoàng Thị Kim	Anh	Nữ	14/08/1994	Đắk Lắk	8.1	Giỏi	D14LU05	
1065	1423801010292	Phạm Thị Vân	Anh	Nữ	10/11/1994	Bình Thuận	6.7	TB Khá	D14LU05	
1066	1423801010315	Đặng Thị Kim	Chi	Nữ	24/07/1996	Gia Lai	7.5	Khá	D14LU05	
1067	1423801010301	Nguyễn Thị	Dân	Nữ	02/09/1996	Phú Yên	7.2	Khá	D14LU05	
1068	1423801010318	Bùi Thị	Dự	Nữ	25/09/1996	Gia Lai	7.5	Khá	D14LU05	
1069	1323801010258	Nguyễn Ngọc	Hải	Nam	26/03/1995	Bình Định	7.6	Khá	D14LU05	
1070	1423801010298	Phan Thị	Hằng	Nữ	06/05/1995	Đắk Lắk	7.8	Khá	D14LU05	
1071	1423801010321	Nguyễn Thị	Hậu	Nữ	01/11/1996	Nghệ An	7.5	Khá	D14LU05	
1072	1423801010286	Lê Thị Ngọc	Hoa	Nữ	30/04/1994	Quảng Ngãi	7.8	Khá	D14LU05	
1073	1423801010262	Nguyễn Gia	Huy	Nam	20/03/1996	Tp. HCM	7.6	Khá	D14LU05	
1074	1423801010282	Hồ Ngọc	Nga	Nữ	07/06/1995	Tây Ninh	8.0	Giỏi	D14LU05	
1075	1423801010261	Trần Trọng	Nhân	Nam	24/07/1996	Sông Bé	7.7	Khá	D14LU05	
1076	1423801010320	Đinh Thị Yến	Nhi	Nữ	01/09/1995	Quảng Trị	7.9	Khá	D14LU05	
1077	1423801010283	Phạm Thị	Nhiên	Nữ	09/11/1995	Bến Tre	8.3	Giỏi	D14LU05	
1078	1423801010309	Thân Thị Thu	Phương	Nữ	20/01/1996	Đắk Lắk	8.1	Giỏi	D14LU05	
1079	1423801010314	Phạm Châu	Thanh	Nam	11/05/1995	Long An	7.2	Khá	D14LU05	
1080	1423801010265	Nguyễn Văn	Thành	Nam	05/09/1995	Bến Tre	8.0	Giỏi	D14LU05	
1081	1423801010276	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	07/01/1995	Sông Bé	7.6	Khá	D14LU05	
1082	1423801010311	Vũ Thị Tuyết	Thu	Nữ	28/09/1995	Bình Thuận	7.6	Khá	D14LU05	
1083	1423801010280	Bùi Thị Ánh	Thư	Nữ	01/12/1993	Bến Tre	7.6	Khá	D14LU05	
1084	1423801010275	Thái Thị Thu	Trâm	Nữ	20/08/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14LU05	
1085	1423801010290	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	03/06/1995	Đắk Lắk	7.5	Khá	D14LU05	
1086	1423801010274	Trần Thị Diễm	Trang	Nữ	25/09/1995	Tp. HCM	7.9	Khá	D14LU05	
1087	1423801010260	Nguyễn Quốc	Trí	Nam	18/05/1996	Ninh Thuận	6.7	TB Khá	D14LU05	
1088	1423801010263	Phạm Thanh Thủy Thị Mỹ	Trình	Nữ	27/11/1994	BR. Vũng Tàu	7.9	Khá	D14LU05	
1089	1323801010370	Trần Quốc	Tuấn	Nam	01/05/1995	Lâm Đồng	7.3	Khá	D14LU05	
1090	1423801010287	Lê Thị	Tươi	Nữ	12/06/1994	Thanh Hóa	7.5	Khá	D14LU05	
1091	1423801010302	Lưu Quý	Ty	Nam	16/12/1995	Ninh Thuận	7.9	Khá	D14LU05	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
1092	1423801010242	Nguyễn Thị Vân	Nữ	24/11/1996	Sông Bé	8.0	Giỏi	D14LU05	
1093	1423801010295	Nguyễn Thị Vân	Nữ	20/10/1996	Nghệ An	7.8	Khá	D14LU05	
1094	1423801010297	Võ Thị Tường	Nữ	30/09/1996	Đắk Lắk	7.7	Khá	D14LU05	
1095	1423801010244	Nguyễn Thị Phương	Nữ	11/10/1995	Phú Yên	8.1	Giỏi	D14LU05	
1096	1423801010245	Phan Thị Thu	Nữ	06/03/1996	Đắk Lắk	7.8	Khá	D14LU05	
1097	1423801010267	Nguyễn Vương Thúy	Nữ	19/01/1995	Tây Ninh	5.3	TB	D14LU05	
1098	1423801010250	Tô Thị Trường	Nữ	30/12/1996	Bình Định	8.0	Giỏi	D14LU05	
1099	1423801010253	Chu Thị Xuân	Nữ	02/01/1996	Đắk Lắk	7.2	Khá	D14LU05	
1100	1423801010252	Đinh Thị Mỹ	Nữ	02/06/1996	Quảng Ngãi	7.2	Khá	D14LU05	
1101	1423801010255	Trần Lê Xuân	Nữ	01/01/1996	Nam Định	7.8	Khá	D14LU05	
1102	1423801010256	Ung Thanh Xuân	Nữ	09/12/1996	Bình Dương	7.0	Khá	D14LU05	
1103	1423801010257	Trần Thị Ý	Nữ	03/04/1995	Quảng Trị	7.8	Khá	D14LU05	
1104	1423801010258	Đinh Thị Phi Yến	Nữ	05/05/1996	Sông Bé	7.7	Khá	D14LU05	
1105	1423801010367	Mã Thị Bảy	Nữ	16/09/1995	Cao Bằng	7.8	Khá	D14LU06	
1106	1423801010377	Bào Thị Bích	Nữ	27/05/1994	Đắk Lắk	7.2	Khá	D14LU06	
1107	1423801010368	Vi Thị Bính	Nữ	17/05/1994	Đắk Lắk	7.4	Khá	D14LU06	
1108	1423801010369	Huỳnh Hồ Kim Chi	Nữ	16/06/1995	Phú Yên	7.1	Khá	D14LU06	
1109	1423801010379	Bế Thị Kim Cúc	Nữ	24/01/1995	Cao Bằng	6.9	TB Khá	D14LU06	
1110	1423801010378	Triệu Thị Cúc	Nữ	10/11/1993	Lạng Sơn	7.7	Khá	D14LU06	
1111	1423801010380	Quảng Mộng Kỳ	Nữ	27/10/1994	Ninh Thuận	7.7	Khá	D14LU06	
1112	1423801010382	Nông Thị Đào	Nữ	04/06/1995	Đắk Lắk	7.7	Khá	D14LU06	
1113	1423801010381	Giáp Thị Mỹ Duyên	Nữ	22/12/1995	Đắk Lắk	7.1	Khá	D14LU06	
1114	1423801010383	H'CHEL ÊBAN	Nữ	13/08/1994	Đắk Lắk	7.2	Khá	D14LU06	
1115	1423801010333	Hoàng Thị Hằng	Nữ	06/06/1995	Nghệ An	8.1	Giỏi	D14LU06	
1116	1423801010331	Lê Thị Hậu	Nữ	23/05/1996	Thanh Hóa	7.4	Khá	D14LU06	
1117	1423801010323	Vũ Thị Hậu	Nữ	21/06/1995	Hà Nam	7.5	Khá	D14LU06	
1118	1423801010385	A ĐÁTH HẬU	Nữ	10/02/1995	Khánh Hòa	7.3	Khá	D14LU06	
1119	1423801010387	Phan Danh Hiệu	Nam	30/05/1995	Lâm Đồng	7.8	Khá	D14LU06	
1120	1423801010348	Trần Thị Thu Hồng	Nữ	22/11/1996	Bình Định	7.6	Khá	D14LU06	
1121	1423801010354	Nguyễn Thị Thùy Hương	Nữ	06/08/1996	Đắk Lắk	8.1	Giỏi	D14LU06	
1122	1423801010388	H' DIỆU KBUỜ	Nữ	27/05/1995	Đắk Lắk	7.3	Khá	D14LU06	
1123	1423801010371	Lâm Thị Kiều	Nữ	16/07/1995	Đắk Lắk	7.3	Khá	D14LU06	
1124	1423801010391	H GON KRIENG	Nữ	02/11/1995	Đắk Lắk	7.8	Khá	D14LU06	
1125	1423801010342	Lương Hải Lập	Nữ	02/09/1995	Kon Tum	7.7	Khá	D14LU06	
1126	1423801010353	Lê Thị Lệ	Nữ	19/05/1996	Thanh Hóa	7.6	Khá	D14LU06	
1127	1423801010322	Hoàng Thị Liên	Nữ	10/11/1996	Quảng Bình	7.5	Khá	D14LU06	
1128	1423801010393	Y JIM MLÔ	Nam	09/06/1994	Đắk Lắk	8.1	Giỏi	D14LU06	
1129	1423801010332	Trần Thị Hoài Mỹ	Nữ	26/02/1996	Quảng Trị	6.8	TB Khá	D14LU06	
1130	1423801010364	Võ Kim Ngân	Nữ	26/07/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14LU06	
1131	1423801010327	Hán Thị Thảo Nguyên	Nữ	01/05/1996	Ninh Thuận	7.1	Khá	D14LU06	
1132	1423801010373	H NUEN NIÊ	Nữ	05/06/1995	Đắk Lắk	7.5	Khá	D14LU06	
1133	1423801010374	H ROA NIÊ	Nữ	15/06/1995	Đắk Lắk	7.3	Khá	D14LU06	
1134	1423801010372	H'LOAI NIÊ	Nữ	11/12/1995	Đắk Lắk	7.4	Khá	D14LU06	
1135	1423801010340	Trần Thị Hạnh Phúc	Nữ	17/04/1996	Đắk Lắk	7.3	Khá	D14LU06	
1136	1423801010396	Châu Thị Thịnh	Nữ	08/11/1993	Ninh Thuận	7.2	Khá	D14LU06	
1137	1423801010336	Dương Thị Thương	Nữ	06/02/1995	Đắk Lắk	7.8	Khá	D14LU06	
1138	1423801010352	Đỗ Thị Phương Thủy	Nữ	17/09/1996	Bình Thuận	8.3	Giỏi	D14LU06	
1139	1423801010337	Nguyễn Thành Trung	Nam	13/05/1995	Cà Mau	7.6	Khá	D14LU06	
1140	1423801010376	Now Syc Hồng Uyên	Nữ	16/07/1995	Lâm Đồng	7.6	Khá	D14LU06	
1141	1423801010329	Trần Thị Thanh Xuân	Nữ	15/01/1995	Bến Tre	7.9	Khá	D14LU06	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
1142	1423801010347	Phạm Như Ý	Nam	10/12/1995	Đắk Lắk	7.8	Khá	D14LU06	
1143	1421402010001	Nguyễn Thị Diệu	Nữ	20/11/1996	Sông Bé	6.6	TB Khá	D14MN01	
1144	1421402010010	Nguyễn Kim An	Nữ	12/10/1996	Đồng Nai	7.2	Khá	D14MN01	
1145	1421402010011	Nguyễn Thị Mỹ	Nữ	30/09/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14MN01	
1146	1421402010012	Nguyễn Thị Kiều	Nữ	07/01/1995	Hà Tĩnh	7.4	Khá	D14MN01	
1147	1421402010013	Võ Thị Trâm	Nữ	23/11/1995	Sông Bé	6.8	TB Khá	D14MN01	
1148	1421402010003	Đinh Thị Ngọc	Nữ	13/04/1996	Đắk Nông	6.6	TB Khá	D14MN01	
1149	1421402010002	Đỗ Thị	Nữ	19/11/1996	Nam Định	6.9	TB Khá	D14MN01	
1150	1421402010014	Trương Thị Ngọc	Nữ	10/12/1995	Sông Bé	7.1	Khá	D14MN01	
1151	1421402010015	Hán Thị Thu	Nữ	28/11/1995	Ninh Thuận	7.2	Khá	D14MN01	
1152	1421402010016	Trần Thị Bích	Nữ	23/08/1996	Tây Ninh	6.8	TB Khá	D14MN01	
1153	1421402010017	Trần Thị Kim	Nữ	28/08/1996	Đồng Nai	7.3	Khá	D14MN01	
1154	1421402010018	Trần Thị Kim	Nữ	05/02/1995	Quảng Ngãi	7.6	Khá	D14MN01	
1155	1421402010006	Đỗ Thị Vân	Nữ	05/09/1995	Gia Lai	7.8	Khá	D14MN01	
1156	1421402010019	Bá Thị Trịnh	Nữ	02/09/1994	Ninh Thuận	6.9	TB Khá	D14MN01	
1157	1421402010007	Đinh Thị Bích	Nữ	17/03/1993	Quảng Bình	7.3	Khá	D14MN01	
1158	1421402010008	Tăng Thị Hồng	Nữ	05/12/1996	Bình Dương	7.3	Khá	D14MN01	
1159	1421402010022	Nguyễn Thị Thủy	Nữ	05/05/1996	Quảng Bình	7.1	Khá	D14MN01	
1160	1421402010023	Bùi Thị Thủy	Nữ	22/07/1995	Sông Bé	7.3	Khá	D14MN01	
1161	1421402010024	Nguyễn Thị Ánh	Nữ	17/06/1996	Đắk Lắk	7.7	Khá	D14MN01	
1162	1421402010027	Lê Thị Thuý	Nữ	21/06/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14MN01	
1163	1421402010028	Phạm Phương	Nữ	25/12/1995	Vĩnh Phúc	7.5	Khá	D14MN01	
1164	1421402010029	Phạm Thị	Nữ	06/01/1995	Đắk Lắk	7.1	Khá	D14MN01	
1165	1421402010030	Phan Thị	Nữ	12/03/1996	Hà Tĩnh	7.2	Khá	D14MN01	
1166	1421402010031	Trần Tổ	Nữ	18/12/1996	Lâm Đồng	6.4	TB Khá	D14MN01	
1167	1421402010032	Vũ Thị Mỹ	Nữ	23/07/1996	BR-Vũng Tàu	6.8	TB Khá	D14MN01	
1168	1421402010025	Trần Thị	Nữ	25/09/1995	Nghệ An	7.4	Khá	D14MN01	
1169	1421402010020	Lê Thị Thùy	Nữ	14/03/1995	Đồng Nai	7.2	Khá	D14MN01	
1170	1421402010033	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	15/10/1995	Sông Bé	6.8	TB Khá	D14MN01	
1171	1421402010034	Bùi Thị	Nữ	01/06/1996	Lâm Đồng	7.4	Khá	D14MN01	
1172	1421402010035	Nguyễn Thị Mỹ	Nữ	14/01/1995	Tp. HCM	7.0	Khá	D14MN01	
1173	1421402010037	Phạm Thị Thu	Nữ	24/12/1995	Sông Bé	7.4	Khá	D14MN01	
1174	1421402010048	Trần Thị Thu	Nữ	20/03/1995	Quảng Bình	6.4	TB Khá	D14MN01	
1175	1421402010039	Đặng Nguyễn Như	Nữ	14/04/1996	Bình Dương	7.3	Khá	D14MN01	
1176	1421402010042	Nguyễn Thị Thúy	Nữ	19/03/1996	Bình Dương	6.9	TB Khá	D14MN01	
1177	1421402010043	Võ Thị	Nữ	10/10/1996	Nghệ An	7.6	Khá	D14MN01	
1178	1421402010049	Nguyễn Thị	Nữ	03/11/1995	Quảng Ngãi	6.1	TB Khá	D14MN01	
1179	1421402010054	Đặng Thị	Nữ	14/08/1995	Ninh Bình	6.7	TB Khá	D14MN01	
1180	1421402010055	Đoàn Thị	Nữ	20/01/1996	Gia Lai	7.2	Khá	D14MN01	
1181	1421402010057	Huỳnh Lâm Kim	Nữ	04/11/1995	Tp. HCM	7.3	Khá	D14MN01	
1182	1421402010058	Lê Thị Minh	Nữ	19/02/1996	Bình Dương	7.6	Khá	D14MN01	
1183	1421402010059	Lê Thu	Nữ	09/10/1996	Bình Phước	7.3	Khá	D14MN01	
1184	1421402010060	Phan Thị Thu	Nữ	20/11/1995	Đắk Lắk	7.4	Khá	D14MN01	
1185	1421402010061	Tô Ngọc	Nữ	04/10/1996	Bình Dương	7.2	Khá	D14MN01	
1186	1421402010063	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	20/05/1996	Sông Bé	7.1	Khá	D14MN01	
1187	1421402010062	Hoàng Thị	Nữ	02/01/1996	Quảng Bình	7.3	Khá	D14MN01	
1188	1421402010050	Nguyễn Thị Thu	Nữ	04/12/1996	Bình Dương	7.3	Khá	D14MN01	
1189	1421402010051	Nguyễn Thị Thu	Nữ	15/05/1996	Lâm Đồng	7.8	Khá	D14MN01	
1190	1421402010052	Trần Thị	Nữ	08/02/1996	Đắk Lắk	7.2	Khá	D14MN01	
1191	1421402010044	Dương Thị Mỹ	Nữ	20/09/1996	Bình Dương	7.3	Khá	D14MN01	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
1192	1421402010045	Nguyễn Thị Thu	Hương	Nữ	08/08/1996	Sông Bé	8.0	Giỏi	D14MN01	
1193	1421402010046	Nguyễn Thu	Hương	Nữ	25/01/1996	Nghệ An	7.0	Khá	D14MN01	
1194	1421402010064	Nguyễn Thị	Hoan	Nữ	18/09/1996	Nghệ An	6.4	TB Khá	D14MN02	
1195	1421402010065	Phạm Thị	Huế	Nữ	09/02/1996	Nam Định	6.4	TB Khá	D14MN02	
1196	1421402010067	Đặng Thị Ngọc	Huyền	Nữ	17/05/1996	Bình Dương	6.6	TB Khá	D14MN02	
1197	1421402010068	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	16/12/1995	Lâm Đồng	5.8	TB	D14MN02	
1198	1421402010069	Phạm Ngọc	Huyền	Nữ	08/02/1996	Đắk Lắk	6.3	TB Khá	D14MN02	
1199	1421402010070	Phạm Thị Ngọc	Huyền	Nữ	20/02/1996	Bình Dương	6.1	TB Khá	D14MN02	
1200	1421402010071	Trần Thị Khánh	Huyền	Nữ	15/02/1995	Hà Tĩnh	7.9	Khá	D14MN02	
1201	1421402010066	Ngô Thị Châu	Huỳnh	Nữ	24/10/1996	Bình Phước	6.3	TB Khá	D14MN02	
1202	1421402010072	Nguyễn Thị	Kiều	Nữ	05/01/1996	Thanh Hóa	6.9	TB Khá	D14MN02	
1203	1421402010074	Châu Thị Hà	Lan	Nữ	05/11/1996	Quảng Ngãi	6.9	TB Khá	D14MN02	
1204	1421402010075	Lương Thị Kim	Lan	Nữ	16/02/1995	Bình Dương	7.2	Khá	D14MN02	
1205	1421402010076	Nguyễn Thị	Lan	Nữ	29/09/1996	Thanh Hóa	5.2	TB	D14MN02	
1206	1421402010077	Phan Thị	Lan	Nữ	06/06/1996	Đắk Lắk	6.7	TB Khá	D14MN02	
1207	1421402010079	Nguyễn Thị	Lanh	Nữ	04/03/1995	Quảng Bình	7.8	Khá	D14MN02	
1208	1421402010073	Trần Thị	Lành	Nữ	02/10/1993	Nghệ An	6.7	TB Khá	D14MN02	
1209	1421402010080	Hoàng Thị	Liên	Nữ	03/08/1995	Sông Bé	7.2	Khá	D14MN02	
1210	1421402010081	Trần Thị Xuân	Liên	Nữ	04/02/1996	Đắk Lắk	6.2	TB Khá	D14MN02	
1211	1421402010082	Huỳnh Thị Giao	Linh	Nữ	01/09/1995	Sóc Trăng	6.3	TB Khá	D14MN02	
1212	1421402010084	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	29/04/1995	Nghệ An	5.5	TB	D14MN02	
1213	1421402010085	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	27/01/1995	Bình Dương	6.4	TB Khá	D14MN02	
1214	1421402010086	Nguyễn Thị Thuý	Linh	Nữ	10/11/1996	Quảng Ngãi	6.2	TB Khá	D14MN02	
1215	1421402010087	Trần Thị Thuý	Linh	Nữ	16/01/1996	Bình Dương	7.3	Khá	D14MN02	
1216	1421402010088	Vương Thị Nguyên	Linh	Nữ	14/05/1996	Bình Dương	6.8	TB Khá	D14MN02	
1217	1421402010092	Phạm Thị Mai	Ly	Nữ	10/05/1995	Sông Bé	6.8	TB Khá	D14MN02	
1218	1421402010093	Phan Thị Ly	Ly	Nữ	26/03/1994	Đắk Lắk	7.2	Khá	D14MN02	
1219	1421402010095	Nguyễn Thị	Lý	Nữ	20/08/1995	Nghệ An	6.2	TB Khá	D14MN02	
1220	1421402010096	Nguyễn Thị	Mỹ	Nữ	05/06/1996	Đắk Lắk	6.1	TB Khá	D14MN02	
1221	1421402010110	Lê Thị Thúy	Nga	Nữ	04/08/1996	Quảng Trị	6.7	TB Khá	D14MN02	
1222	1421402010111	Ngô Thị Hằng	Nga	Nữ	20/11/1994	Bắc Giang	7.2	Khá	D14MN02	
1223	1421402010108	Đặng Thị	Ngà	Nữ	05/01/1996	Nghệ An	6.7	TB Khá	D14MN02	
1224	1421402010109	Phạm Thị Ngọc	Ngà	Nữ	16/12/1996	Ninh Thuận	7.2	Khá	D14MN02	
1225	1421402010102	Bùi Thị	Ngân	Nữ	19/05/1995	Kiên Giang	7.1	Khá	D14MN02	
1226	1421402010101	Đỗ Thảo	Ngân	Nữ	28/12/1996	Bình Phước	7.1	Khá	D14MN02	
1227	1421402010103	Lê Khánh	Ngân	Nữ	06/05/1996	Bình Dương	7.1	Khá	D14MN02	
1228	1421402010104	Nguyễn Hồ Thu	Ngân	Nữ	09/12/1996	Sông Bé	9.0	Xuất sắc	D14MN02	
1229	1421402010105	Phạm Kim	Ngân	Nữ	30/04/1996	Sông Bé	6.4	TB Khá	D14MN02	
1230	1421402010106	Quách Thị Lệ	Ngân	Nữ	10/01/1996	Bình Định	6.9	TB Khá	D14MN02	
1231	1421402010115	Lê Thị	Ngọc	Nữ	10/06/1996	Sông Bé	7.4	Khá	D14MN02	
1232	1421402010116	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	Nữ	14/01/1996	Đắk Lắk	6.8	TB Khá	D14MN02	
1233	1421402010117	Võ Thị Kim	Ngọc	Nữ	08/04/1995	Bình Dương	7.0	Khá	D14MN02	
1234	1421402010118	Nguyễn Đình Thảo	Nguyên	Nữ	23/05/1996	Bình Phước	6.5	TB Khá	D14MN02	
1235	1421402010123	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	05/11/1996	Bình Phước	7.2	Khá	D14MN02	
1236	1421402010124	Phan Thị Uyên	Nhi	Nữ	10/11/1996	Sông Bé	7.4	Khá	D14MN02	
1237	1421402010125	Bùi Thị Thùy	Nhinh	Nữ	13/07/1996	Hải Dương	7.0	Khá	D14MN02	
1238	1421402010119	Mai Thị Quỳnh	Như	Nữ	23/04/1996	Đắk Lắk	6.8	TB Khá	D14MN02	
1239	1421402010121	Phạm Thị Ngọc	Như	Nữ	26/08/1996	Tp. HCM	7.7	Khá	D14MN02	
1240	1421402010122	Trương Thị	Như	Nữ	15/10/1995	Nghệ An	7.2	Khá	D14MN02	
1241	1421402010100	Nguyễn Thị Bích	Nữ	Nữ	24/12/1996	Quảng Ngãi	7.0	Khá	D14MN02	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
1242	1421402010098	Nguyễn Thị Mỹ	Nữ	Nữ	15/09/1996	Gia Lai	6.6	TB Khá	D14MN02	
1243	1421402010099	Bùi Thị Xuân	Nương	Nữ	02/11/1996	Quảng Ngãi	6.9	TB Khá	D14MN02	
1244	1421402010127	Lưu Thị Cẩm	Nhung	Nữ	15/08/1996	Hà Tĩnh	7.5	Khá	D14MN03	
1245	1421402010128	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	10/01/1996	Đắk Lắk	6.8	TB Khá	D14MN03	
1246	1421402010129	Trần Thị Hồng	Nhung	Nữ	12/10/1996	Lâm Đồng	6.6	TB Khá	D14MN03	
1247	1421402010130	Võ Thị Hồng	Nhung	Nữ	23/11/1995	Bình Thuận	6.4	TB Khá	D14MN03	
1248	1421402010131	Hoàng Hà	Ny	Nữ	20/11/1996	Sông Bé	6.4	TB Khá	D14MN03	
1249	1421402010132	Đỗ Thị Kim	Oanh	Nữ	28/06/1996	Lâm Đồng	7.1	Khá	D14MN03	
1250	1421402010141	Võ Thị	Phúc	Nữ	09/01/1996	Nghệ An	7.3	Khá	D14MN03	
1251	1421402010135	Cao Thị Thu	Phương	Nữ	25/11/1996	Nam Định	6.9	TB Khá	D14MN03	
1252	1421402010133	Đặng Thị	Phương	Nữ	15/07/1995	Bình Định	6.7	TB Khá	D14MN03	
1253	1421402010134	Đỗ Thị Thu	Phương	Nữ	15/09/1995	Sông Bé	6.8	TB Khá	D14MN03	
1254	1421402010137	Vì Thị Hà	Phương	Nữ	30/09/1996	Thanh Hóa	6.3	TB Khá	D14MN03	
1255	1421402010138	Chu Phan Kim	Phượng	Nữ	14/03/1995	Sông Bé	7.1	Khá	D14MN03	
1256	1421402010139	Nguyễn Ánh	Phượng	Nữ	17/09/1995	Sông Bé	6.7	TB Khá	D14MN03	
1257	1421402010140	Nguyễn Thị Bích	Phượng	Nữ	08/05/1996	Sông Bé	6.7	TB Khá	D14MN03	
1258	1421402010142	Nguyễn Nhật	Quỳnh	Nữ	26/07/1996	Sông Bé	6.3	TB Khá	D14MN03	
1259	1421402010143	Thị Sa	Rôi	Nữ	1994	Bình Phước	7.2	Khá	D14MN03	
1260	1421402010144	Trịnh Thị Như	Sen	Nữ	17/05/1996	Đắk Lắk	7.7	Khá	D14MN03	
1261	1421402010145	Nguyễn Thị Băng	Tâm	Nữ	02/02/1994	Bến Tre	6.9	TB Khá	D14MN03	
1262	1421402010155	Đỗ Thị Phương	Thanh	Nữ	18/06/1996	Tây Ninh	6.7	TB Khá	D14MN03	
1263	1421402010149	Vũ Thị	Thành	Nữ	15/09/1995	Thanh Hóa	7.1	Khá	D14MN03	
1264	1421402010150	Dương Thùy Phương	Thảo	Nữ	05/02/1995	Kiên Giang	7.0	Khá	D14MN03	
1265	1421402010151	Lê Thị Thanh	Thảo	Nữ	31/03/1996	Sông Bé	6.6	TB Khá	D14MN03	
1266	1421402010152	Nguyễn Thị Bích	Thảo	Nữ	08/01/1996	Sông Bé	7.6	Khá	D14MN03	
1267	1421402010153	Phan Thị Thu	Thảo	Nữ	10/10/1996	Đắk Lắk	6.3	TB Khá	D14MN03	
1268	1421402010154	Trịnh Thị	Thảo	Nữ	09/09/1996	Thanh Hóa	7.1	Khá	D14MN03	
1269	1421402010164	Nguyễn Kim	Thoa	Nữ	17/06/1996	Kiên Giang	6.6	TB Khá	D14MN03	
1270	1421402010168	Đặng Thị	Thu	Nữ	06/07/1995	Sông Bé	6.7	TB Khá	D14MN03	
1271	1421402010169	Tiều Ngọc	Thu	Nữ	27/03/1996	Sông Bé	7.4	Khá	D14MN03	
1272	1421402010147	Trần Thị Anh	Thư	Nữ	21/01/1996	Tiền Giang	6.5	TB Khá	D14MN03	
1273	1421402010170	Phạm Thị	Thuận	Nữ	10/12/1996	Quảng Ngãi	7.5	Khá	D14MN03	
1274	1421402010171	Trần Thị Bích	Thuận	Nữ	08/08/1996	Quảng Bình	7.5	Khá	D14MN03	
1275	1421402010165	Nguyễn Thị	Thức	Nữ	06/03/1991	Hà Tĩnh	7.5	Khá	D14MN03	
1276	1421402010166	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	Nữ	20/06/1996	Sông Bé	6.6	TB Khá	D14MN03	
1277	1421402010157	Nguyễn Thị Thu	Thùy	Nữ	06/04/1995	Thái Bình	7.6	Khá	D14MN03	
1278	1421402010158	Đặng Thị Thanh	Thùy	Nữ	11/07/1996	Sông Bé	7.8	Khá	D14MN03	
1279	1421402010159	Nguyễn Thị Minh	Thùy	Nữ	07/02/1996		7.9	Khá	D14MN03	
1280	1421402010161	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	Nữ	22/01/1996	Bình Phước	6.8	TB Khá	D14MN03	
1281	1421402010162	Phạm Thị	Thùy	Nữ	04/04/1996	Nam Định	7.5	Khá	D14MN03	
1282	1421402010163	Phạm Thị Thanh	Thùy	Nữ	14/10/1996	Sông Bé	7.1	Khá	D14MN03	
1283	1421402010173	Đinh Thị Vũ	Tiên	Nữ	26/06/1995	Quảng Nam	6.5	TB Khá	D14MN03	
1284	1421402010172	Đỗ Thị Thủy	Tiên	Nữ	11/02/1996	Đồng Nai	6.7	TB Khá	D14MN03	
1285	1421402010174	Trần Thị Thủy	Tiên	Nữ	19/09/1996	Bình Thuận	6.5	TB Khá	D14MN03	
1286	1421402010146	Đoàn Minh	Tổ	Nữ	08/09/1994	Hải Phòng	6.0	TB	D14MN03	
1287	1421402010176	Huỳnh Ngọc	Trâm	Nữ	11/06/1996	Sông Bé	6.8	TB Khá	D14MN03	
1288	1421402010177	Trần Thị Ngọc	Trâm	Nữ	20/03/1996	Sông Bé	6.4	TB Khá	D14MN03	
1289	1421402010178	Trần Thị Thanh	Trâm	Nữ	05/08/1996	Tây Ninh	6.5	TB Khá	D14MN03	
1290	1421402010179	Nguyễn Lê Bảo	Trân	Nữ	14/06/1996	Tp. HCM	7.5	Khá	D14MN03	
1291	1421402010180	Bùi Thị Thu	Trang	Nữ	06/02/1996	Bình Thuận	6.5	TB Khá	D14MN03	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
1292	1421402010181	Mạc Thị Đài	Trang	Nữ	22/01/1994		7.7	Khá	D14MN03	
1293	1421402010182	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	16/08/1996	Quảng Bình	6.4	TB Khá	D14MN03	
1294	1421402010183	Nguyễn Thị Hà	Trang	Nữ	01/03/1996	Lâm Đồng	7.0	Khá	D14MN03	
1295	1421402010184	Nguyễn Thị Ngọc	Trang	Nữ	22/11/1995	Đắk Lắk	6.5	TB Khá	D14MN03	
1296	1421402010185	Nguyễn Thị Xuân	Trang	Nữ	26/03/1996	Phú Yên	7.5	Khá	D14MN03	
1297	1421402010186	Phan Thị Thùy	Trang	Nữ	11/05/1996	Bình Dương	7.6	Khá	D14MN03	
1298	1421402010175	Trần Thị Cẩm	Tú	Nữ	13/05/1996	Bình Dương	7.2	Khá	D14MN03	
1299	1421402010243	Lê Thị Ngọc	Anh	Nữ	15/09/1996	Vĩnh Long	7.0	Khá	D14MN04	
1300	1421402010222	Hàn Thị	Bính	Nữ	25/05/1996	Nghệ An	6.9	TB Khá	D14MN04	
1301	1421402010221	Mạc Thị Bích	Dung	Nữ	02/08/1996	Đắk Lắk	6.8	TB Khá	D14MN04	
1302	1421402010214	Mai Thị	Dung	Nữ	21/09/1995	Thanh Hóa	6.5	TB Khá	D14MN04	
1303	1421402010253	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	14/07/1996	Bắc Giang	6.6	TB Khá	D14MN04	
1304	1421402010229	Mạc Thị Thu	Hợp	Nữ	09/06/1996	Quảng Ngãi	7.8	Khá	D14MN04	
1305	1421402010248	Đinh Thị Thu	Huyền	Nữ	20/03/1995	Ninh Bình	7.1	Khá	D14MN04	
1306	1421402010244	Trần Thị Lệ	Huyền	Nữ	08/01/1996	Quảng Ngãi	7.2	Khá	D14MN04	
1307	1421402010215	Trần Quốc	Khánh	Nữ	25/02/1996	Gia Lai	7.6	Khá	D14MN04	
1308	1421402010224	Lê Thị	Lệ	Nữ	07/10/1996	Gia Lai	6.9	TB Khá	D14MN04	
1309	1421402010246	Ngô Thị Mỹ	Lệ	Nữ	24/09/1996	Sông Bé	7.3	Khá	D14MN04	
1310	1421402010089	Lê Thị Hồng	Loan	Nữ	20/08/1995	Nghệ An	7.4	Khá	D14MN04	
1311	1421402010228	Nguyễn Trần Vũ	Long	Nữ	28/06/1995	Bình Định	6.5	TB Khá	D14MN04	
1312	1421402010226	Phạm Thanh	Mai	Nữ	25/03/1996	Đắk Lắk	6.7	TB Khá	D14MN04	
1313	1421402010252	Nguyễn Thị	Mỹ	Nữ	06/06/1996	Hà Tĩnh	7.8	Khá	D14MN04	
1314	1421402010238	Võ Thị Ngọc	Ngà	Nữ	26/11/1994	Gia Lai	6.9	TB Khá	D14MN04	
1315	1421402010225	Nguyễn Thị Út	Nhiên	Nữ	25/07/1995	Kon Tum	7.3	Khá	D14MN04	
1316	1421402010219	Trần Thị	Oanh	Nữ	01/04/1995	Đắk Lắk	7.2	Khá	D14MN04	
1317	1421402010236	Bùi Thị	Phương	Nữ	22/09/1996	Gia Lai	7.3	Khá	D14MN04	
1318	1421402010223	Phạm Thị Trúc	Phượng	Nữ	26/03/1996	Gia Lai	7.2	Khá	D14MN04	
1319	1421402010230	Diêm Thị Hồng	Sương	Nữ	15/08/1995	Bắc Giang	7.2	Khá	D14MN04	
1320	1421402010245	Lê Thị Thảo	Sương	Nữ	12/05/1994	Bình Phước	6.5	TB Khá	D14MN04	
1321	1421402010232	Trương Thị	Tâm	Nữ	07/07/1996	Bình Định	7.3	Khá	D14MN04	
1322	1421402010247	Lê Thị Anh	Tha	Nữ	17/06/1996	Bình Thuận	7.1	Khá	D14MN04	
1323	1421402010216	Lê Phạm Thạch	Thảo	Nữ	05/07/1996	Đắk Lắk	7.2	Khá	D14MN04	
1324	1421402010218	Võ Thị Thu	Thảo	Nữ	24/08/1996	Gia Lai	7.3	Khá	D14MN04	
1325	1421402010235	Nguyễn Thị Hoài	Thương	Nữ	14/08/1995	Phú Yên	6.2	TB Khá	D14MN04	
1326	1421402010240	Trần Thị Thu	Thủy	Nữ	25/10/1994	Gia Lai	7.3	Khá	D14MN04	
1327	1421402010231	Triệu Thị Huyền	Trang	Nữ	09/09/1996	Gia Lai	7.0	Khá	D14MN04	
1328	1421402010187	Lê Thị Mộng	Trinh	Nữ	21/10/1996	Bình Dương	7.8	Khá	D14MN04	
1329	1421402010188	Phạm Ngọc Thu	Trinh	Nữ	07/08/1995	Bình Dương	7.5	Khá	D14MN04	
1330	1421402010189	Trần Ngọc	Trinh	Nữ	11/06/1996	Đồng Nai	7.4	Khá	D14MN04	
1331	1421402010190	Vì Thị Bé	Trinh	Nữ	25/05/1995	Bình Thuận	6.6	TB Khá	D14MN04	
1332	1421402010191	Võ Thị Thanh	Trúc	Nữ	16/06/1996	Đồng Nai	6.8	TB Khá	D14MN04	
1333	1421402010198	Nguyễn Thị	Tuyền	Nữ	02/03/1996	Bình Phước	7.1	Khá	D14MN04	
1334	1421402010193	Mai Thị Thanh	Tuyền	Nữ	11/12/1996	Sông Bé	8.0	Giỏi	D14MN04	
1335	1421402010194	Phạm Thị	Tuyền	Nữ	17/04/1996	Phú Yên	6.5	TB Khá	D14MN04	
1336	1421402010195	Tường Thị	Tuyền	Nữ	02/06/1996	Bình Dương	7.5	Khá	D14MN04	
1337	1421402010196	Võ Thị Phượng	Tuyền	Nữ	14/08/1996	Tiền Giang	7.4	Khá	D14MN04	
1338	1421402010197	Vũ Thanh	Tuyền	Nữ	29/09/1996	Bình Dương	7.0	Khá	D14MN04	
1339	1421402010199	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	Nữ	16/10/1996	Bình Phước	7.6	Khá	D14MN04	
1340	1421402010201	Đạo Thị Hồng	Vân	Nữ	25/12/1995	Ninh Thuận	6.9	TB Khá	D14MN04	
1341	1421402010202	Đoàn Thị Thảo	Vân	Nữ	24/02/1996	Lâm Đồng	7.6	Khá	D14MN04	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
1342	1421402010241	Nguyễn Thị Vân	Nữ	10/11/1994	Đắk Lắk	6.9	TB Khá	D14MN04	
1343	1421402010203	Nguyễn Thị Cẩm Vân	Nữ	09/11/1996	Sông Bé	7.6	Khá	D14MN04	
1344	1421402010204	Vũ Thị Thuý	Nữ	17/05/1995	Bình Dương	7.1	Khá	D14MN04	
1345	1421402010205	Lê Thị Kim	Nữ	27/09/1996	Đắk Lắk	6.3	TB Khá	D14MN04	
1346	1421402010206	Lê Doãn Thùy	Nữ	01/07/1995	Quảng Ngãi	6.6	TB Khá	D14MN04	
1347	1421402010207	Nguyễn Thị Hồng	Nữ	08/06/1996	Ninh Thuận	6.0	TB	D14MN04	
1348	1421402010220	Nguyễn Thị Tường	Nữ	29/09/1996	Quảng Ngãi	7.4	Khá	D14MN04	
1349	1421402010208	Đỗ Thị Diễm	Nữ	10/04/1995	Bình Dương	7.2	Khá	D14MN04	
1350	1421402010209	Lê Thị Ngọc	Nữ	10/10/1996	Bình Thuận	7.6	Khá	D14MN04	
1351	1421402010210	Nguyễn Hoàng	Nữ	25/12/1996	Bình Dương	6.7	TB Khá	D14MN04	
1352	1421402010211	Nguyễn Hoàng	Nữ	29/09/1996	Bình Dương	6.4	TB Khá	D14MN04	
1353	1421402010212	Nguyễn Thị	Nữ	02/06/1996	Vĩnh Phúc	7.0	Khá	D14MN04	
1354	1421402010213	Nguyễn Thị Hải	Nữ	12/02/1995	Đắk Lắk	7.3	Khá	D14MN04	
1355	1424403010009	Phạm Ngọc	Nam	27/05/1996	Nam Định	7.0	Khá	D14MT01	
1356	1424403010010	Đoàn Nguyễn Hoàng	Nam	04/10/1996	Bình Dương	7.0	Khá	D14MT01	
1357	1424403010016	Nguyễn Hồng	Nữ	07/02/1996	Bình Dương	7.9	Khá	D14MT01	
1358	1424403010015	Phạm Thị Kim	Nữ	14/06/1996	Bình Dương	8.2	Giỏi	D14MT01	
1359	1424403010003	Nguyễn Minh	Nam	07/09/1996	Sông Bé	7.9	Khá	D14MT01	
1360	1424403010004	Trần	Nam	12/03/1996	Bình Dương	7.9	Khá	D14MT01	
1361	1424403010007	Huỳnh Minh	Nam	19/05/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14MT01	
1362	1424403010008	Lê Trung	Nam	08/11/1996	Sông Bé	7.4	Khá	D14MT01	
1363	1424403010017	Tô Thùy	Nữ	21/12/1996	An Giang	7.7	Khá	D14MT01	
1364	1424403010022	Nguyễn Tường	Nam	26/12/1996	Bình Dương	8.1	Giỏi	D14MT01	
1365	1424403010023	Đặng Thị Ngọc	Nữ	09/09/1996	Tây Ninh	7.9	Khá	D14MT01	
1366	1424403010032	Nguyễn Thị Thu	Nữ	10/03/1996	Thanh Hóa	7.1	Khá	D14MT01	
1367	1424403010027	Lê Thị Mỹ	Nữ	24/10/1996	Phú Yên	7.2	Khá	D14MT01	
1368	1424403010028	Lý Thị	Nữ	23/06/1995	Bình Phước	7.5	Khá	D14MT01	
1369	1424403010039	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	10/04/1996	Gia Lai	7.5	Khá	D14MT01	
1370	1424403010042	Nguyễn Thành	Nam	05/06/1995	Tp. HCM	8.1	Giỏi	D14MT01	
1371	1424403010043	Nguyễn Trung	Nam	02/04/1996	Sông Bé	7.5	Khá	D14MT01	
1372	1424403010047	Ngô Thị	Nữ	20/12/1995	Thanh Hóa	7.8	Khá	D14MT01	
1373	1424403010048	Nguyễn Mạnh	Nam	01/02/1996	Bình Dương	7.2	Khá	D14MT01	
1374	1424403010046	Nguyễn Huỳnh Khánh	Nam	29/12/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14MT01	
1375	1424403010052	Nguyễn Thị	Nữ	06/09/1995	Nam Định	6.9	TB Khá	D14MT01	
1376	1424403010056	Bùi Quốc	Nam	16/02/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14MT01	
1377	1424403010057	Nguyễn Thành	Nam	16/01/1996	Sông Bé	7.9	Khá	D14MT01	
1378	1424403010058	Nguyễn Thành	Nam	31/03/1995	Bến Tre	7.7	Khá	D14MT01	
1379	1424403010060	Nguyễn Thảo	Nữ	29/06/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14MT01	
1380	1424403010061	Nguyễn Thị Bích	Nữ	27/01/1996	Bình Thuận	7.1	Khá	D14MT01	
1381	1424403010064	Nguyễn Minh	Nữ	01/02/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14MT01	
1382	1424403010166	Phạm Mai	Nữ	24/02/1996	Hà Nội	8.1	Giỏi	D14MT01	
1383	1424403010069	Lê Thị Tuyết	Nữ	25/02/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14MT01	
1384	1424403010068	Nguyễn Đức	Nam	23/12/1996	Sông Bé	7.8	Khá	D14MT01	
1385	1449403010075	Phan Thị Tuyết	Nữ	25/07/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14MT01	
1386	1424403010080	Từ Văn Trung	Nam	11/01/1996	Bình Dương	7.8	Khá	D14MT01	
1387	1424403010087	Nguyễn Võ Thanh	Nữ	18/09/1996	Bình Dương	7.0	Khá	D14MT01	
1388	1424403010086	Trịnh Long Thành	Nam	26/09/1996	Sông Bé	7.9	Khá	D14MT01	
1389	1424403010088	Đoàn Thị Yến	Nữ	05/11/1996	Tây Ninh	7.8	Khá	D14MT01	
1390	1424403010089	Ngô Huỳnh Yến	Nữ	03/09/1996	Sông Bé	7.1	Khá	D14MT01	
1391	1424403010090	Nguyễn Lê Yến	Nữ	19/05/1996	Sông Bé	8.6	Giỏi	D14MT01	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
1392	1424403010091	Nguyễn Thị	Nhi	Nữ	03/06/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14MT01	
1393	1424403010084	Nguyễn Quỳnh	Như	Nữ	05/04/1996	Bình Dương	8.1	Giỏi	D14MT01	
1394	1424403010085	Phạm Thị Huỳnh	Như	Nữ	23/06/1996	Bình Dương	7.5	Khá	D14MT01	
1395	1424403010095	Hồ Thị	Oanh	Nữ	01/10/1996	Đắk Lắk	7.6	Khá	D14MT01	
1396	1424403010096	Nguyễn Cát	Phương	Nữ	03/11/1996	Sông Bé	7.4	Khá	D14MT01	
1397	1424403010098	Vì Diễm Quỳnh	Phương	Nữ	01/10/1996	Bình Dương	7.2	Khá	D14MT01	
1398	1424403010105	Lê Viết Hoàng	Son	Nam	06/08/1996	Sông Bé	7.9	Khá	D14MT01	
1399	1424403010108	Lê Trương Văn	Tươi	Nam	08/02/1996	Bình Dương	7.9	Khá	D14MT01	
1400	1424403010253	Nguyễn Thế	An	Nam	13/10/1995	Bình Dương	7.2	Khá	D14MT02	
1401	1424403010173	Nguyễn Văn	Anh	Nữ	13/07/1996	Bình Dương	7.3	Khá	D14MT02	
1402	1424403010208	Vương Chí	Bào	Nam	05/08/1996	Bình Dương	7.5	Khá	D14MT02	
1403	1424403010197	Cao Thị Tâm	Bình	Nữ	25/12/1996	Tp. HCM	7.4	Khá	D14MT02	
1404	1424403010192	Huỳnh Hải	Đăng	Nam	17/09/1996	Bình Dương	7.3	Khá	D14MT02	
1405	1424403010195	Phan Thị	Diễm	Nữ	12/03/1995	Đắk Lắk	7.1	Khá	D14MT02	
1406	1424403010227	Trần Hương	Giang	Nữ	12/08/1996	Nghệ An	7.2	Khá	D14MT02	
1407	1424403010256	Lê Ngọc	Hân	Nữ	26/01/1996	Tp. HCM	7.5	Khá	D14MT02	
1408	1424403010257	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	11/03/1994	Đắk Lắk	7.5	Khá	D14MT02	
1409	1424403010205	Nguyễn Thị Phụng	Hằng	Nữ	06/07/1996	Tây Ninh	6.9	TB Khá	D14MT02	
1410	1424403010155	Trần Minh	Hiếu	Nam	15/09/1996	Bình Dương	7.5	Khá	D14MT02	
1411	1424403010234	Nguyễn Thị	Hóa	Nữ	12/09/1996	Ninh Thuận	6.8	TB Khá	D14MT02	
1412	1424403010178	Trần Đức	Hùng	Nam	05/06/1996	Nghệ An	6.8	TB Khá	D14MT02	
1413	1424403010213	Phạm Ngọc	Huy	Nam	16/11/1996	Đắk Lắk	7.5	Khá	D14MT02	
1414	1424403010153	Bồ Vũ Đình	Khoa	Nam	05/08/1992	Bình Dương	7.9	Khá	D14MT02	
1415	1424403010240	Hà Nguyễn Ngọc	Linh	Nữ	10/06/1995	Bình Định	7.5	Khá	D14MT02	
1416	1424403010186	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	18/08/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14MT02	
1417	1424403010172	Phan Hoài Mỹ	Nhi	Nữ	17/10/1996	Bình Dương	7.1	Khá	D14MT02	
1418	1424403010236	Phạm Thị	Nờ	Nữ	16/08/1996	Đắk Lắk	7.5	Khá	D14MT02	
1419	1424403010199	Võ Thị Tố	Quyên	Nữ	07/08/1996	Kon Tum	7.3	Khá	D14MT02	
1420	1424403010201	Trương Hoài	Son	Nam	13/01/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14MT02	
1421	1424403010111	Hồ Dương	Thái	Nam	24/11/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14MT02	
1422	1424403010118	Lê Phùng Kim	Thanh	Nữ	01/07/1995	Bình Dương	6.9	TB Khá	D14MT02	
1423	1424403010114	Phạm Thị	Thành	Nữ	09/04/1996	Bình Phước	7.5	Khá	D14MT02	
1424	1424403010120	Phạm Thanh	Thiện	Nam	24/10/1996	Bình Dương	7.2	Khá	D14MT02	
1425	1424403010182	Nguyễn Thị Ngọc	Thúy	Nữ	05/12/1996	Bình Dương	7.6	Khá	D14MT02	
1426	1424403010185	Huỳnh Thụy Cát	Tiên	Nữ	24/08/1996	Bình Dương	7.5	Khá	D14MT02	
1427	1424403010124	Phạm Thị Hà	Tiên	Nữ	20/12/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14MT02	
1428	1424403010157	Phan Nguyễn Thủy	Tiên	Nữ	02/06/1996	Bình Dương	7.5	Khá	D14MT02	
1429	1424403010126	Tổng Văn	Tiến	Nam	27/08/1996	Đắk Lắk	7.5	Khá	D14MT02	
1430	1424403010128	Lê Thị	Trâm	Nữ	03/04/1996	Thanh Hóa	7.2	Khá	D14MT02	
1431	1424403010132	Bùi Trần Linh	Trang	Nữ	05/12/1996	Thanh Hóa	7.7	Khá	D14MT02	
1432	1424403010131	Đặng Thị Thùy	Trang	Nữ	24/02/1995	Bình Định	7.5	Khá	D14MT02	
1433	1424403010251	Hà Thị Quyền	Trang	Nữ	18/05/1996	Bình Phước	7.4	Khá	D14MT02	
1434	1424403010134	Hà Thị Thủy	Trang	Nữ	11/10/1996	Bình Dương	6.8	TB Khá	D14MT02	
1435	1424403010189	Hồ Minh	Trí	Nam	27/12/1996	Bình Dương	7.3	Khá	D14MT02	
1436	1424403010140	Võ Thị Mỹ	Trinh	Nữ	20/04/1996	Kon Tum	6.6	TB Khá	D14MT02	
1437	1424403010141	Trần Thị Thanh	Trúc	Nữ	19/09/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14MT02	
1438	1424403010219	Nguyễn Thái	Trung	Nam	12/06/1996	Bình Dương	6.9	TB Khá	D14MT02	
1439	1424403010160	Nguyễn Quang	Trường	Nam	12/02/1993	Bình Phước	7.3	Khá	D14MT02	
1440	1424403010196	Đoàn Việt	Tuyển	Nam	20/04/1996	Quảng Ngãi	6.7	TB Khá	D14MT02	
1441	1424403010144	Nguyễn Thị Kim	Tuyển	Nữ	26/10/1996	Bình Dương	7.9	Khá	D14MT02	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
1442	1424403010156	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyền	Nữ	04/05/1996	Bình Dương	6.5	TB Khá	D14MT02	
1443	1424403010217	Nguyễn Thị Yên	Vy	Nữ	14/08/1996	Bình Thuận	7.2	Khá	D14MT02	
1444	1424403010204	Phạm Hoàng Thuý	Vy	Nữ	05/08/1996	Bình Dương	7.0	Khá	D14MT02	
1445	1424403010212	Phan Thị	Vy	Nữ	10/08/1995	Bình Định	6.7	TB Khá	D14MT02	
1446	1421402170004	Lê Thúy	An	Nữ	17/09/1996	Tây Ninh	7.9	Khá	D14NV01	
1447	1421402170003	Lương Thị	An	Nữ	18/05/1994	Bình Phước	7.4	Khá	D14NV01	
1448	1421402170006	Nguyễn Thị Bình	An	Nữ	05/09/1995	Sông Bé	6.8	TB Khá	D14NV01	
1449	1421402170005	Nguyễn Thụy Mỹ	An	Nữ	01/03/1996	Sông Bé	8.1	Giỏi	D14NV01	
1450	1421402170007	Lục Mỹ	Anh	Nữ	25/12/1996	Tp. HCM	7.3	Khá	D14NV01	
1451	1421402170008	Võ Thị Ngọc	Anh	Nữ	15/04/1995	Quảng Bình	7.7	Khá	D14NV01	
1452	1421402170010	Cao Thị	Châu	Nữ	16/02/1996	Nghệ An	7.7	Khá	D14NV01	
1453	1421402170011	Huỳnh Thị Ngọc	Châu	Nữ	26/07/1995	Bình Dương	7.1	Khá	D14NV01	
1454	1421402170012	Lê Thị	Chinh	Nữ	04/10/1995	Thanh Hóa	7.7	Khá	D14NV01	
1455	1421402170009	Lộ Thị Kim	Cương	Nữ	12/08/1994	Ninh Thuận	7.1	Khá	D14NV01	
1456	1421402170001	Nguyễn Thị Hồng	Đào	Nữ	06/10/1995	Tp. HCM	7.3	Khá	D14NV01	
1457	1421402170014	Ka	Diễm	Nữ	06/01/1995	Lâm Đồng	7.0	Khá	D14NV01	
1458	1421402170015	Nguyễn Thị	Diệu	Nữ	02/05/1994	Kiên Giang	7.2	Khá	D14NV01	
1459	1421402170013	Đặng Văn	Dư	Nam	16/01/1995	Bình Thuận	8.1	Giỏi	D14NV01	
1460	1421402170017	Đỗ Thị Thu	Dung	Nữ	30/05/1994	Bình Phước	7.9	Khá	D14NV01	
1461	1421402170016	Đồng Thị Thùy	Dung	Nữ	20/08/1995	Phú Thọ	8.1	Giỏi	D14NV01	
1462	1421402170019	Lê Thị	Dung	Nữ	25/01/1996	Thanh Hóa	7.5	Khá	D14NV01	
1463	1421402170020	Võ Thị	Dung	Nữ	22/08/1995	Ninh Thuận	7.8	Khá	D14NV01	
1464	1421402170021	Nguyễn Hoàng	Duy	Nữ	02/10/1996	Bình Dương	7.1	Khá	D14NV01	
1465	1421402170022	Đoàn Thị Kỳ	Duyên	Nữ	08/07/1996	Tp. HCM	7.8	Khá	D14NV01	
1466	1421402170023	Huỳnh Thị Mỹ	Duyên	Nữ	22/08/1994	Bình Dương	7.9	Khá	D14NV01	
1467	1421402170024	Khu Thị Mỹ	Duyên	Nữ	05/08/1996	Ninh Thuận	6.9	TB Khá	D14NV01	
1468	1421402170025	Nguyễn Lưu Hoàng Hữu	Duyên	Nữ	14/01/1996	Sông Bé	8.1	Giỏi	D14NV01	
1469	1421402170026	Nguyễn Thị Ngọc	Duyên	Nữ	10/12/1995	Bình Định	7.9	Khá	D14NV01	
1470	1421402170027	Nguyễn Trần Thị Mỹ	Duyên	Nữ	03/07/1996	Khánh Hòa	7.5	Khá	D14NV01	
1471	1421402170028	Quách Thị Ái	Duyên	Nữ	18/03/1996	Tây Ninh	7.5	Khá	D14NV01	
1472	1421402170029	Nguyễn Linh	Giang	Nữ	26/07/1995	Sông Bé	8.3	Giỏi	D14NV01	
1473	1421402170033	Đặng Thị Thu	Hà	Nữ	07/12/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14NV01	
1474	1421402170034	Hoàng Thị	Hà	Nữ	15/12/1993	Thanh Hóa	7.5	Khá	D14NV01	
1475	1421402170035	Võ Thị Ngọc	Hà	Nữ	29/03/1996	Bình Dương	7.5	Khá	D14NV01	
1476	1421402170030	Trần Thị Phụng	Hằng	Nữ	09/08/1996	Bình Phước	7.4	Khá	D14NV01	
1477	1421402170036	Dương Bích	Hạnh	Nữ	15/10/1980	Sông Bé	7.7	Khá	D14NV01	
1478	1421402170037	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	19/02/1995	Gia Lai	7.7	Khá	D14NV01	
1479	1421402170038	Phạm Thị Ngọc	Hạnh	Nữ	03/11/1996	Tây Ninh	8.1	Giỏi	D14NV01	
1480	1421402170043	Đặng Thị	Hoa	Nữ	29/12/1995	Bình Định	8.0	Giỏi	D14NV01	
1481	1421402170044	Liêu Kim	Hoa	Nữ	31/01/1995	Bình Dương	7.8	Khá	D14NV01	
1482	1421402170045	Trịnh Thị Tuyết	Hoa	Nữ	15/01/1996	Bình Phước	7.3	Khá	D14NV01	
1483	1421402170042	Nguyễn Thị	Hoà	Nữ	08/03/1996	Quảng Ngãi	8.1	Giỏi	D14NV01	
1484	1421402170046	Nguyễn Ngọc	Hòa	Nữ	10/12/1996	Sông Bé	7.1	Khá	D14NV01	
1485	1421402170047	Nguyễn Thị	Hòa	Nữ	12/07/1995	BR. Vũng Tàu	7.7	Khá	D14NV01	
1486	1421402170048	Trương Thị	Hòa	Nữ	28/01/1996	Nghệ An	8.1	Giỏi	D14NV01	
1487	1421402170039	Đoàn Thị	Hồng	Nữ	18/12/1995	Nghệ An	7.7	Khá	D14NV01	
1488	1421402170049	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	04/08/1995	Bình Dương	7.8	Khá	D14NV01	
1489	1421402170031	Nguyễn Thị	Hương	Nữ	06/03/1996	Bình Phước	8.1	Giỏi	D14NV01	
1490	1421402170032	Phạm Thị Lan	Hương	Nữ	28/03/1996	Bình Dương	7.1	Khá	D14NV01	
1491	1421402170040	Dương Thị	Hường	Nữ	10/08/1996	Bắc Giang	7.6	Khá	D14NV01	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
1492	1421402170051	Trần Thị	Huế	Nữ	13/07/1996	Bình Dương	8.0	Giỏi	D14NV02	
1493	1421402170050	Nguyễn Thị Thanh	Huế	Nữ	26/10/1995	Quảng Ngãi	7.6	Khá	D14NV02	
1494	1421402170052	Đào Ngọc	Huyền	Nữ	04/02/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14NV02	
1495	1421402170055	Lê Việt	Khang	Nam	03/09/1996	Tây Ninh	7.3	Khá	D14NV02	
1496	1421402170056	Trương Hoàng	Khang	Nam	10/05/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14NV02	
1497	1421402170053	Dương Ngọc Minh	Khánh	Nữ	06/10/1995	Sông Bé	7.6	Khá	D14NV02	
1498	1421402170054	Hồ Thị	Khánh	Nữ	25/06/1996	Tây Ninh	7.5	Khá	D14NV02	
1499	1421402170057	Lê Thị Thúy	Kiều	Nữ	23/11/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14NV02	
1500	1421402170058	Vũ Thị Thúy	Lâm	Nữ	25/01/1996	Lâm Đồng	7.2	Khá	D14NV02	
1501	1421402170059	Bùi Thị	Lan	Nữ	02/07/1996	Bình Dương	7.3	Khá	D14NV02	
1502	1421402170061	Đặng Thị Hoài	Linh	Nữ	10/07/1996	Thanh Hóa	6.8	TB Khá	D14NV02	
1503	1421402170062	Lê Thị Ngọc	Linh	Nữ	08/02/1996	Đồng Nai	7.0	Khá	D14NV02	
1504	1421402170063	Nguyễn Thị Kim	Linh	Nữ	18/08/1996	Ninh Thuận	7.5	Khá	D14NV02	
1505	1421402170064	Võ Thị	Linh	Nữ	21/05/1996	Quảng Bình	7.2	Khá	D14NV02	
1506	1421402170065	Lưu Thị Kim	Loan	Nữ	07/02/1996	Tp. HCM	8.4	Giỏi	D14NV02	
1507	1421402170066	Trần Thị Ngọc	Loan	Nữ	29/10/1995	Bình Dương	7.7	Khá	D14NV02	
1508	1421402170060	Trương Thị Nhật	Lợi	Nữ	28/08/1996	Quảng Ngãi	7.5	Khá	D14NV02	
1509	1421402170067	Tổng Thị	Lựu	Nữ	15/06/1995	Thanh Hóa	8.0	Giỏi	D14NV02	
1510	1421402170070	Đặng Thị Thanh	Mai	Nữ	08/04/1996	Nghệ An	7.2	Khá	D14NV02	
1511	1421402170069	Lê Hữu	Mạnh	Nam	16/02/1996	Thanh Hóa	7.9	Khá	D14NV02	
1512	1421402170071	Nguyễn Thị Quế	Minh	Nữ	01/08/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14NV02	
1513	1421402170072	Lê Thị	My	Nữ	05/09/1996	Thanh Hóa	7.9	Khá	D14NV02	
1514	1421402170074	Đào Duy	Nam	Nam	27/08/1995	Cần Thơ	7.9	Khá	D14NV02	
1515	1421402170075	Dương Kim	Ngọc	Nữ	08/09/1995	Bình Dương	7.1	Khá	D14NV02	
1516	1421402170076	Nguyễn Thị Tuyết	Ngọc	Nữ	04/06/1996	Bình Dương	8.1	Giỏi	D14NV02	
1517	1421402170077	Trương Thị Kim	Nguyên	Nữ	13/05/1996	Đắk Lắk	7.4	Khá	D14NV02	
1518	1421402170078	Trần Thiện	Nhân	Nam	16/06/1995	Bình Phước	7.3	Khá	D14NV02	
1519	1421402170079	Lê Thị Bích	Nhi	Nữ	30/09/1995	Sông Bé	7.5	Khá	D14NV02	
1520	1421402170080	Nguyễn Thị Bé	Nhi	Nữ	30/09/1996	Ninh Thuận	7.4	Khá	D14NV02	
1521	1421402170081	Trần Yến	Nhi	Nữ	11/01/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14NV02	
1522	1421402170082	Võ Thị	Nhi	Nữ	16/02/1994	Quảng Ngãi	7.5	Khá	D14NV02	
1523	1421402170083	Lê Thị	Nhung	Nữ	25/06/1996	Thanh Hóa	7.7	Khá	D14NV02	
1524	1421402170091	Nguyễn Hoàng Anh	Phi	Nam	27/10/1995	Bến Tre	7.5	Khá	D14NV02	
1525	1421402170087	Châu Thị Mỹ	Phương	Nữ	20/05/1995	Quảng Nam	7.5	Khá	D14NV02	
1526	1421402170086	Đặng Thị Hà	Phương	Nữ	05/06/1995	Bình Dương	7.9	Khá	D14NV02	
1527	1421402170089	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	20/04/1996	Nghệ An	6.6	TB Khá	D14NV02	
1528	1421402170092	Nguyễn Thị	Phương	Nữ	10/06/1994	Thanh Hóa	8.0	Giỏi	D14NV02	
1529	1421402170093	Phan Thị Minh	Phượng	Nữ	01/10/1996	Bình Dương	7.9	Khá	D14NV02	
1530	1421402170094	Nguyễn Ngọc	Quang	Nam	08/10/1996	Ninh Thuận	7.5	Khá	D14NV02	
1531	1421402170096	Trần Thị Khôi	Quỳnh	Nữ	11/09/1995	Bình Dương	7.4	Khá	D14NV02	
1532	1421402170095	Đỗ Lộc Kim	Quỳnh	Nữ	18/02/1996	Tp. HCM	7.1	Khá	D14NV02	
1533	1421402170098	Nguyễn Thị Mỹ	Sương	Nữ	20/09/1993	Quảng Trị	6.9	TB Khá	D14NV02	
1534	1421402170099	Phạm Thị Ngọc	Sương	Nữ	04/10/1996	Bình Dương	7.8	Khá	D14NV02	
1535	1421402170100	Phạm Thị Tuyết	Sương	Nữ	24/03/1995	Bình Dương	7.2	Khá	D14NV02	
1536	1421402170149	Trương Thị Thuý	Linh	Nữ	05/08/1996	Tp. HCM	8.2	Giỏi	D14NV03	
1537	1421402170148	Đoàn Thị	Mơ	Nữ	02/07/1995	Bình Định	8.3	Giỏi	D14NV03	
1538	1421402170102	Phạm Thị Thanh	Tâm	Nữ	23/04/1996	Bình Dương	8.1	Giỏi	D14NV03	
1539	1421402170103	Võ Thị Hồng	Tâm	Nữ	12/07/1996	Bình Dương	8.2	Giỏi	D14NV03	
1540	1421402170113	Huỳnh Hữu	Thắng	Nam	07/05/1996	Tây Ninh	7.8	Khá	D14NV03	
1541	1421402170108	Phạm Minh	Thành	Nam	01/02/1996	Bình Dương	7.9	Khá	D14NV03	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
1542	1421402170110	Đinh Thị	Thảo	Nữ	29/02/1996	Hải Dương	7.6	Khá	D14NV03	
1543	1421402170109	Đổng Thị Thanh	Thảo	Nữ	02/12/1996	Ninh Thuận	7.8	Khá	D14NV03	
1544	1421402170111	Nguyễn Phương Bích	Thảo	Nữ	21/03/1994	Bình Thuận	7.6	Khá	D14NV03	
1545	1421402170112	Vũ Thị Như	Thảo	Nữ	08/05/1996	Bình Phước	7.1	Khá	D14NV03	
1546	1421402170105	Võ Thị Như	Thơ	Nữ	06/04/1996	Bình Dương	8.0	Giỏi	D14NV03	
1547	1421402170117	Nguyễn Thị Kim	Thoa	Nữ	10/04/1996	Bình Định	7.5	Khá	D14NV03	
1548	1421402170104	La Châu	Thông	Nam	13/03/1996	Tây Ninh	7.7	Khá	D14NV03	
1549	1421402170120	Nguyễn Thị Huyền	Thu	Nữ	07/08/1996	Đắk Lắk	7.2	Khá	D14NV03	
1550	1421402170106	Bùi Thị	Thương	Nữ	01/07/1996	Nghệ An	7.2	Khá	D14NV03	
1551	1421402170107	Hoàng Thị Hoài	Thương	Nữ	24/10/1994	Bình Dương	7.2	Khá	D14NV03	
1552	1421402170123	Nguyễn Nhật Thanh	Thuy	Nữ	13/09/1996	Bình Dương	9.0	Xuất sắc	D14NV03	
1553	1421402170121	Nguyễn Thị Thiên	Thuy	Nữ	20/02/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14NV03	
1554	1421402170122	Vũ Thị	Thuy	Nữ	23/11/1996	Bình Dương	7.5	Khá	D14NV03	
1555	1421402170118	Lương Thị Thu	Thúy	Nữ	09/05/1996	Bình Phước	7.6	Khá	D14NV03	
1556	1421402170116	Lưu Thị Thanh	Thủy	Nữ	21/09/1995	Thanh Hóa	7.7	Khá	D14NV03	
1557	1421402170125	Huỳnh Hoa Ngọc	Tiên	Nữ	27/07/1996	Bến Tre	7.2	Khá	D14NV03	
1558	1421402170101	Lê Thị	Tinh	Nữ	06/05/1996	Thanh Hóa	8.0	Giỏi	D14NV03	
1559	1421402170127	Lê Thị Thanh	Trâm	Nữ	26/04/1995	Bình Dương	6.7	TB Khá	D14NV03	
1560	1421402170128	Nguyễn Thị Huyền	Trân	Nữ	23/08/1996	Tây Ninh	6.7	TB Khá	D14NV03	
1561	1421402170130	Nguyễn Thị Bích	Trang	Nữ	15/01/1996	Bình Phước	7.2	Khá	D14NV03	
1562	1421402170131	Nguyễn Vũ Thùy	Trang	Nữ	30/08/1995	Bình Dương	7.2	Khá	D14NV03	
1563	1421402170132	Phạm Thị Kiều	Trang	Nữ	08/11/1994	Đắk Lắk	6.9	TB Khá	D14NV03	
1564	1421402170133	Trần Thị Phương	Trang	Nữ	10/09/1995	Lâm Đồng	7.9	Khá	D14NV03	
1565	1421402170134	Trần Thị Mỹ	Trinh	Nữ	24/11/1996	Bình Dương	7.9	Khá	D14NV03	
1566	1421402170135	Ngô Thanh	Trúc	Nữ	03/05/1996	Bình Dương	7.8	Khá	D14NV03	
1567	1421402170136	Vương Nguyễn Hoàng	Trúc	Nữ	08/09/1995	Bình Dương	8.1	Giỏi	D14NV03	
1568	1421402170137	Nguyễn Thành	Trung	Nam	22/09/1996	Bình Phước	7.9	Khá	D14NV03	
1569	1421402170151	Nguyễn Nhựt	Trường	Nam	09/05/1996	Bến Tre	7.9	Khá	D14NV03	
1570	1421402170126	Nguyễn Ngọc	Từ	Nam	10/05/1994	Quảng Ngãi	7.6	Khá	D14NV03	
1571	1421402170138	Đặng Anh	Tuấn	Nam	20/07/1995	Bình Định	7.7	Khá	D14NV03	
1572	1421402170139	Hà Văn	Tuấn	Nam	30/11/1995	Phú Thọ	7.8	Khá	D14NV03	
1573	1421402170140	Lý Diệu	Tuyền	Nữ	13/07/1996	Bình Dương	8.0	Giỏi	D14NV03	
1574	1421402170141	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	Nữ	04/08/1995	Bình Dương	8.1	Giỏi	D14NV03	
1575	1421402170143	Lê Thị	Uyên	Nữ	04/12/1996	Hà Tĩnh	7.9	Khá	D14NV03	
1576	1421402170144	Nguyễn Thị Mỹ	Vân	Nữ	21/09/1996	Đắk Lắk	8.2	Giỏi	D14NV03	
1577	1421402170145	Võ Nhật Khánh	Vy	Nữ	16/02/1996	Tp. HCM	7.5	Khá	D14NV03	
1578	1421402170150	Nguyễn Cường Hương	Xuân	Nữ	17/05/1996	Đồng Nai	8.1	Giỏi	D14NV03	
1579	1421402170146	Vũ Thị Phương	Yến	Nữ	01/02/1994	Bình Phước	7.4	Khá	D14NV03	
1580	1421402170159	Đoàn Lê Mai	Anh	Nữ	01/10/1996	Thái Bình	8.1	Giỏi	D14NV04	
1581	1421402170186	Lâm Vũ	Bằng	Nam	11/01/1996	Kiên Giang	8.1	Giỏi	D14NV04	
1582	1421402170153	Nguyễn Thị	Bé	Nữ	27/03/1994	Sông Bé	7.6	Khá	D14NV04	
1583	1421402170201	Trần Thị Thúy	Diệp	Nữ	15/02/1995	Bình Định	8.2	Giỏi	D14NV04	
1584	1421402170203	Phạm Thị Thu	Diệu	Nữ	27/09/1995	Đắk Lắk	8.5	Giỏi	D14NV04	
1585	1421402170185	Đặng Thị Thu	Hà	Nữ	21/02/1996	Lâm Đồng	8.0	Giỏi	D14NV04	
1586	1421402170157	Lê Thị Ngọc	Hà	Nữ	30/09/1996	Quảng Bình	8.3	Giỏi	D14NV04	
1587	1421402170189	Vũ Văn	Hải	Nam	05/06/1995	Nghệ An	7.6	Khá	D14NV04	
1588	1421402170211	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	Nữ	02/02/1996	Kon Tum	7.2	Khá	D14NV04	
1589	1421402170216	Nguyễn Thị Bích	Hào	Nữ	02/06/1995	Đà Nẵng	7.8	Khá	D14NV04	
1590	1421402170187	Trần Thị Ngọc	Hoa	Nữ	02/01/1993	Bình Định	8.1	Giỏi	D14NV04	
1591	1421402170166	Huỳnh Thị Thanh	Hương	Nữ	17/03/1996	Bình Dương	7.9	Khá	D14NV04	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
1592	1421402170199	Trần Thị Thanh	Hương	Nữ	04/07/1995	Đồng Nai	7.8	Khá	D14NV04	
1593	1421402170210	Nguyễn Thị	Hường	Nữ	23/08/1996	Nghệ An	8.0	Giỏi	D14NV04	
1594	1421402170222	Phạm Trần Nhật	Huy	Nam	17/02/1996	Bình Dương	6.9	TB Khá	D14NV04	
1595	1421402170169	Trần Quốc	Huy	Nam	11/03/1995	Bình Phước	7.5	Khá	D14NV04	
1596	1421402170163	Lê Ánh	Linh	Nữ	17/10/1996	Bình Phước	7.4	Khá	D14NV04	
1597	1421402170205	Ngô Lý	Linh	Nữ	01/05/1996	Quảng Trị	7.8	Khá	D14NV04	
1598	1421402170161	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	Nữ	24/07/1996	Sông Bé	8.1	Giỏi	D14NV04	
1599	1421402170194	Từ Lê Mộng	Linh	Nữ	06/03/1996	Tây Ninh	7.9	Khá	D14NV04	
1600	1421402170195	Đào Thị	Lụa	Nữ	15/08/1995	Thái Bình	7.7	Khá	D14NV04	
1601	1421402170177	Nguyễn Thị	Mai	Nữ	15/05/1996	Sông Bé	7.9	Khá	D14NV04	
1602	1421402170218	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	01/03/1996	Nghệ An	7.6	Khá	D14NV04	
1603	1421402170154	Nguyễn Hồng	Ngân	Nữ	29/01/1996	Bình Dương	7.8	Khá	D14NV04	
1604	1421402170212	Nguyễn Thị Yến	Ngọc	Nữ	25/12/1995	Bình Định	8.0	Giỏi	D14NV04	
1605	1421402170220	Nguyễn Vũ Hồng	Ngọc	Nữ	25/11/1996	Quảng Ninh	7.7	Khá	D14NV04	
1606	1421402170202	Phạm Thị Hồng	Ngọc	Nữ	28/12/1995	Bình Định	8.3	Giỏi	D14NV04	
1607	1421402170196	Nguyễn Thị Yến	Nương	Nữ	29/06/1996	Tây Ninh	7.9	Khá	D14NV04	
1608	1421402170221	Phan Thị	Nương	Nữ	27/06/1996	Nghệ An	8.1	Giỏi	D14NV04	
1609	1421402170214	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	16/11/1996	Kiên Giang	7.7	Khá	D14NV04	
1610	1421402170223	Trương Nguyễn Cát	Phượng	Nữ	11/11/1995	Bình Dương	7.6	Khá	D14NV04	
1611	1421402170175	Phú Nhân	Tâm	Nữ	08/07/1996	Ninh Thuận	7.7	Khá	D14NV04	
1612	1421402170193	Nguyễn Thị Kim	Thạnh	Nữ	10/08/1996	Quảng Ngãi	7.7	Khá	D14NV04	
1613	1421402170156	Đào Vy	Thảo	Nữ	14/05/1996	Sông Bé	7.5	Khá	D14NV04	
1614	1421402170162	Phạm Thị	Thùy	Nữ	10/06/1996	Hà Nam	7.4	Khá	D14NV04	
1615	1421402170188	Trần Thị	Thùy	Nữ	24/09/1995	Đắk Lắk	7.4	Khá	D14NV04	
1616	1421402170158	Vũ Anh	Toàn	Nam	19/06/1996	Tiền Giang	8.0	Giỏi	D14NV04	
1617	1421402170155	Phạm Thị Trung	Trinh	Nữ	15/02/1996	Tây Ninh	7.9	Khá	D14NV04	
1618	1421402170178	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	Nữ	14/11/1996	Khánh Hòa	7.9	Khá	D14NV04	
1619	1421402170180	Đinh Thị Hồng	Vân	Nữ	02/03/1996	Kon Tum	7.4	Khá	D14NV04	
1620	1421402170184	Huỳnh Thị Bích	Vân	Nữ	03/04/1996	Lâm Đồng	7.4	Khá	D14NV04	
1621	1421402170182	Nguyễn Thị Bảo	Yến	Nữ	23/01/1996	Kon Tum	7.6	Khá	D14NV04	
1622	1424801030008	Nguyễn Bình	An	Nam	26/06/1996	Bình Dương	7.0	Khá	D14PM01	
1623	1424801030009	Nguyễn Nhựt	Anh	Nam	01/03/1994	Bình Phước	7.7	Khá	D14PM01	
1624	1424801030010	Nguyễn Xuân Việt	Anh	Nam	15/12/1996	Thái Bình	8.0	Giỏi	D14PM01	
1625	1424801030016	Đỗ Thành	Danh	Nam	20/01/1996	Đồng Nai	7.5	Khá	D14PM01	
1626	1424801030002	Cao Đình	Đạo	Nam	17/03/1995	Bình Dương	7.4	Khá	D14PM01	
1627	1424801030003	Phan Thành	Đạt	Nam	02/07/1995	Bình Dương	7.3	Khá	D14PM01	
1628	1424801030017	Lê Thị	Diệu	Nữ	19/09/1996	Đắk Lắk	8.0	Giỏi	D14PM01	
1629	1424801030006	Trần Quang	Định	Nam	17/08/1995	Gia Lai	7.3	Khá	D14PM01	
1630	1424801030018	Trịnh Văn	Dũng	Nam	27/01/1995	Thanh Hóa	7.6	Khá	D14PM01	
1631	1424801030015	Phạm Hồng Thái	Dương	Nam	03/06/1995	Hà Nội	7.4	Khá	D14PM01	
1632	1424801030019	Hà Văn	Duy	Nam	07/12/1995	Bình Dương	7.1	Khá	D14PM01	
1633	1424801030021	Hồ Ngọc	Giã	Nam	03/12/1996	Quảng Ngãi	7.4	Khá	D14PM01	
1634	1424801030022	Nguyễn Hải	Hà	Nam	11/07/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14PM01	
1635	1424801030023	Lê Văn	Hải	Nam	16/03/1996	Sông Bé	7.0	Khá	D14PM01	
1636	1424801030027	Châu Phúc	Hiệp	Nam	25/02/1996	Bình Định	7.3	Khá	D14PM01	
1637	1424801030025	Lương Long	Hồ	Nam	06/10/1996	An Giang	7.1	Khá	D14PM01	
1638	1424801030026	Nguyễn Thanh	Hồ	Nam	05/05/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14PM01	
1639	1424801030031	Nguyễn Minh	Hoàng	Nam	30/11/1996	Sông Bé	7.5	Khá	D14PM01	
1640	1424801030032	Nguyễn Văn	Hoàng	Nam	03/08/1996	Bình Dương	7.9	Khá	D14PM01	
1641	1424801030033	Vũ Kim	Hoàng	Nam	30/09/1996	Đắk Lắk	7.2	Khá	D14PM01	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
1642	1424801030028	Võ Văn Hưng	Nam	18/04/1994	Bình Dương	7.1	Khá	D14PM01	
1643	1424801030034	Lợi Thành Huy	Nam	31/08/1996	Bình Dương	7.5	Khá	D14PM01	
1644	1424801030035	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	Nữ	23/08/1996	Bình Dương	7.8	Khá	D14PM01	
1645	1424801030036	Trương Xuân Kiên	Nam	24/12/1996	Bình Phước	7.5	Khá	D14PM01	
1646	1424801030037	Đào Tuấn Kiệt	Nam	27/02/1996	Tp. HCM	7.6	Khá	D14PM01	
1647	1424801030038	Nguyễn Trung Kiệt	Nam	25/09/1993	Bình Dương	7.7	Khá	D14PM01	
1648	1424801030040	Phan Văn Linh	Nam	05/12/1996	Quảng Nam	7.8	Khá	D14PM01	
1649	1424801030041	Trần Vũ Phương Linh	Nữ	07/08/1996	Sông Bé	8.2	Giỏi	D14PM01	
1650	1424801030039	Trần Thanh Lộc	Nam	19/09/1996	Bình Dương	7.6	Khá	D14PM01	
1651	1424801030042	Ngô Thành Luân	Nam	26/12/1996	Bình Dương	7.2	Khá	D14PM01	
1652	1424801030044	Phạm Minh Luân	Nam	04/04/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14PM01	
1653	1424801030229	Dương Đình Nghĩa	Nam	15/12/1991	Hà Tĩnh	8.0	Giỏi	D14PM01	
1654	1424801030048	Lê Bá Quang	Nam	09/06/1996		7.1	Khá	D14PM01	
1655	1424801030049	Trần Thanh Quang	Nam	07/12/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14PM01	
1656	1424801030050	Nguyễn Khánh Quỳnh	Nam	21/06/1996	Bình Dương	7.3	Khá	D14PM01	
1657	1424801030051	Lữ Văn Tâm	Nam	10/10/1996	Bình Dương	7.3	Khá	D14PM01	
1658	1424801030145	Nguyễn Duy An	Nam	06/01/1996	Bình Dương	6.3	TB Khá	D14PM02	
1659	1424801030118	Bùi Thị Vân Anh	Nữ	22/09/1995	Bình Dương	7.2	Khá	D14PM02	
1660	1424801030121	Lâm Quốc Bảo	Nam	01/03/1996	Đồng Tháp	7.5	Khá	D14PM02	
1661	1424801030144	Nguyễn Quang Dũng	Nam	16/10/1996	Bình Dương	8.0	Giỏi	D14PM02	
1662	1424801030134	Quản Bá Dương	Nam	23/07/1996	Thanh Hóa	7.8	Khá	D14PM02	
1663	1424801030127	Trương Thiệu Huy	Nam	21/04/1996	Bình Dương	7.9	Khá	D14PM02	
1664	1424801030135	Nguyễn Hồ Duy Khang	Nam	23/07/1996	Long An	7.6	Khá	D14PM02	
1665	1424801030124	Hoàng Duy Linh	Nam	22/01/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14PM02	
1666	1424801030143	Nguyễn Lương Linh	Nam	08/06/1996	Bình Phước	7.8	Khá	D14PM02	
1667	1424801030074	Thái Trúc Linh	Nữ	15/12/1996	Sông Bé	7.6	Khá	D14PM02	
1668	1424801030079	Nguyễn Thị Kim Ngọc	Nữ	07/03/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14PM02	
1669	1424801030107	Hồ Thị Hương Nụ	Nữ	30/03/1996	Sông Bé	7.8	Khá	D14PM02	
1670	1424801030141	Dương Minh Phong	Nam	10/06/1996	Bình Dương	7.3	Khá	D14PM02	
1671	1424801030054	Huỳnh Tấn Tài	Nam	14/10/1996	Bình Dương	7.1	Khá	D14PM02	
1672	1424801030055	Phạm Tấn Tài	Nam	08/12/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14PM02	
1673	1424801030053	Nguyễn Đình Tân	Nam	20/09/1996	Bình Phước	6.5	TB Khá	D14PM02	
1674	1424801030058	Trần Huỳnh Thanh	Nam	12/09/1996	Bình Dương	6.9	TB Khá	D14PM02	
1675	1424801030091	Nguyễn Thị Phương Thảo	Nữ	1995	Bình Phước	7.5	Khá	D14PM02	
1676	1424801030059	Nguyễn Anh Thi	Nam	02/04/1996	Bình Dương	8.2	Giỏi	D14PM02	
1677	1424801030063	Hồ Văn Tiến	Nam	24/06/1995	Ninh Thuận	7.9	Khá	D14PM02	
1678	1424801030129	Nguyễn Hoàng Nhật Toàn	Nam	11/10/1996	Bình Dương	7.6	Khá	D14PM02	
1679	1424801030067	Lê Minh Trọng	Nam	02/01/1996	Bình Dương	7.9	Khá	D14PM02	
1680	1424801030068	Cao Nguyễn Tấn Trung	Nam	31/07/1996	Bình Dương	7.6	Khá	D14PM02	
1681	1424801030064	Nguyễn Thanh Tú	Nam	23/04/1996	Bình Dương	7.5	Khá	D14PM02	
1682	1424801030065	Trần Hoàng Tú	Nam	02/11/1996	Tp. HCM	7.3	Khá	D14PM02	
1683	1424801030139	Trương Anh Tú	Nam	13/01/1996	Bình Dương	7.9	Khá	D14PM02	
1684	1424801030071	Phí Trà Hoà Việt	Nam	04/07/1995	Ninh Thuận	7.7	Khá	D14PM02	
1685	1424801030070	Trần Thanh Vinh	Nam	21/09/1996	Bình Dương	8.8	Giỏi	D14PM02	
1686	1424801030072	Võ Triệu Vỹ	Nam	09/02/1996	Bình Dương	6.5	TB Khá	D14PM02	
1687	1424801030223	Lê Văn Chức	Nam	01/08/1994	Đắk Lắk	7.6	Khá	D14PM03	
1688	1424801030148	Đỗ Đức Cường	Nam	20/08/1996	Lâm Đồng	7.5	Khá	D14PM03	
1689	1424801030213	Trần Văn Đạt	Nam	20/09/1995	Đắk Lắk	7.3	Khá	D14PM03	
1690	1424801030172	Vũ Tiến Đạt	Nam	04/02/1996	Sông Bé	8.0	Giỏi	D14PM03	
1691	1424801030194	Lê Thành Hiếu	Nam	03/05/1996	Lâm Đồng	8.2	Giỏi	D14PM03	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
1692	1424801030152	Võ Ngọc	Hoan	Nam	27/11/1994	Quảng Bình	7.8	Khá	D14PM03	
1693	1424801030214	Bùi Át	Hợi	Nam	02/02/1995	Quảng Trị	8.0	Giỏi	D14PM03	
1694	1424801030185	Hoàng Thị	Hồng	Nữ	06/03/1996	Thanh Hóa	8.0	Giỏi	D14PM03	
1695	1424801030190	Trần Quốc	Hưng	Nam	23/03/1996	Đắk Nông	7.6	Khá	D14PM03	
1696	1424801030215	Lê Quan	Khan	Nam	20/07/1995	Bến Tre	6.6	TB Khá	D14PM03	
1697	1424801030147	Đoàn Nguyễn Minh	Khoa	Nam	04/09/1996	Sông Bé	7.7	Khá	D14PM03	
1698	1424801030196	Nguyễn Vũ	Linh	Nam	10/10/1995	Bình Phước	7.5	Khá	D14PM03	
1699	1424801030158	Mai Quý	Lộc	Nam	14/12/1996	Đắk Lắk	7.7	Khá	D14PM03	
1700	1424801030188	Huỳnh Phúc	Mẫn	Nam	08/05/1996	Bình Định	7.3	Khá	D14PM03	
1701	1424801030171	Dương Xuân	Nam	Nam	28/08/1995	Cà Mau	7.9	Khá	D14PM03	
1702	1424801030161	Nguyễn Trung	Nam	Nam	17/11/1996	Sông Bé	7.3	Khá	D14PM03	
1703	1424801030176	Bùi Hoàng	Nguyên	Nam	18/02/1996	Tp. HCM	7.4	Khá	D14PM03	
1704	1424801030149	Võ So	Ny	Nam	16/06/1996	Tây Ninh	8.1	Giỏi	D14PM03	
1705	1424801030201	Trần Văn	Phú	Nam	30/10/1995	Thái Nguyên	7.6	Khá	D14PM03	
1706	1424801030233	Trần Công	Phước	Nam	06/02/1996	Quảng Nam	7.7	Khá	D14PM03	
1707	1424801030195	Trương Minh	Quý	Nam	25/12/1995	Đắk Lắk	7.6	Khá	D14PM03	
1708	1424801030198	Tăng Văn	Quyền	Nam	31/08/1996	Đồng Nai	7.5	Khá	D14PM03	
1709	1424801030221	Bùi Công	Sỹ	Nam	06/05/1995	Quảng Bình	8.1	Giỏi	D14PM03	
1710	1424801030170	Đỗ Duy	Tam	Nam	07/07/1995	Quảng Trị	7.5	Khá	D14PM03	
1711	1424801030209	Nguyễn Văn	Tâm	Nam	19/05/1996	Đồng Nai	7.8	Khá	D14PM03	
1712	1424801030167	Nguyễn Hữu	Thái	Nam	10/03/1995	Bình Định	7.9	Khá	D14PM03	
1713	1424801030164	Trương Quốc	Thịnh	Nam	29/12/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14PM03	
1714	1424801030211	Nguyễn Ngọc	Thơ	Nam	03/03/1996	Bình Định	7.5	Khá	D14PM03	
1715	1424801030200	Nguyễn Quốc	Thông	Nam	06/10/1996	Bình Thuận	7.6	Khá	D14PM03	
1716	1424801030165	Vì Thị	Thúy	Nữ	02/09/1996	Phú Thọ	8.2	Giỏi	D14PM03	
1717	1424801030179	Võ Minh	Tiến	Nam	26/11/1995		8.3	Giỏi	D14PM03	
1718	1424801030155	Lê Thái	Toàn	Nam	16/11/1996		7.7	Khá	D14PM03	
1719	1424801030226	Nguyễn Duy	Tráng	Nam	06/10/1996	Quảng Ngãi	7.4	Khá	D14PM03	
1720	1424801030159	Phan Minh	Trí	Nam	04/07/1996		7.6	Khá	D14PM03	
1721	1424801030193	Ngô Thị Tường	Vi	Nữ	04/01/1996	Phú Yên	7.9	Khá	D14PM03	
1722	1424801030186	Lê Đức	Vinh	Nam	15/09/1996	Bình Dương	7.5	Khá	D14PM03	
1723	1425106010002	Nguyễn Phương Loan	Anh	Nữ	12/05/1996	Bình Dương	7.8	Khá	D14QC01	
1724	1425106010081	Lê Thị Anh	Đào	Nữ	04/03/1996	Bình Phước	8.2	Giỏi	D14QC01	
1725	1425106010007	Vũ Thị Ngọc	Dung	Nữ	27/08/1995	Bình Phước	8.1	Giỏi	D14QC01	
1726	1425106010080	Khổng Trọng	Dương	Nam	13/11/1996	Vĩnh Phúc	7.8	Khá	D14QC01	
1727	1425106010008	Nguyễn Ngọc	Duyên	Nữ	13/05/1996	Bình Dương	7.6	Khá	D14QC01	
1728	1425106010009	Huỳnh Cẩm	Giang	Nữ	30/07/1996	Bình Dương	7.8	Khá	D14QC01	
1729	1425106010010	Đào Thị Cẩm	Hằng	Nữ	05/01/1995	Kiên Giang	8.0	Giỏi	D14QC01	
1730	1425106010011	Ngô Thị	Hằng	Nữ	17/09/1996	Nam Định	7.5	Khá	D14QC01	
1731	1425106010015	Trần Thị Hồng	Hạnh	Nữ	06/08/1996	Bình Dương	7.8	Khá	D14QC01	
1732	1425106010016	Nguyễn Hữu	Hậu	Nam	21/04/1996	Bình Dương	7.8	Khá	D14QC01	
1733	1425106010018	Nguyễn Thị Kim	Hiền	Nữ	01/01/1996	Bình Dương	7.9	Khá	D14QC01	
1734	1425106010020	Trịnh Văn	Hòa	Nam	20/04/1995	Nghệ An	7.9	Khá	D14QC01	
1735	1425106010101	Lê Thị	Hồng	Nữ	20/10/1996	Nghệ An	7.8	Khá	D14QC01	
1736	1425106010077	Lê Thị Ngọc	Huyền	Nữ	08/06/1995	Gia Lai	7.4	Khá	D14QC01	
1737	1425106010022	Nguyễn Đăng	Khoa	Nam	29/02/1996		8.1	Giỏi	D14QC01	
1738	1425106010023	Nguyễn Minh	Khoa	Nam	14/09/1996	Bình Dương	8.0	Giỏi	D14QC01	
1739	1425106010025	Vương	Lâm	Nữ	01/04/1996	Bình Dương	8.0	Giỏi	D14QC01	
1740	1425106010026	Nguyễn Tuyết	Lê	Nữ	20/01/1996	Bình Định	7.7	Khá	D14QC01	
1741	1425106010028	Trần Phương	Linh	Nữ	01/01/1996	Bình Phước	7.8	Khá	D14QC01	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
1742	1425106010031	Đặng Phi	Lip	Nam	02/06/1996	An Giang	8.0	Giỏi	D14QC01	
1743	1425106010121	Nguyễn Thị Trúc	Mai	Nữ	24/10/1996	Bình Dương	8.1	Giỏi	D14QC01	
1744	1425106010032	Đặng Hồ Ngọc	Minh	Nữ	19/11/1996	Bình Dương	8.2	Giỏi	D14QC01	
1745	1425106010034	Lê Ngọc	Ngân	Nữ	13/06/1996	Bình Dương	7.8	Khá	D14QC01	
1746	1425106010035	Nguyễn Kim	Ngân	Nữ	16/04/1996	Bình Dương	7.6	Khá	D14QC01	
1747	1425106010111	Nguyễn Thụy Phương	Nghi	Nữ	13/03/1996	Bình Dương	7.5	Khá	D14QC01	
1748	1425106010038	Võ Hồng	Ngọc	Nam	09/11/1996	Bình Dương	8.0	Giỏi	D14QC01	
1749	1425106010040	Nguyễn Tiến	Nhật	Nam	12/10/1996	Quảng Ngãi	7.9	Khá	D14QC01	
1750	1425106010118	Huỳnh Thị Quỳnh	Như	Nữ	05/08/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14QC01	
1751	1425106010039	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	Nữ	23/09/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14QC01	
1752	1425106010116	Nguyễn Thị Thanh	Như	Nữ	10/07/1996	Bình Dương	8.2	Giỏi	D14QC01	
1753	1425106010033	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	Nữ	07/03/1996	Bình Dương	7.5	Khá	D14QC01	
1754	1425106010045	Nguyễn Thạch	Phong	Nam	29/03/1996	Bình Dương	8.2	Giỏi	D14QC01	
1755	1425106010098	Nguyễn Hoài	Phương	Nữ	10/09/1996	Bình Dương	7.0	Khá	D14QC01	
1756	1425106010043	Nguyễn Thị Hồng	Phương	Nữ	30/01/1996	Tây Ninh	7.6	Khá	D14QC01	
1757	1425106010099	Nguyễn Thị Lan	Phương	Nữ	20/12/1996	Bình Dương	7.5	Khá	D14QC01	
1758	1425106010044	Đinh Thị Kim	Phượng	Nữ	04/04/1996		7.6	Khá	D14QC01	
1759	1425106010047	Nguyễn Việt Xuân	Sang	Nam	04/09/1996	Bình Dương	8.1	Giỏi	D14QC01	
1760	1425106010046	Nguyễn Ngân	Son	Nam	09/07/1994	Bình Dương	7.8	Khá	D14QC01	
1761	1425106010048	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	24/06/1995	Bình Dương	7.9	Khá	D14QC01	
1762	1425106010050	Lê Khắc	Thắng	Nam	13/09/1996	Quảng Ninh	7.3	Khá	D14QC01	
1763	1425106010049	Võ Thị Thu	Thảo	Nữ	04/06/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14QC01	
1764	1425106010054	Bùi Thị Kim	Thoa	Nữ	16/07/1996	Lâm Đồng	8.2	Giỏi	D14QC01	
1765	1425106010055	Nguyễn Thị Bích	Thu	Nữ	09/05/1995	Phú Thọ	8.3	Giỏi	D14QC01	
1766	1425106010082	Trần Thị Bảo	Thuận	Nữ	13/01/1996	Tp. HCM	7.8	Khá	D14QC01	
1767	1425106010056	Võ Ngọc	Thuận	Nữ	19/06/1996	Bình Phước	7.4	Khá	D14QC01	
1768	1425106010084	Đoàn Thị Thanh	Thúy	Nữ	14/03/1996	Bình Dương	7.8	Khá	D14QC01	
1769	1425106010053	Nguyễn Thị Thu	Thúy	Nữ	10/07/1996	Bình Dương	7.8	Khá	D14QC01	
1770	1425106010057	Đinh Thị Cẩm	Tiến	Nữ	10/01/1996	Bình Dương	8.4	Giỏi	D14QC01	
1771	1425106010058	Phạm Minh	Tiến	Nam	08/04/1996		8.1	Giỏi	D14QC01	
1772	1425106010106	Bùi Thị	Tím	Nữ	26/05/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14QC01	
1773	1425106010060	Nguyễn Ngọc	Trần	Nữ	14/06/1996	Bình Dương	8.1	Giỏi	D14QC01	
1774	1425106010061	Đinh Phạm Thùy	Trang	Nữ	26/01/1996	Bình Dương	7.9	Khá	D14QC01	
1775	1425106010075	Nguyễn Thị	Tươi	Nữ		Bình Phước	7.6	Khá	D14QC01	
1776	1425106010065	Dương Thúy	Tuyền	Nữ	06/03/1995	Bình Định	7.7	Khá	D14QC01	
1777	1425106010066	Trần Bích	Tuyền	Nữ	03/03/1996	Bình Dương	8.0	Giỏi	D14QC01	
1778	1425106010070	Nguyễn Thanh	Vũ	Nam	02/03/1996	Đồng Nai	8.0	Giỏi	D14QC01	
1779	1425106010086	Lâm Tiểu	Xiêu	Nữ	24/10/1995	Bình Dương	7.3	Khá	D14QC01	
1780	1425106010072	Nguyễn Thị Kim	Yến	Nữ	06/09/1996	Bình Phước	7.6	Khá	D14QC01	
1781	1425106010143	Du Tuấn	An	Nam	06/03/1996	Sông Bé	7.8	Khá	D14QC02	
1782	1425106010169	Nguyễn Thuý	An	Nữ	22/02/1996	Cà Mau	9.0	Xuất sắc	D14QC02	
1783	1425106010178	Trần Thị	Chinh	Nữ	05/02/1996	Hà Nam	7.7	Khá	D14QC02	
1784	1425106010208	Trịnh Công	Chương	Nam	04/04/1996	TT. Huế	8.2	Giỏi	D14QC02	
1785	1425106010155	Nguyễn Phương Trang	Đài	Nữ	06/05/1991	Sông Bé	8.1	Giỏi	D14QC02	
1786	1425106010149	Lê Thị Kim	Dân	Nữ	20/10/1996	Bình Dương	8.1	Giỏi	D14QC02	
1787	1425106010223	Nguyễn Thị Hoài	Đang	Nữ	17/12/1995	Phú Yên	7.9	Khá	D14QC02	
1788	1425106010179	Nguyễn Tấn	Đạt	Nam	20/11/1995	Sông Bé	7.2	Khá	D14QC02	
1789	1425106010199	Phạm Thị	Diễm	Nữ	28/08/1996	Phú Yên	8.1	Giỏi	D14QC02	
1790	1425106010215	Nguyễn Thị	Diệu	Nữ	23/02/1996	Bình Định	8.2	Giỏi	D14QC02	
1791	1425106010166	Đặng Văn	Đức	Nam	20/08/1996	Nam Định	7.6	Khá	D14QC02	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
1792	1425106010238	Phạm Nguyễn Thùy	Dương	Nữ	04/12/1996	Tp. HCM	7.9	Khá	D14QC02	
1793	1425106010180	Tô Văn	Dương	Nam	20/05/1996	Thanh Hóa	7.5	Khá	D14QC02	
1794	1425106010165	Nguyễn Thị Cẩm	Giang	Nữ	29/08/1996	Tp. HCM	7.5	Khá	D14QC02	
1795	1425106010153	Hà Thanh	Hậu	Nữ	17/11/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14QC02	
1796	1425106010210	Trần Trung	Hiếu	Nam	07/03/1996	Đồng Nai	7.7	Khá	D14QC02	
1797	1425106010142	Văn Ngọc	Hiếu	Nữ	29/04/1996	Bình Dương	7.6	Khá	D14QC02	
1798	1425106010224	Lâm Thị Minh	Hoài	Nữ	09/04/1996	Bình Định	8.1	Giỏi	D14QC02	
1799	1425106010158	Giảng Thị Mộng	Khang	Nữ	20/04/1996	Tiền Giang	7.8	Khá	D14QC02	
1800	1425106010203	Nguyễn Văn	Kiến	Nam	15/03/1996	Nghệ An	7.2	Khá	D14QC02	
1801	1425106010128	Lê Văn	Kỳ	Nam	01/08/1995	Đắk Lắk	7.5	Khá	D14QC02	
1802	1425106010218	Huỳnh Thị Trúc	Linh	Nữ	02/08/1996	Phú Yên	8.0	Giỏi	D14QC02	
1803	1425106010129	Lê Mỹ	Linh	Nữ	20/05/1996	Tây Ninh	7.7	Khá	D14QC02	
1804	1425106010125	Nguyễn Tấn	Linh	Nam	15/01/1996	Yên Bái	7.4	Khá	D14QC02	
1805	1425106010196	Trịnh Thị Thuý	Linh	Nữ	26/02/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14QC02	
1806	1425106010170	Vũ Thị	Mai	Nữ	15/05/1995	Thanh Hóa	8.2	Giỏi	D14QC02	
1807	1425106010237	Hoàng Trung	Minh	Nam	16/06/1996	Tp. HCM	7.0	Khá	D14QC02	
1808	1425106010181	Nguyễn Hoàng	My	Nữ	12/11/1996	Bình Dương	7.6	Khá	D14QC02	
1809	1425106010183	Dương Thị Kiều	My	Nữ	26/11/1996	Sóc Trăng	7.5	Khá	D14QC02	
1810	1425106010136	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	Nữ	05/05/1996	Bình Dương	7.8	Khá	D14QC02	
1811	1425106010213	Nguyễn Thị Bào	Ngọc	Nữ	17/04/1996	Hải Dương	7.9	Khá	D14QC02	
1812	1425106010145	Trương Ngọc	Nguyên	Nữ	01/09/1996	An Giang	7.8	Khá	D14QC02	
1813	1425106010146	Nguyễn Hoàng Tú	Nhi	Nữ	07/08/1996	Bình Dương	7.8	Khá	D14QC02	
1814	1425106010131	Trần Thị Huỳnh	Như	Nữ	21/07/1996	Bình Dương	7.8	Khá	D14QC02	
1815	1425106010212	Nguyễn Thị	Nhung	Nữ	20/12/1996	Bình Định	7.9	Khá	D14QC02	
1816	1425106010235	Hồ Chấn	Phu	Nam	05/10/1996	Đồng Nai	7.5	Khá	D14QC02	
1817	1425106010200	Mai Thị Xuân	Phương	Nữ	13/09/1996	Khanh Hòa	8.1	Giỏi	D14QC02	
1818	1425106010228	Trần Ngọc	Sang	Nam	22/01/1996	Đồng Tháp	7.3	Khá	D14QC02	
1819	1425106010234	Nguyễn Thị	Thắm	Nữ	04/12/1996	Gia Lai	8.0	Giỏi	D14QC02	
1820	1425106010202	Võ Thị	Thắm	Nữ	23/02/1996	Phú Yên	7.8	Khá	D14QC02	
1821	1425106010217	Nguyễn Thị Tuyết	Thiệt	Nữ	22/02/1996	Bình Định	7.7	Khá	D14QC02	
1822	1425106010188	Nguyễn Thị	Thom	Nữ	19/05/1996	Thanh Hóa	8.1	Giỏi	D14QC02	
1823	1425106010191	Lê Ngọc Anh	Thư	Nữ	09/02/1995	Tp. HCM	7.9	Khá	D14QC02	
1824	1425106010243	Nguyễn Lê Minh	Tiên	Nữ	07/04/1996	Bình Dương	7.6	Khá	D14QC02	
1825	1425106010240	Nguyễn Thị Thanh	Tinh	Nữ	21/07/1996	Sông Bé	7.8	Khá	D14QC02	
1826	1425106010194	Huỳnh Thị	Trầm	Nữ	22/08/1996	Quảng Ngãi	7.3	Khá	D14QC02	
1827	1425106010161	Trần Ngọc Bào	Trần	Nữ	10/10/1996	Bình Dương	7.9	Khá	D14QC02	
1828	1425106010160	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	11/09/1996	Bắc Ninh	7.8	Khá	D14QC02	
1829	1425106010221	Nguyễn Thị Kim	Trang	Nữ	17/01/1996	Quảng Ngãi	7.2	Khá	D14QC02	
1830	1425106010150	Trần Đào Mai	Trang	Nữ	18/02/1996	Bình Dương	7.3	Khá	D14QC02	
1831	1425106010242	Ngô Trần	Trí	Nam	16/11/1995	Lâm Đồng	7.7	Khá	D14QC02	
1832	1425106010216	Phạm Thị	Triều	Nữ	10/02/1995	Quảng Ngãi	7.2	Khá	D14QC02	
1833	1425106010127	Nguyễn Thị Mộng	Trinh	Nữ	12/09/1996	Bình Dương	7.9	Khá	D14QC02	
1834	1425106010164	Lương Hồng	Trúc	Nữ	07/10/1996	Tp. HCM	7.2	Khá	D14QC02	
1835	1425106010156	Đàm Duy	Tú	Nam	02/05/1996	Sông Bé	8.0	Giỏi	D14QC02	
1836	1425106010163	Huỳnh Mộng	Tuyền	Nữ	22/09/1996	Sông Bé	7.4	Khá	D14QC02	
1837	1425106010138	Huỳnh Thu	Tuyết	Nữ	30/07/1996	Sông Bé	7.7	Khá	D14QC02	
1838	1425106010173	Lê Anh	Văn	Nam	28/06/1996	Vĩnh Phúc	7.9	Khá	D14QC02	
1839	1425106010206	Phạm Cẩm	Vương	Nữ	06/09/1996	Đồng Tháp	7.1	Khá	D14QC02	
1840	1425106010147	Nguyễn Văn	Xị	Nam	1994	Bình Dương	7.2	Khá	D14QC02	
1841	1425106010168	Huỳnh Thị Như	Ý	Nữ	10/10/1996	Bình Dương	7.8	Khá	D14QC02	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
1842	1425801050152	Lê Thị Anh	Nữ	02/10/1996	Thanh Hóa	7,1	Khá	D14QD01	
1843	1425801050114	Lê Thị Tỏ	Nữ	14/04/1996	Sông Bé	7,2	Khá	D14QD01	
1844	1425801050059	Võ Ngọc Hoàng	Nữ	21/05/1995	Bình Dương	7,6	Khá	D14QD01	
1845	1425801050003	Nguyễn Sỹ Chức	Nam	11/03/1996	Lâm Đồng	8,0	Giỏi	D14QD01	
1846	1425801050102	Phạm Thị Ánh	Nữ	19/04/1996	Bình Dương	7,3	Khá	D14QD01	
1847	1425801050163	Tô Quốc Đạt	Nam	26/10/1996	Gia Lai	7,3	Khá	D14QD01	
1848	1425801050001	Lê Viết	Nam	16/07/1994	Bình Dương	7,2	Khá	D14QD01	
1849	1425801050145	Nguyễn Thị Mỹ	Nữ	16/04/1996	An Giang	7,2	Khá	D14QD01	
1850	1425801050004	Phạm Anh	Nam	16/01/1995	Bình Dương	7,0	Khá	D14QD01	
1851	1425801050090	Nguyễn Thị Mỹ	Nữ	11/02/1996	Bình Dương	7,7	Khá	D14QD01	
1852	1425801050028	Nguyễn Thị Mai	Nữ	06/06/1996	Đắk Lắk	7,2	Khá	D14QD01	
1853	1425801050132	Phạm Thị	Nữ	01/10/1996	Bình Định	7,0	Khá	D14QD01	
1854	1425801050110	Võ Thị Ngọc	Nữ	15/07/1996	Bình Dương	7,6	Khá	D14QD01	
1855	1425801050177	Huỳnh Thị Ánh	Nữ	10/09/1996	Kiên Giang	7,2	Khá	D14QD01	
1856	1425801050141	Nguyễn Thanh	Nữ	12/04/1996	Bình Dương	7,4	Khá	D14QD01	
1857	1425801050179	Nguyễn Thanh	Nam	31/08/1996	Tây Ninh	7,3	Khá	D14QD01	
1858	1425801050005	Đặng Thị Bé	Nữ	03/04/1996	Nghệ An	7,3	Khá	D14QD01	
1859	1425801050036	Nguyễn Ngọc Trúc	Nữ	22/09/1996	Bình Dương	7,5	Khá	D14QD01	
1860	1425801050006	Đặng Phúc	Nữ	04/07/1996	Bình Dương	7,2	Khá	D14QD01	
1861	1425801050158	Nguyễn Thị Mỹ	Nữ	12/08/1996	Phú Yên	7,3	Khá	D14QD01	
1862	1425801050101	Lê Huỳnh Nhứt	Nữ	03/01/1996	Bình Dương	7,6	Khá	D14QD01	
1863	1425801050070	Đinh Thị Hoài	Nữ	10/08/1996	Sông Bé	7,1	Khá	D14QD01	
1864	1425801050162	Đinh Xuân	Nam	11/08/1996	Bình Định	7,3	Khá	D14QD01	
1865	1425801050169	Lê Hoài	Nam	01/09/1996	Tây Ninh	6,9	TB Khá	D14QD01	
1866	1425801050181	Phan Thị Hằng	Nữ	24/03/1995	Bình Định	7,5	Khá	D14QD01	
1867	1425801050186	Phạm Tín	Nam	15/10/1995	Bình Dương	7,4	Khá	D14QD01	
1868	1425801050121	Phạm Bảo	Nữ	07/08/1996	Bình Dương	7,7	Khá	D14QD01	
1869	1425801050143	Phan Thị Như	Nữ	12/03/1996	Quảng Bình	7,4	Khá	D14QD01	
1870	1425801050133	Trần Trung	Nam	14/11/1995	Bến Tre	7,0	Khá	D14QD01	
1871	1425801050184	Nguyễn Tuyền	Nữ	20/01/1995	Bình Dương	7,2	Khá	D14QD01	
1872	1425801050178	Phạm Nguyễn Nghĩa	Nam	16/07/1996	Bình Dương	7,7	Khá	D14QD01	
1873	1425801050078	Lê Trần Yến	Nữ	14/04/1996	Bình Dương	7,5	Khá	D14QD01	
1874	1425801050164	Lương Thị Hồng	Nữ	11/10/1996	Bình Phước	7,2	Khá	D14QD01	
1875	1425801050019	Nguyễn Thị Tuyết	Nữ	01/11/1996	Tp. HCM	7,0	Khá	D14QD01	
1876	1425801050080	Nguyễn Thị Huỳnh	Nữ	24/11/1996	Bình Dương	7,3	Khá	D14QD01	
1877	1425801050008	Nguyễn Lâm	Nữ	09/10/1996	Kon Tum	7,8	Khá	D14QD01	
1878	1425801050166	Lê Nguyễn Quỳnh	Nữ	04/11/1996	Phú Yên	7,3	Khá	D14QD01	
1879	1425801050170	Trương Thị Kim	Nữ	14/08/1996	Bình Phước	7,7	Khá	D14QD01	
1880	1425801050044	Đỗ Đặng Dung	Nữ	10/11/1996	Bình Dương	7,1	Khá	D14QD01	
1881	1425801050043	Võ Thị	Nữ	02/09/1995	Nghệ An	7,1	Khá	D14QD01	
1882	1425801050048	Phan Thị Minh	Nữ	07/03/1996	Quảng Ngãi	6,5	TB Khá	D14QD01	
1883	1425801050173	Nguyễn Ngọc	Nam	02/12/1996	Bình Định	6,8	TB Khá	D14QD01	
1884	1425801050122	Trương Minh	Nam	12/02/1992	Nghệ An	8,0	Giỏi	D14QD01	
1885	1425801050068	Lê Thị Thanh	Nữ	16/07/1996	Bình Dương	7,4	Khá	D14QD01	
1886	1425801050064	Huỳnh Minh	Nữ	28/10/1996	Bình Dương	7,4	Khá	D14QD01	
1887	1425801050010	Trần Nguyễn Hoài	Nữ	04/06/1996	Bình Dương	7,5	Khá	D14QD01	
1888	1425801050011	Nguyễn Trần Khánh	Nữ	24/03/1996	Bình Dương	7,6	Khá	D14QD01	
1889	1425801050137	Trương Thị Bào	Nữ	18/01/1996	Tp. HCM	7,9	Khá	D14QD01	
1890	1425801050106	Võ Ngọc Bảo	Nữ	07/12/1996	Bình Dương	7,4	Khá	D14QD01	
1891	1425801050103	Võ Ngọc Minh	Nữ	07/12/1996	Bình Dương	7,3	Khá	D14QD01	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
1892	1425801050148	Lê Trần Thùy	Trang	Nữ	22/12/1996	Tp. HCM	7,5	Khá	D14QD01	
1893	1425801050183	Mai Phan Thanh	Trúc	Nữ	25/05/1996	Bình Dương	7,0	Khá	D14QD01	
1894	1425801050185	Phạm Hồng	Tươi	Nữ	02/06/1995	Bình Dương	7,4	Khá	D14QD01	
1895	1425801050107	Lê Tổng Thanh	Tuyền	Nữ	27/04/1996	Bình Dương	7,4	Khá	D14QD01	
1896	1425801050118	Nguyễn Ngọc Khánh	Tuyền	Nữ	13/03/1996	Sông Bé	7,4	Khá	D14QD01	
1897	1425801050012	Huỳnh Nhật	Vũ	Nam	09/12/1995	Bình Định	7,6	Khá	D14QD01	
1898	1425801050135	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	Nữ	11/01/1996	Bình Dương	7,2	Khá	D14QD01	
1899	1425801050056	Phạm Thị Hồng	Yến	Nữ	22/03/1996	Bình Dương	7,7	Khá	D14QD01	
1900	1428501010009	Nguyễn Hùng	Anh	Nam	29/07/1996	Bình Dương	6,8	TB Khá	D14QM01	
1901	1428501010011	Phạm Tuấn	Anh	Nam	24/09/1995	Bình Dương	6,8	TB Khá	D14QM01	
1902	1428501010012	Trương Thị Kim	Anh	Nữ	14/07/1996	Quảng Ngãi	5,7	TB	D14QM01	
1903	1428501010016	Đào Bích	Chi	Nữ	12/10/1996	Sông Bé	6,1	TB Khá	D14QM01	
1904	1428501010015	Nguyễn Tuấn	Cường	Nam	09/10/1996	Sông Bé	6,5	TB Khá	D14QM01	
1905	1428501010004	Phạm Trần	Đại	Nam	21/10/1996	Sông Bé	6,6	TB Khá	D14QM01	
1906	1428501010003	Lê Thị Hồng	Đào	Nữ	19/04/1996	Sông Bé	6,5	TB Khá	D14QM01	
1907	1428501010017	Nguyễn Cao	Diễn	Nam	01/08/1996	Sông Bé	6,7	TB Khá	D14QM01	
1908	1428501010002	Thái Thành	Đỗ	Nam	08/02/1996	Bình Dương	6,6	TB Khá	D14QM01	
1909	1428501010018	Nguyễn Quang	Dự	Nam	13/02/1996	Bình Dương	6,6	TB Khá	D14QM01	
1910	1428501010007	Hồ Hoàng	Đức	Nam	02/12/1996	Bình Dương	6,8	TB Khá	D14QM01	
1911	1428501010020	Võ Hoàng	Duy	Nam	06/07/1996	Bình Dương	6,6	TB Khá	D14QM01	
1912	1428501010023	Lê Thị Bích	Duyên	Nữ	31/05/1996	Bình Dương	6,8	TB Khá	D14QM01	
1913	1428501010025	Đoàn Thị Thanh	Giang	Nữ	01/05/1996	Bình Dương	7,1	Khá	D14QM01	
1914	1428501010035	Nguyễn Thụy Nhật	Hà	Nữ	27/08/1996	Sông Bé	6,6	TB Khá	D14QM01	
1915	1428501010037	Bùi Hoài	Hải	Nam	15/01/1996	Bình Định	6,4	TB Khá	D14QM01	
1916	1428501010027	Phạm Thị Thanh	Hằng	Nữ	28/08/1996	Bình Dương	6,5	TB Khá	D14QM01	
1917	1428501010030	Trần Thị Thu	Hằng	Nữ	19/07/1996	Sông Bé	6,5	TB Khá	D14QM01	
1918	1428501010031	Trần Thị Thu	Hằng	Nữ	31/10/1996	Hải Dương	7,0	Khá	D14QM01	
1919	1428501010028	Trương Thị Lệ	Hằng	Nữ	10/09/1996	Sông Bé	6,9	TB Khá	D14QM01	
1920	1428501010036	Thái Nhật	Hào	Nam	17/11/1996	Bình Dương	6,7	TB Khá	D14QM01	
1921	1428501010039	Đặng Ngọc Như	Hào	Nữ	17/06/1995	Sông Bé	7,0	Khá	D14QM01	
1922	1428501010041	Trần Lý	Hoàn	Nam	18/01/1996	Bình Định	7,0	Khá	D14QM01	
1923	1428501010033	Luân Thị Thu	Hương	Nữ	21/07/1996	Bình Phước	6,4	TB Khá	D14QM01	
1924	1428501010034	Vũ Thị	Hương	Nữ	08/06/1996	Hải Phòng	6,5	TB Khá	D14QM01	
1925	1428501010043	Nguyễn Hồng	Huy	Nam	01/06/1996	Sông Bé	6,9	TB Khá	D14QM01	
1926	1428501010045	Trịnh Thị Ngọc	Huyền	Nữ	03/11/1996	Bình Dương	7,5	Khá	D14QM01	
1927	1428501010046	Lưu Trọng	Khách	Nam	02/01/1996	Sông Bé	7,4	Khá	D14QM01	
1928	1428501010048	Nguyễn Đoàn Duy	Khang	Nam	01/06/1996	Sông Bé	6,7	TB Khá	D14QM01	
1929	1428501010049	Nguyễn Mạnh	Khang	Nam	02/10/1995	Sông Bé	6,8	TB Khá	D14QM01	
1930	1428501010047	Vương Bảo	Khánh	Nam	23/06/1996	Bình Dương	6,5	TB Khá	D14QM01	
1931	1428501010050	Lê Trung	Kiên	Nam	22/12/1996	Sông Bé	7,3	Khá	D14QM01	
1932	1428501010051	Nguyễn Trung	Kiên	Nam	15/04/1996	Đắk Lắk	8,0	Giỏi	D14QM01	
1933	1428501010060	Thái Thị Kim	Lệ	Nữ	02/06/1996	Sông Bé	7,0	Khá	D14QM01	
1934	1428501010057	Lê Thị Thùy	Liên	Nữ	06/06/1996	Sông Bé	6,6	TB Khá	D14QM01	
1935	1428501010055	Nguyễn Phúc	Lộc	Nam	16/05/1996	Sông Bé	6,7	TB Khá	D14QM01	
1936	1428501010056	Phan Xuân	Lộc	Nam	28/11/1996	Tp. HCM	7,2	Khá	D14QM01	
1937	1428501010058	Từ Ngọc	Lợi	Nam	21/07/1996	Bình Dương	7,9	Khá	D14QM01	
1938	1428501010061	Biện Thành	Long	Nam	26/07/1995	Sông Bé	7,8	Khá	D14QM01	
1939	1428501010062	Vũ Thành	Luân	Nam	05/09/1995	Bình Phước	6,6	TB Khá	D14QM01	
1940	1428501010063	Phạm Văn	Luật	Nam	26/10/1996	Bình Dương	6,9	TB Khá	D14QM02	
1941	1428501010064	Trần Thị Phương	Mai	Nữ	10/11/1996	Bình Dương	6,8	TB Khá	D14QM02	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
1942	1428501010065	Doãn Lê Hoài	Nam	Nam	04/05/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14QM02	
1943	1428501010067	Lê Nguyễn Hoàng	Nam	Nam	03/12/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14QM02	
1944	1428501010068	Nguyễn Thành	Nam	Nam	28/08/1996	Hà Tĩnh	6.5	TB Khá	D14QM02	
1945	1428501010070	Nguyễn Thị Kim	Ngân	Nữ	23/10/1996	Bình Dương	6.9	TB Khá	D14QM02	
1946	1428501010073	Nguyễn Phạm Thành	Nghĩa	Nam	23/09/1996	Bình Dương	6.6	TB Khá	D14QM02	
1947	1428501010077	Lê Thị Thanh	Nhã	Nữ	04/03/1996	Bình Dương	7.2	Khá	D14QM02	
1948	1428501010075	Huỳnh Hữu	Nhân	Nam	13/10/1996	Bình Dương	7.2	Khá	D14QM02	
1949	1428501010080	Trần Thị Thanh	Nhi	Nữ	27/04/1996	Sông Bé	6.6	TB Khá	D14QM02	
1950	1428501010081	Trần Thị Yến	Nhi	Nữ	24/12/1996	Sông Bé	9.0	Xuất sắc	D14QM02	
1951	1428501010079	Trương Phương	Nhi	Nữ	17/05/1996	Bình Dương	6.3	TB Khá	D14QM02	
1952	1428501010084	Trần Khắc	Nhật	Nam	25/03/1996	Bình Dương	6.6	TB Khá	D14QM02	
1953	1428501010086	Vương Duy	Phước	Nam	21/03/1996	Tp. HCM	6.9	TB Khá	D14QM02	
1954	1428501010085	Võ Thị Kim	Phương	Nữ	06/07/1996	Tp. HCM	6.4	TB Khá	D14QM02	
1955	1428501010087	Lê Thị	Phượng	Nữ	04/02/1996	Kiên Giang	8.0	Giỏi	D14QM02	
1956	1428501010097	Đặng Thị Ngọc	Quyên	Nữ	14/04/1996	Kiên Giang	6.8	TB Khá	D14QM02	
1957	1428501010102	Nguyễn Văn	Tâm	Nam	07/02/1996	Bình Dương	7.0	Khá	D14QM02	
1958	1428501010109	Đinh Duy	Thắng	Nam	24/04/1996	Bình Phước	6.4	TB Khá	D14QM02	
1959	1428501010110	Nguyễn Ngọc Uyên	Thanh	Nữ	09/09/1996	Sông Bé	7.1	Khá	D14QM02	
1960	1428501010111	Nguyễn Thị Chí	Thanh	Nữ	30/08/1996	Bình Dương	7.1	Khá	D14QM02	
1961	1428501010107	Nguyễn Hữu	Thành	Nam	19/01/1996	Bình Dương	6.6	TB Khá	D14QM02	
1962	1428501010112	Trần Thị Lệ	Thi	Nữ		Bình Dương	6.7	TB Khá	D14QM02	
1963	1428501010106	Trương Thị Anh	Thư	Nữ	16/11/1996	Sóc Trăng	6.6	TB Khá	D14QM02	
1964	1428501010116	Dương Đức	Thuận	Nam	02/01/1996	Bình Dương	6.1	TB Khá	D14QM02	
1965	1428501010113	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	Nữ	22/05/1996	Bình Dương	6.6	TB Khá	D14QM02	
1966	1428501010119	Phạm Ngọc Khánh	Tiên	Nữ	15/10/1996	Bình Dương	6.5	TB Khá	D14QM02	
1967	1428501010121	Văn Thị Thủy	Tiên	Nữ	15/06/1996	Sông Bé	6.6	TB Khá	D14QM02	
1968	1428501010123	Nguyễn Thái	Toàn	Nam	14/04/1996	Bình Dương	7.0	Khá	D14QM02	
1969	1428501010124	Đoàn Thị Bích	Trâm	Nữ	19/05/1996	Bình Dương	6.5	TB Khá	D14QM02	
1970	1428501010127	Lê Thị Huyền	Trang	Nữ	21/04/1996	Bình Dương	6.5	TB Khá	D14QM02	
1971	1428501010128	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	02/05/1995	Sông Bé	6.5	TB Khá	D14QM02	
1972	1428501010133	Nguyễn Thành	Trí	Nam	01/10/1996	Bình Dương	6.7	TB Khá	D14QM02	
1973	1428501010131	Lê Thị Thủy	Trúc	Nữ	09/05/1996	Bình Dương	6.7	TB Khá	D14QM02	
1974	1428501010122	Phạm Văn	Tùng	Nam	02/02/1996	Thanh Hóa	6.9	TB Khá	D14QM02	
1975	1428501010104	Võ Duy	Tường	Nam	07/07/1996	Bình Dương	6.4	TB Khá	D14QM02	
1976	1428501010171	Lê Đặng Ngọc	Bình	Nữ	18/07/1996	Thái Bình	6.9	TB Khá	D14QM03	
1977	1428501010176	Nguyễn Ngọc Chí	Cường	Nam	08/07/1996	Bình Dương	6.9	TB Khá	D14QM03	
1978	1428501010184	Nguyễn Hồng	Đào	Nữ	06/06/1996	Long An	6.8	TB Khá	D14QM03	
1979	1428501010006	Phạm Quốc	Đạt	Nam	14/11/1996	Sông Bé	6.6	TB Khá	D14QM03	
1980	1428501010178	Nguyễn Thanh	Đoàn	Nam	16/11/1996	Bình Dương	7.5	Khá	D14QM03	
1981	1428501010210	Nguyễn Thị Thủy	Hằng	Nữ	03/10/1995	Gia Lai	7.0	Khá	D14QM03	
1982	1428501010166	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	11/05/1996	Bắc Ninh	6.4	TB Khá	D14QM03	
1983	1428501010169	Phạm Quốc	Hòa	Nam	21/03/1996	Bình Dương	6.3	TB Khá	D14QM03	
1984	1428501010151	Nguyễn Ngọc	Huyền	Nữ	29/05/1996	Bình Dương	6.5	TB Khá	D14QM03	
1985	1428501010205	Nguyễn Hữu	Lộc	Nam	25/02/1994	Tây Ninh	6.4	TB Khá	D14QM03	
1986	1428501010160	Lê Huỳnh	Mai	Nữ	07/02/1996	Bình Dương	6.5	TB Khá	D14QM03	
1987	1428501010204	Phan Văn	Nhân	Nam	24/07/1995	Quảng Trị	6.8	TB Khá	D14QM03	
1988	1428501010212	Phan Thị Lan	Nhi	Nữ	06/10/1996	Gia Lai	7.1	Khá	D14QM03	
1989	1428501010157	Võ Thị Yến	Nhi	Nữ	10/11/1996	Bình Dương	9.0	Xuất sắc	D14QM03	
1990	1428501010170	Phạm Thị Hồng	Nhung	Nữ	30/06/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14QM03	
1991	1428501010162	Trần Kim	Phiên	Nữ	08/05/1996	Tp. HCM	7.7	Khá	D14QM03	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
1992	1428501010189	Đỗ Thị Thu	Phượng	Nữ	27/02/1996	Đắk Lắk	6.9	TB Khá	D14QM03	
1993	1428501010164	Nguyễn Đặng Minh	Tấn	Nam	11/08/1996	Bình Dương	6.4	TB Khá	D14QM03	
1994	1428501010158	Nguyễn Thị Thu	Thanh	Nữ	09/05/1996	Bình Dương	6.7	TB Khá	D14QM03	
1995	1428501010154	Lê Minh Trang	Thư	Nữ	30/12/1996	Sông Bé	6.4	TB Khá	D14QM03	
1996	1428501010217	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	Nữ	03/05/1996	Sông Bé	7.3	Khá	D14QM03	
1997	1428501010183	Trần Thị Bằng	Trâm	Nữ	09/03/1996	Sông Bé	7.0	Khá	D14QM03	
1998	1428501010191	Lương Thị Thu	Trang	Nữ	19/11/1996	Bình Dương	6.7	TB Khá	D14QM03	
1999	1428501010197	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	05/09/1995	Gia Lai	6.2	TB Khá	D14QM03	
2000	1428501010172	Nguyễn Thị Ngọc	Tú	Nữ	04/06/1996	Bình Dương	7.0	Khá	D14QM03	
2001	1428501010134	Đoàn Quốc	Tuấn	Nam	09/03/1996	Sông Bé	6.5	TB Khá	D14QM03	
2002	1428501010136	Trần Anh	Tuấn	Nam	27/11/1996	Bình Dương	6.7	TB Khá	D14QM03	
2003	1428501010137	Võ Thị	Tuyền	Nữ	16/07/1995	Bình Dương	7.1	Khá	D14QM03	
2004	1428501010200	Lê Thị	Tuyết	Nữ	06/05/1995	Quảng Nam	6.5	TB Khá	D14QM03	
2005	1428501010163	Phạm La Cẩm	Vân	Nữ	08/09/1996	Bình Dương	7.0	Khá	D14QM03	
2006	1428501010140	Trần Thị Hải	Vân	Nữ	26/12/1996	Bình Dương	7.2	Khá	D14QM03	
2007	1428501010142	Lý Kim	Vinh	Nam	16/10/1996	Bình Dương	6.6	TB Khá	D14QM03	
2008	1428501010145	Từ Tường	Vy	Nữ	06/04/1996	Sông Bé	7.3	Khá	D14QM03	
2009	1428501010146	Mai Thị Như	Ý	Nữ	10/06/1996	Tây Ninh	7.0	Khá	D14QM03	
2010	1428501010148	Nguyễn Thị Cẩm	Yến	Nữ	10/11/1996	Bình Dương	7.1	Khá	D14QM03	
2011	1323401010007	Nguyễn Thị Đông	Anh	Nữ	30/07/1995	Đồng Nai	7.4	Khá	D14QT01	
2012	1423401010003	Trương Tuấn	Anh	Nam	19/12/1996	Bình Dương	7.0	Khá	D14QT01	
2013	1423401010005	Nguyễn Vĩ	Cẩm	Nam	04/10/1995	BR.Vũng Tàu	7.3	Khá	D14QT01	
2014	1423401010004	Nguyễn Phong	Cảnh	Nam	16/02/1996	Bình Dương	8.0	Giỏi	D14QT01	
2015	1423401010006	Huỳnh Minh	Châu	Nam	09/02/1996	Bình Dương	8.1	Giỏi	D14QT01	
2016	1423401010007	Nguyễn Thị Minh	Chi	Nữ	17/09/1996	Bình Dương	8.1	Giỏi	D14QT01	
2017	1423401010001	Trần Thị Bích	Đào	Nữ	19/11/1996	Nam Định	8.1	Giỏi	D14QT01	
2018	1423401010009	Huỳnh Kiều	Diễm	Nữ	15/04/1996	Cà Mau	7.6	Khá	D14QT01	
2019	1423401010002	Tổng Thị Kim	Đồng	Nữ	27/04/1996	Bến Tre	8.0	Giỏi	D14QT01	
2020	1423401010011	Nguyễn Thị	Dung	Nữ	18/04/1996	Kiên Giang	8.0	Giỏi	D14QT01	
2021	1423401010010	Lê Thị Kim	Dung	Nữ	06/02/1996	Bình Phước	7.5	Khá	D14QT01	
2022	1423401010012	Hoàng Võ Anh	Duy	Nam	18/12/1996	Bình Dương	7.6	Khá	D14QT01	
2023	1423401010016	Phạm Thị	Hằng	Nữ	16/11/1996	Đắk Lắk	8.3	Giỏi	D14QT01	
2024	1423401010024	Trần Minh Phúc	Hào	Nam	29/10/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14QT01	
2025	1423401010033	Thái Bá Quang	Hiệp	Nam	27/10/1996	Sông Bé	7.3	Khá	D14QT01	
2026	1423401010034	Nguyễn Trung	Hiếu	Nam	18/10/1996	Sông Bé	6.8	TB Khá	D14QT01	
2027	1423401010027	Vũ Thị Hoa	Hồng	Nữ	20/08/1996	Nam Định	7.7	Khá	D14QT01	
2028	1423401010026	Nguyễn Thị Cẩm	Hồng	Nữ	22/01/1995	Đồng Tháp	8.2	Giỏi	D14QT01	
2029	1423401010021	Trương Thị Xuân	Hương	Nữ	16/12/1996	Đồng Nai	8.0	Giỏi	D14QT01	
2030	1423401010020	Phạm Minh	Hương	Nữ	25/07/1996	Sông Bé	7.8	Khá	D14QT01	
2031	1423401010019	Nguyễn Thu	Hương	Nữ	09/08/1996	Đắk Lắk	8.0	Giỏi	D14QT01	
2032	1423401010018	Lê Thị Kim	Hương	Nữ	05/04/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14QT01	
2033	1423401010017	Đàm Thị	Hương	Nữ	13/12/1996	Đắk Lắk	7.5	Khá	D14QT01	
2034	1423401010028	Phan Thị Hoa	Hương	Nữ	08/08/1995	Bình Dương	8.0	Giỏi	D14QT01	
2035	1423401010037	Nguyễn Quốc	Huy	Nam	15/01/1996	Sông Bé	7.2	Khá	D14QT01	
2036	1423401010038	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	Nữ	18/08/1995	Quảng Bình	8.0	Giỏi	D14QT01	
2037	1423401010035	Nguyễn	Huỳnh	Nam	03/03/1996	Bình Dương	7.3	Khá	D14QT01	
2038	1423401010039	Nguyễn Trần Đăng	Khoa	Nam	27/04/1996	Tp. HCM	7.8	Khá	D14QT01	
2039	1423401010040	Nguyễn Thành	Lâm	Nam	26/03/1995	Sông Bé	7.3	Khá	D14QT01	
2040	1423401010050	Võ Thị Yến	Linh	Nữ	26/05/1996	Bình Dương	7.2	Khá	D14QT01	
2041	1423401010048	Phạm Thùy	Linh	Nữ	27/06/1995	Thanh Hóa	7.3	Khá	D14QT01	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
2042	1423401010047	Nguyễn Thị Trúc	Linh	Nữ	09/12/1996	Bình Dương	8.1	Giỏi	D14QT01	
2043	1423401010045	Nguyễn Ngọc	Linh	Nữ	07/06/1996	Sông Bé	7.6	Khá	D14QT01	
2044	1423401010044	Lê Diệu	Linh	Nữ	23/07/1996	Thanh Hóa	8.2	Giỏi	D14QT01	
2045	1423401010043	Hoàng Thị Mỹ	Linh	Nữ	06/10/1996	Đắk Lắk	7.7	Khá	D14QT01	
2046	1423401010042	Hồ Thị Yến	Linh	Nữ	28/07/1996	Sông Bé	7.8	Khá	D14QT01	
2047	1423401010041	Đặng Hồi	Linh	Nữ	26/08/1996	Phú Yên	8.4	Giỏi	D14QT01	
2048	1423401010052	Trần Nguyễn Phương	Loan	Nữ	11/01/1996	Sông Bé	7.9	Khá	D14QT01	
2049	1423401010058	Nguyễn Thị Xuân	Mai	Nữ	24/05/1996	Bình Dương	8.1	Giỏi	D14QT01	
2050	1423401010059	Trần Thị Hà	My	Nữ	22/02/1996	Bình Dương	8.3	Giỏi	D14QT01	
2051	1423401010066	Nguyễn Thị Minh	Nga	Nữ	27/09/1996	Tp. HCM	8.0	Giỏi	D14QT01	
2052	1423401010065	Phan Thị Thanh	Ngân	Nữ	12/10/1995	Bình Dương	8.0	Giỏi	D14QT01	
2053	1423401010063	Lý Thu	Ngân	Nữ	23/01/1996	Sông Bé	7.9	Khá	D14QT01	
2054	1423401010062	Lữ Thị Bích	Ngân	Nữ	27/08/1996	Đồng Nai	8.1	Giỏi	D14QT01	
2055	1423401010071	Vương Sơn Minh	Nghĩa	Nữ	02/08/1995	Tp. HCM	7.6	Khá	D14QT01	
2056	1423401010069	Trần Bảo	Ngọc	Nữ	21/09/1996	Bình Dương	7.9	Khá	D14QT01	
2057	1423401010068	Nguyễn Thị	Ngọc	Nữ	23/04/1994	Hà Nam	8.1	Giỏi	D14QT01	
2058	1423401010067	Huỳnh Hiếu Bảo	Ngọc	Nữ	27/08/1996	Bình Dương	7.8	Khá	D14QT01	
2059	1423401010075	Trần Thị Yến	Nhi	Nữ	03/09/1996	Tp. HCM	7.5	Khá	D14QT01	
2060	1423401010074	Phạm Thị Tổ	Như	Nữ	07/02/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14QT01	
2061	1423401010060	Trương Thị Mỹ	Nương	Nữ	27/02/1996	Gia Lai	7.9	Khá	D14QT01	
2062	1423401010077	Trần Minh	Phát	Nam	12/01/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14QT01	
2063	1423401010080	Nguyễn Thị Yến	Phi	Nữ	20/06/1996	Tp. HCM	7.4	Khá	D14QT01	
2064	1423401010079	Nguyễn Ngọc Thiên	Phương	Nữ	22/02/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14QT01	
2065	1423401010078	Nguyễn Bùi Thanh	Phương	Nam	13/10/1994	Bến Tre	8.2	Giỏi	D14QT01	
2066	1423401010082	Lưu Thị	Phượng	Nữ	26/05/1996	Sông Bé	7.3	Khá	D14QT01	
2067	1423401010081	Đỗ Thị	Phượng	Nữ	19/10/1996	Bình Dương	7.9	Khá	D14QT01	
2068	1423401010084	Phạm Thị Mỹ	Quý	Nữ	19/05/1996	Đồng Tháp	8.1	Giỏi	D14QT01	
2069	1423401010087	Nguyễn Thị Kim	Quyên	Nữ	25/07/1996	Bến Tre	7.8	Khá	D14QT01	
2070	1423401010088	Nguyễn Lê Thanh	Sang	Nam	03/03/1996	Sông Bé	7.1	Khá	D14QT01	
2071	1423401010091	Nguyễn Thanh	Tâm	Nữ	10/08/1996	Bình Dương	7.9	Khá	D14QT01	
2072	1423401010095	Nguyễn Ngọc	Tấn	Nam	03/08/1995	Sông Bé	7.6	Khá	D14QT01	
2073	1423401010094	Nguyễn Minh	Tấn	Nam	08/03/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14QT01	
2074	1423401010096	Trần Anh	Thư	Nữ	07/07/1996	Sông Bé	8.1	Giỏi	D14QT01	
2075	1423401010090	Nguyễn Ngọc	Tình	Nam	06/01/1996		8.1	Giỏi	D14QT01	
2076	1423401010185	Hoàng Thị	Anh	Nữ	12/02/1996	Hưng Yên	8.3	Giỏi	D14QT02	
2077	1423401010205	Nguyễn Thị Trâm	Anh	Nữ	26/08/1996	Gia Lai	7.6	Khá	D14QT02	
2078	1423401010148	Khổng Minh	Danh	Nam	09/07/1996	Tp. HCM	7.2	Khá	D14QT02	
2079	1423401010172	Nguyễn Tấn	Đạt	Nam	15/10/1996	Đắk Lắk	7.9	Khá	D14QT02	
2080	1423401010178	Vũ Minh	Đức	Nam	01/01/1996	Đồng Nai	7.6	Khá	D14QT02	
2081	1423401010177	Lê Đình	Hải	Nam	19/05/1994	Bình Phước	7.4	Khá	D14QT02	
2082	1423401010161	Lê Thị	Huệ	Nữ	15/11/1996	Bắc Giang	8.1	Giỏi	D14QT02	
2083	1423401010182	Đỗ Thị	Huyền	Nữ	11/04/1995	Ninh Bình	8.3	Giỏi	D14QT02	
2084	1423401010197	Trịnh Thị	Huyền	Nữ	17/09/1996	Nam Định	7.9	Khá	D14QT02	
2085	1423401010206	Lê Huỳnh Thiên	Lan	Nữ	29/12/1996	Bình Dương	7.8	Khá	D14QT02	
2086	1423401010153	Vũ Thị Hương	Lan	Nữ	26/01/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14QT02	
2087	1423401010174	Tạ Bích	Liều	Nữ	11/10/1994	Tiền Giang	7.7	Khá	D14QT02	
2088	1423401010152	Lê Duy	Nam	Nam	11/05/1996	Bình Dương	8.2	Giỏi	D14QT02	
2089	1423401010163	Trần Thị Thanh	Nhàn	Nữ	05/05/1996	Bình Dương	7.6	Khá	D14QT02	
2090	1423401010187	Nguyễn Thị Yến	Nhi	Nữ	22/10/1996	Phú Yên	7.7	Khá	D14QT02	
2091	1423401010146	Lê Thùy Quỳnh	Như	Nữ	28/02/1996	Sông Bé	8.1	Giỏi	D14QT02	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
2092	1423401010145	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	Nữ	25/06/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14QT02	
2093	1423401010147	Lê Hồng	Nhung	Nữ	05/01/1996	Gia Lai	7.9	Khá	D14QT02	
2094	1423401010140	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	06/11/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14QT02	
2095	1423401010184	Hồ Thị Kim	Oanh	Nữ	01/01/1996	TT. Huế	7.9	Khá	D14QT02	
2096	1423401010143	Trương Thị	Oanh	Nữ	20/07/1996	Quảng Bình	8.0	Giỏi	D14QT02	
2097	1423401010209	Lê Hồng	Phong	Nam	01/04/1996	Hà Tĩnh	7.6	Khá	D14QT02	
2098	1423401010165	Nguyễn Thị	Phúc	Nữ	10/01/1995	Bình Thuận	7.8	Khá	D14QT02	
2099	1423401010200	Hồ Hữu	Phụng	Nam	05/05/1995	Nghệ An	7.8	Khá	D14QT02	
2100	1423401010139	Phạm Thị Mỹ	Phượng	Nữ	22/10/1996	Bình Phước	7.0	Khá	D14QT02	
2101	1423401010170	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	22/11/1996	Sông Bé	8.3	Giỏi	D14QT02	
2102	1423401010149	Lưu Văn	Tài	Nam	11/07/1996	Nam Định	7.7	Khá	D14QT02	
2103	1423401010098	Nguyễn Quốc	Thái	Nam	12/02/1996	Tây Ninh	7.2	Khá	D14QT02	
2104	1423401010099	Trịnh Thị	Thân	Nữ	21/12/1995	Gia Lai	8.3	Giỏi	D14QT02	
2105	1423401010104	Trương Văn	Thắng	Nam	06/11/1995	Bình Dương	7.2	Khá	D14QT02	
2106	1423401010100	Nguyễn Ngọc	Thảo	Nữ	05/08/1996	Bình Dương	7.5	Khá	D14QT02	
2107	1423401010136	Nguyễn Thanh	Thảo	Nữ	10/10/1996	Bình Dương	7.6	Khá	D14QT02	
2108	1423401010102	Trần Quang	Thảo	Nam	17/01/1996	Tp. HCM	7.5	Khá	D14QT02	
2109	1423401010106	Nguyễn Thị Phương	Thi	Nữ	14/03/1996	Bình Dương	8.3	Giỏi	D14QT02	
2110	1423401010208	Nguyễn Lê Minh	Thư	Nữ	31/05/1996	Tiền Giang	8.6	Giỏi	D14QT02	
2111	1423401010097	Võ Thị Anh	Thư	Nữ	15/07/1996	Sông Bé	7.7	Khá	D14QT02	
2112	1423401010154	Huỳnh Minh	Thuận	Nam	09/07/1995	Bình Dương	7.9	Khá	D14QT02	
2113	1423401010108	Nguyễn Hoà	Thuận	Nam	06/06/1996	Sông Bé	7.8	Khá	D14QT02	
2114	1423401010110	Phùng Phương	Thủy	Nữ	08/03/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14QT02	
2115	1423401010109	Phạm Phương Ngọc	Thủy	Nữ	24/05/1996	Tp. HCM	7.1	Khá	D14QT02	
2116	1423401010203	Kiều Thị	Thủy	Nữ	12/12/1996	Bình Thuận	7.6	Khá	D14QT02	
2117	1423401010107	Lương Thị Thu	Thủy	Nữ	15/06/1996	Bình Dương	7.9	Khá	D14QT02	
2118	1423401010111	Huỳnh Tân	Tiến	Nam	10/08/1996	Sông Bé	8.2	Giỏi	D14QT02	
2119	1423401010113	Vương Minh	Toàn	Nam	20/12/1996	Bình Dương	8.1	Giỏi	D14QT02	
2120	1423401010118	Huỳnh Thanh	Trà	Nữ	25/09/1996	Bình Dương	8.5	Giỏi	D14QT02	
2121	1423401010115	Nguyễn Huỳnh	Trâm	Nữ	13/12/1996	Bình Dương	8.3	Giỏi	D14QT02	
2122	1423401010164	Lê Huyền	Trang	Nữ	28/12/1996	Bình Phước	7.4	Khá	D14QT02	
2123	1423401010119	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	17/11/1996	Cà Mau	7.4	Khá	D14QT02	
2124	1423401010123	Hồ Văn	Trí	Nam	28/11/1995	Sông Bé	6.7	TB Khá	D14QT02	
2125	1423401010157	Lê Ngọc	Trinh	Nữ	03/12/1996	Sông Bé	7.7	Khá	D14QT02	
2126	1423401010121	Đỗ Hoàng	Trung	Nam	13/02/1996	Vĩnh Long	7.8	Khá	D14QT02	
2127	1423401010112	Nguyễn Thị Thanh	Tú	Nữ	27/07/1996	Tp. HCM	7.6	Khá	D14QT02	
2128	1423401010124	Huỳnh Minh	Tuấn	Nam	11/04/1996	Bình Dương	7.9	Khá	D14QT02	
2129	1423401010125	Nguyễn Anh	Tuấn	Nam	02/02/1996	Bình Dương	7.6	Khá	D14QT02	
2130	1423401010126	Trần Thị Thanh	Tuyền	Nữ	05/10/1996	Sông Bé	8.7	Giỏi	D14QT02	
2131	1423401010127	Huỳnh Thị Mỹ	Uyên	Nữ	03/01/1996	Quảng Ngãi	7.6	Khá	D14QT02	
2132	1423401010128	Nguyễn Hoàng Thê	Uyên	Nữ	28/06/1996	Bình Dương	8.1	Giỏi	D14QT02	
2133	1423401010129	Nguyễn Thị Hạ	Uyên	Nữ	28/10/1996	Tây Ninh	8.0	Giỏi	D14QT02	
2134	1423401010130	Vũ Thị	Uyên	Nữ	16/01/1996	Ninh Bình	7.8	Khá	D14QT02	
2135	1423401010131	Đào Hải	Vân	Nam	02/04/1996	Bình Dương	8.0	Giỏi	D14QT02	
2136	1423401010183	Lê Thoại	Vy	Nữ	05/05/1996	Bình Phước	7.6	Khá	D14QT02	
2137	1423401010189	Trương Thị Ánh	Vy	Nữ	01/02/1996	Phú Yên	8.4	Giỏi	D14QT02	
2138	1423401010134	Nguyễn Kiều Như	Ý	Nữ	13/07/1996	Sông Bé	8.2	Giỏi	D14QT02	
2139	1423401010159	Đỗ Thị Hồng	Yến	Nữ	12/08/1996	Bình Dương	7.1	Khá	D14QT02	
2140	1423402010001	Nguyễn Hoàng Diệu	Ái	Nữ	03/04/1996	Bình Phước	7.1	Khá	D14TC01	
2141	1423402010004	Phạm Thúy	An	Nữ	25/04/1996	Bình Phước	7.6	Khá	D14TC01	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
2142	1423402010093	Hồ Nguyễn Phương	Anh	Nữ	03/01/1995	Tp. HCM	7.4	Khá	D14TC01	
2143	1423402010006	Trần Thị Vân	Anh	Nữ	01/01/1996	Sông Bé	6.8	TB Khá	D14TC01	
2144	1423402010092	Trần Thị Ngọc	Diễm	Nữ	18/12/1996	Bình Dương	7.1	Khá	D14TC01	
2145	1423402010003	Nguyễn Hoàng	Đức	Nam	31/03/1996	Bình Dương	7.0	Khá	D14TC01	
2146	1423402010011	Nguyễn Thị Thuý	Dương	Nữ	21/05/1996	Bình Dương	6.7	TB Khá	D14TC01	
2147	1423402010077	Nguyễn Văn	Hưng	Nam	03/05/1996	Bình Dương	6.2	TB Khá	D14TC01	
2148	1423402010013	Nguyễn Thị Kim	Hương	Nữ	27/02/1996	Sông Bé	6.6	TB Khá	D14TC01	
2149	1423402010085	Trần Thị Mỹ	Huyền	Nữ	23/03/1996	Bình Dương	7.0	Khá	D14TC01	
2150	1423402010091	Nguyễn Thị Phương	Lam	Nữ	07/02/1996	Bình Dương	7.1	Khá	D14TC01	
2151	1423402010062	Vũ Thị Mai	Liên	Nữ	06/10/1992	Bình Dương	7.3	Khá	D14TC01	
2152	1423402010017	Phạm Khánh	Linh	Nữ	30/05/1996	Sông Bé	6.8	TB Khá	D14TC01	
2153	1423402010018	Phạm Mỹ	Linh	Nữ	30/05/1996	Sông Bé	6.7	TB Khá	D14TC01	
2154	1423402010083	Phạm Thị Trúc	Linh	Nữ	16/04/1996	Bình Dương	7.0	Khá	D14TC01	
2155	1423402010021	Trần Thị Kim	Loan	Nữ	09/11/1996	Tp. HCM	7.3	Khá	D14TC01	
2156	1423402010090	Phan Bảo	Lương	Nam	03/03/1995	Bình Dương	6.5	TB Khá	D14TC01	
2157	1423402010023	Lê Thị Ngọc	Minh	Nữ	28/08/1996	Thái Bình	7.6	Khá	D14TC01	
2158	1423402010024	Nguyễn Oanh Ngọc	Minh	Nữ	17/01/1996	Tp. HCM	6.6	TB Khá	D14TC01	
2159	1423402010025	Vòng Khin	Mỹ	Nam	05/10/1996	Bình Phước	7.5	Khá	D14TC01	
2160	1423402010026	Ngô Thị Kim	Ngọc	Nữ	08/06/1996	Bình Phước	7.5	Khá	D14TC01	
2161	1423402010027	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	Nữ	31/10/1996	Bình Dương	6.7	TB Khá	D14TC01	
2162	1423402010028	Nguyễn Thị Như	Ngọc	Nữ	04/08/1996	Bình Dương	7.6	Khá	D14TC01	
2163	1423402010080	Nguyễn Thị Kim	Nhận	Nữ	17/12/1996	Bình Dương	6.9	TB Khá	D14TC01	
2164	1423402010033	Võ Thị Tuyết	Nhung	Nữ	23/12/1996	Bình Dương	6.4	TB Khá	D14TC01	
2165	1423402010034	Nguyễn Thị Hoàng	Oanh	Nữ	12/06/1996	Bình Dương	7.1	Khá	D14TC01	
2166	1423402010037	Lê Ngân	Phú	Nữ	16/09/1995	Bình Dương	7.4	Khá	D14TC01	
2167	1423402010035	Hồ Hoài	Phương	Nữ	21/12/1996	Bình Dương	7.3	Khá	D14TC01	
2168	1423402010040	Huỳnh Văn	Qui	Nam	02/10/1993	Sông Bé	6.5	TB Khá	D14TC01	
2169	1423402010039	Nguyễn Huy	Quốc	Nam	21/01/1995	Tp. HCM	7.0	Khá	D14TC01	
2170	1423402010043	Nguyễn Thành	Sang	Nam	23/10/1996	Bình Dương	7.5	Khá	D14TC01	
2171	1423402010042	Lê Hoàng	Son	Nam	28/07/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14TC01	
2172	1423402010045	Lê Huỳnh Như	Thảo	Nữ	09/04/1996	Bình Dương	6.4	TB Khá	D14TC01	
2173	1423402010046	Lê Thị Phương	Thảo	Nữ	29/06/1996	Đắk Lắk	7.5	Khá	D14TC01	
2174	1423402010074	Nguyễn Thanh	Thuận	Nữ	23/07/1996	Bình Dương	7.2	Khá	D14TC01	
2175	1423402010071	Lê Hoài	Thương	Nữ	13/05/1996	Bình Dương	7.1	Khá	D14TC01	
2176	1423402010094	Nguyễn Ngọc Ngân	Thương	Nữ	01/03/1996	Tp. HCM	6.5	TB Khá	D14TC01	
2177	1423402010084	Phạm Thị Thanh	Thuý	Nữ	17/12/1996	Bình Dương	7.1	Khá	D14TC01	
2178	1423402010049	Nguyễn Tường Phương	Thy	Nữ	08/01/1996	Tp. HCM	7.2	Khá	D14TC01	
2179	1423402010051	Nguyễn Ngọc	Trâm	Nữ	22/01/1996	Bình Dương	7.5	Khá	D14TC01	
2180	1423402010078	Trần Thị Bích	Trâm	Nữ	02/09/1996	Bình Dương	6.7	TB Khá	D14TC01	
2181	1423402010053	Cao Thị	Trang	Nữ	13/06/1996	Thanh Hóa	6.4	TB Khá	D14TC01	
2182	1423402010054	Huỳnh Minh	Trang	Nữ	20/06/1996	Bình Dương	6.9	TB Khá	D14TC01	
2183	1423402010064	Lê Thị	Trang	Nữ	05/10/1996	Bình Dương	6.7	TB Khá	D14TC01	
2184	1423402010055	Ngô Thị Mỹ	Trang	Nữ	14/02/1996	Sông Bé	7.2	Khá	D14TC01	
2185	1423402010056	Nguyễn Thị Mai	Trinh	Nữ	09/05/1995	Bình Dương	6.6	TB Khá	D14TC01	
2186	1423402010057	Hoàng Ngọc Tú	Uyên	Nữ	06/03/1996	Tp. HCM	6.5	TB Khá	D14TC01	
2187	1423402010058	Võ Hoàng Tổ	Uyên	Nữ	15/12/1996	Bình Dương	6.7	TB Khá	D14TC01	
2188	1423402010059	Nguyễn Thị Thủy	Vi	Nữ	14/09/1996	Tp. HCM	7.2	Khá	D14TC01	
2189	1423402010060	Trần Ngọc	Y	Nữ	31/10/1996	Bình Dương	7.2	Khá	D14TC01	
2190	1423402010102	Trần Kim	Anh	Nữ	20/03/1996	Bình Dương	8.0	Giỏi	D14TC02	
2191	1423402010140	Trần Ngọc Tuấn	Anh	Nam	29/03/1996	Hà Nội	7.0	Khá	D14TC02	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
2192	1423402010153	Vũ Ngọc Vân	Anh	Nữ	04/04/1996	Bình Dương	7.3	Khá	D14TC02	
2193	1423402010137	Đào Thị Kim	Chân	Nữ	24/07/1996	Cần Thơ	7.8	Khá	D14TC02	
2194	1423402010163	Võ Lê Thành	Đạt	Nam	08/12/1995	Quảng Ngãi	7.2	Khá	D14TC02	
2195	1423402010122	Huỳnh Thị Hồng	Đông	Nữ	20/01/1996	Bình Phước	7.3	Khá	D14TC02	
2196	1423402010179	Trần Thị Hải	Dung	Nữ	11/12/1996	Bình Phước	7.6	Khá	D14TC02	
2197	1423402010124	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Nữ	09/09/1996	Bình Dương	7.5	Khá	D14TC02	
2198	1423402010148	Vũ Thị	Huyền	Nữ	04/09/1995	Bắc Giang	7.4	Khá	D14TC02	
2199	1423402010165	Mai Trần Duy	Khánh	Nam	03/10/1995	Tp. HCM	7.2	Khá	D14TC02	
2200	1423402010133	Nguyễn Hoàng	Khánh	Nam	07/12/1996	Bình Dương	7.2	Khá	D14TC02	
2201	1423402010127	Trần Nguyễn Bảo	Khánh	Nữ	06/05/1996	Bình Dương	6.7	TB Khá	D14TC02	
2202	1423402010108	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	Nữ	16/06/1996	Bình Dương	8.0	Giỏi	D14TC02	
2203	1423402010177	Nguyễn Thị	Loan	Nữ	11/05/1996	Phú Yên	7.1	Khá	D14TC02	
2204	1423402010176	Ngô Xuân	Lộc	Nam	09/01/1996	Bình Dương	7.5	Khá	D14TC02	
2205	1423402010139	Quách Thị	Lương	Nữ	07/09/1996	Hải Phòng	7.2	Khá	D14TC02	
2206	1423402010194	Võ Trung	Luyến	Nữ	27/05/1995	Quảng Nam	7.1	Khá	D14TC02	
2207	1423402010212	Nguyễn Đình Hoàng	Nghi	Nữ	13/11/1996	Bình Dương	7.0	Khá	D14TC02	
2208	1423402010063	Nguyễn Minh	Nghĩa	Nam	12/10/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14TC02	
2209	1423402010111	Phạm Nguyễn Như	Ngọc	Nữ	21/11/1996	Tp. HCM	7.2	Khá	D14TC02	
2210	1423402010196	Nguyễn Thảo	Nhi	Nữ	19/11/1995	Phú Yên	7.3	Khá	D14TC02	
2211	1423402010104	Nguyễn Yến	Nhi	Nữ	13/05/1996	Bình Dương	8.4	Giỏi	D14TC02	
2212	1423402010099	Phạm Yến	Nhi	Nữ	06/03/1996	Bình Dương	7.6	Khá	D14TC02	
2213	1423402010115	Lê Trần Huỳnh	Như	Nữ	20/02/1996	Bình Dương	7.5	Khá	D14TC02	
2214	1423402010119	Biện Thị Tuyết	Nhung	Nữ	19/04/1996	Bình Dương	7.2	Khá	D14TC02	
2215	1423402010204	Chu Văn	Phúc	Nam	13/07/1996	Nghệ An	7.5	Khá	D14TC02	
2216	1423402010142	Đặng Thị	Quý	Nữ	05/04/1996	Bình Dương	7.6	Khá	D14TC02	
2217	1423402010187	Nguyễn Thảo	Quỳnh	Nữ	05/09/1996	Tây Ninh	7.6	Khá	D14TC02	
2218	1423402010147	Bùi Thị	Thanh	Nữ	20/11/1996	Thanh Hóa	7.3	Khá	D14TC02	
2219	1423402010210	Đồng Thị Thu	Thảo	Nữ	20/01/1996	Bình Dương	6.9	TB Khá	D14TC02	
2220	1423402010097	Dương Thị Ngọc	Thảo	Nữ	18/07/1996	Bình Phước	7.6	Khá	D14TC02	
2221	1423402010132	Lê Thị	Thêu	Nữ	29/10/1996	Vĩnh Phúc	7.9	Khá	D14TC02	
2222	1423402010160	Nguyễn Hoàng	Thiên	Nữ	05/08/1996	Bến Tre	7.4	Khá	D14TC02	
2223	1423402010120	Nguyễn Ngọc	Thịnh	Nam	08/04/1996	Quảng Trị	7.7	Khá	D14TC02	
2224	1423402010195	Nguyễn Huy	Thọ	Nam	26/10/1996	Kon Tum	6.8	TB Khá	D14TC02	
2225	1423402010173	Nguyễn Minh	Thống	Nam	23/10/1996	Bình Dương	7.6	Khá	D14TC02	
2226	1423402010138	Phan Quốc Anh	Thư	Nữ	09/12/1996	Bình Dương	8.1	Giỏi	D14TC02	
2227	1423402010100	Trần Ngọc	Thùy	Nữ	29/11/1996	Bình Dương	7.8	Khá	D14TC02	
2228	1423402010149	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	Nữ	07/12/1995	Bình Dương	7.3	Khá	D14TC02	
2229	1423402010125	Dương Ngọc	Thy	Nữ	19/11/1996	Bình Dương	8.2	Giỏi	D14TC02	
2230	1423402010158	Nguyễn Thị Thùy	Tiên	Nữ	06/11/1996	Đắk Lắk	7.7	Khá	D14TC02	
2231	1423402010131	Trần Thị Thanh	Tinh	Nữ	01/08/1996	Bình Phước	6.5	TB Khá	D14TC02	
2232	1423402010189	Mạc Nguyễn Bảo	Trâm	Nữ	30/09/1995	Lâm Đồng	7.7	Khá	D14TC02	
2233	1423402010159	Đặng Thùy	Trang	Nữ	29/02/1996	Bình Phước	6.9	TB Khá	D14TC02	
2234	1423402010106	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	02/02/1996	Bình Dương	6.7	TB Khá	D14TC02	
2235	1423402010169	Nguyễn Thị Thùy	Trang	Nữ	10/07/1996	Bình Định	8.0	Giỏi	D14TC02	
2236	1423402010152	Trương Thị Hà Mỹ	Trang	Nữ	07/04/1996	Bến Tre	7.1	Khá	D14TC02	
2237	1423402010211	Phạm Phước	Trung	Nam	20/11/1996	Bình Dương	7.8	Khá	D14TC02	
2238	1423402010146	Phan Thị	Tươi	Nữ	14/04/1996	TT. Huế	7.7	Khá	D14TC02	
2239	1423402010209	Nguyễn Thị Như	Út	Nữ	27/07/1996	Phú Yên	7.4	Khá	D14TC02	
2240	1423402010205	Trần Ngọc Nhựt	Vân	Nữ	04/10/1996	Bình Phước	8.1	Giỏi	D14TC02	
2241	1423402010161	Võ Thị Thủy	Vy	Nữ	26/01/1996	Bình Phước	7.1	Khá	D14TC02	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
2242	1421402020001	Phan Thị Thúy	Ái	Nữ	19/05/1996	Bến Tre	6.7	TB Khá	D14TH01
2243	1421402020010	Hồ Thị	An	Nữ	02/02/1995	Đắk Lắk	6.3	TB Khá	D14TH01
2244	1421402020011	Ngô Thị Trường	An	Nữ	06/09/1995	Bình Phước	6.3	TB Khá	D14TH01
2245	1421402020012	Nguyễn Hoàng Thanh	An	Nữ	08/03/1996	Bình Dương	6.7	TB Khá	D14TH01
2246	1421402020013	Dương Văn	Anh	Nữ	21/05/1996	Tp. HCM	6.5	TB Khá	D14TH01
2247	1421402020014	Hồ Minh	Anh	Nam	11/11/1996	Bình Dương	6.3	TB Khá	D14TH01
2248	1421402020015	Lê Ngọc Hồng	Anh	Nữ	08/06/1996	Sông Bé	6.5	TB Khá	D14TH01
2249	1421402020016	Lê Thị Vân	Anh	Nữ	29/03/1996	Bình Dương	7.0	Khá	D14TH01
2250	1421402020017	Nguyễn Thị	Anh	Nữ	23/05/1995	Hải Dương	6.4	TB Khá	D14TH01
2251	1421402020018	Phạm Vũ Hoàng	Anh	Nữ	11/02/1996	Sông Bé	7.0	Khá	D14TH01
2252	1421402020020	Trần Thị Quế	Anh	Nữ	01/11/1996	Bình Dương	6.9	TB Khá	D14TH01
2253	1421402020019	Trương Thị Lan	Anh	Nữ	07/05/1996	Gia Lai	6.5	TB Khá	D14TH01
2254	1421402020021	Vũ Thị Vân	Anh	Nữ	09/04/1996	Thái Bình	7.1	Khá	D14TH01
2255	1421402020002	Lê Thị Ngọc	Ánh	Nữ	20/09/1996	Bình Dương	6.9	TB Khá	D14TH01
2256	1421402020003	Nguyễn Hồng Ngọc	Ánh	Nữ	22/09/1996	Sông Bé	6.4	TB Khá	D14TH01
2257	1421402020023	Nguyễn Thị	Bình	Nữ	15/10/1995	Thanh Hóa	6.5	TB Khá	D14TH01
2258	1421402020026	Lê Thị Hồng	Châu	Nữ	12/12/1996	Đắk Lắk	6.4	TB Khá	D14TH01
2259	1421402020028	Doanh Thị Kim	Chi	Nữ	07/02/1995	Bình Phước	7.0	Khá	D14TH01
2260	1421402020030	Nguyễn Thị Bích	Chi	Nữ	12/02/1991	Sông Bé	6.8	TB Khá	D14TH01
2261	1421402020031	Nguyễn Thị Kim	Chi	Nữ	17/10/1996	Long An	6.5	TB Khá	D14TH01
2262	1421402020032	Đỗ Thị Việt	Chinh	Nữ	29/10/1996	Bình Dương	6.9	TB Khá	D14TH01
2263	1421402020033	Dương Thị	Chinh	Nữ	05/10/1996	Đồng Nai	6.5	TB Khá	D14TH01
2264	1421402020034	Lê Thị	Chung	Nữ	27/12/1996	Thanh Hóa	6.3	TB Khá	D14TH01
2265	1421402020035	Mai Thị Thu	Chung	Nữ	02/07/1996	Bình Định	6.9	TB Khá	D14TH01
2266	1421402020025	Nguyễn Ngọc Kim	Cương	Nữ	20/09/1996	Bình Dương	6.7	TB Khá	D14TH01
2267	1421402020004	Lê Thị Anh	Đào	Nữ	24/10/1995	BR. Vũng Tàu	6.4	TB Khá	D14TH01
2268	1421402020005	Phạm Thị Anh	Đào	Nữ	16/11/1995	Bình Dương	6.4	TB Khá	D14TH01
2269	1421402020007	Trần Thị	Đào	Nữ	08/11/1996	Bình Phước	6.5	TB Khá	D14TH01
2270	1421402020006	Trương Thị	Đào	Nữ	05/08/1995	Quảng Ngãi	5.8	TB	D14TH01
2271	1421402020008	Nguyễn Ngọc	Đẹp	Nữ	13/09/1994	Bình Phước	7.0	Khá	D14TH01
2272	1421402020040	Huỳnh Thị	Diễm	Nữ	03/10/1996	Đắk Lắk	7.0	Khá	D14TH01
2273	1421402020042	Lê Cao Hiền	Diệu	Nữ	17/12/1996	Bình Phước	6.5	TB Khá	D14TH01
2274	1421402020043	Quách Thị	Diệu	Nữ	25/08/1995	Thái Bình	6.3	TB Khá	D14TH01
2275	1421402020044	Nguyễn Thị	Dịu	Nữ	06/05/1996	Bình Thuận	6.7	TB Khá	D14TH01
2276	1421402020009	Nguyễn Minh	Đức	Nam	25/09/1990	Sông Bé	6.9	TB Khá	D14TH01
2277	1421402020045	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	Nữ	01/06/1989	Bình Dương	7.0	Khá	D14TH01
2278	1421402020046	Võ Thị Mỹ	Dung	Nữ	24/04/1996	Bình Dương	6.9	TB Khá	D14TH01
2279	1421402020036	Hồ Thị Thùy	Dương	Nữ	16/04/1996	Bình Dương	7.1	Khá	D14TH01
2280	1421402020037	Ngô Thị Thuý	Dương	Nữ	08/08/1996	Bình Dương	6.6	TB Khá	D14TH01
2281	1421402020038	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	11/01/1995	Bình Dương	6.2	TB Khá	D14TH01
2282	1421402020039	Nguyễn Thị Thùy	Dương	Nữ	02/12/1996	Bình Dương	7.0	Khá	D14TH01
2283	1421402020047	Huỳnh Thị Mỹ	Duyên	Nữ	16/11/1996	Bình Dương	6.4	TB Khá	D14TH01
2284	1421402020048	Lê Thị Mỹ	Duyên	Nữ	23/12/1995	Quảng Ngãi	6.8	TB Khá	D14TH01
2285	1421402020049	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	Nữ	03/08/1996	Bình Phước	6.7	TB Khá	D14TH01
2286	1421402020050	Phí Thị Ngọc	Duyên	Nữ	06/11/1996	Bình Phước	6.9	TB Khá	D14TH01
2287	1421402020051	Va Nhông Thị	Duyên	Nữ	04/05/1996	Ninh Thuận	6.7	TB Khá	D14TH01
2288	1421402020052	Nguyễn Thị Hồng	Gấm	Nữ	04/10/1996	Bình Dương	7.2	Khá	D14TH01
2289	1421402020056	Nguyễn Thị Cẩm	Giang	Nữ	15/01/1996	Bình Dương	7.3	Khá	D14TH01
2290	1421402020057	Phạm Thị	Giang	Nữ	01/12/1996	Bình Dương	6.6	TB Khá	D14TH01
2291	1421402020053	Vương Ngọc	Giàu	Nữ	09/03/1996	Bình Dương	6.6	TB Khá	D14TH01

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
2292	1421402020058	Lê Thị Thanh	Hằng	Nữ	10/06/1996	Bình Phước	7.0	Khá	D14TH01	
2293	1421402020060	Lê Thị Thúy	Hằng	Nữ	06/01/1996	Bình Dương	7.8	Khá	D14TH01	
2294	1421402020070	Nguyễn Bảo	Hà	Nữ	30/01/1996	Tp. HCM	6.9	TB Khá	D14TH02	
2295	1421402020071	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	Nữ	22/04/1996	Sông Bé	6.8	TB Khá	D14TH02	
2296	1421402020072	Phan Thị	Hà	Nữ	17/12/1996	Đắk Lắk	6.8	TB Khá	D14TH02	
2297	1421402020073	Trần Thụy Khánh	Hà	Nữ	07/09/1996	Tp. HCM	6.7	TB Khá	D14TH02	
2298	1421402020061	Nguyễn Thị	Hằng	Nữ	31/08/1994	Bình Dương	6.5	TB Khá	D14TH02	
2299	1421402020062	Phạm Thị Thúy	Hằng	Nữ	28/01/1996	Đắk Lắk	6.5	TB Khá	D14TH02	
2300	1421402020063	Phan Thị Thanh	Hằng	Nữ	02/09/1996	Sông Bé	6.9	TB Khá	D14TH02	
2301	1421402020076	Huỳnh Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	21/10/1996	Bình Dương	6.3	TB Khá	D14TH02	
2302	1421402020077	Lê Thị Hồng	Hạnh	Nữ	21/09/1996	Bình Dương	6.9	TB Khá	D14TH02	
2303	1421402020075	Trần Thị Ngọc	Hào	Nữ	05/11/1996	Bình Dương	6.4	TB Khá	D14TH02	
2304	1421402020081	Hoàng Thị	Hậu	Nữ	15/01/1996	Bình Dương	6.7	TB Khá	D14TH02	
2305	1421402020082	Đỗ Thị	Hiền	Nữ	12/12/1996	Nam Định	6.2	TB Khá	D14TH02	
2306	1421402020083	Hoàng Thị Thu	Hiền	Nữ	15/12/1996	Lâm Đồng	6.7	TB Khá	D14TH02	
2307	1421402020084	Lê Thị Thu	Hiền	Nữ	25/01/1996	Thanh Hóa	6.5	TB Khá	D14TH02	
2308	1421402020085	Nhữ Thị Thu	Hiền	Nữ	28/05/1996	Đắk Lắk	6.6	TB Khá	D14TH02	
2309	1421402020086	Phạm Thị Duy	Hiền	Nữ	08/10/1996	Sông Bé	6.7	TB Khá	D14TH02	
2310	1421402020087	Trần Thị Minh	Hiếu	Nữ	11/11/1996	Bình Dương	6.6	TB Khá	D14TH02	
2311	1421402020078	Lê Thị	Hóa	Nữ	26/08/1996	Bình Dương	6.7	TB Khá	D14TH02	
2312	1421402020093	Trần Thị	Hòa	Nữ	14/04/1996	Đắk Lắk	6.7	TB Khá	D14TH02	
2313	1421402020088	Nguyễn Thị	Hoài	Nữ	24/11/1996	Sông Bé	6.7	TB Khá	D14TH02	
2314	1421402020089	Phạm Thị Thu	Hoài	Nữ	12/03/1996	Sông Bé	6.9	TB Khá	D14TH02	
2315	1421402020090	Mai Thị	Hoàn	Nữ	12/01/1996	Đắk Lắk	6.5	TB Khá	D14TH02	
2316	1421402020091	Trần Thị	Hoàn	Nữ	01/07/1996	Lâm Đồng	6.1	TB Khá	D14TH02	
2317	1421402020092	Nguyễn Thị Kim	Hoàng	Nữ	07/09/1996	Sông Bé	6.2	TB Khá	D14TH02	
2318	1421402020079	Đặng Thị Ngọc	Hồng	Nữ	29/10/1996	Bình Dương	6.6	TB Khá	D14TH02	
2319	1421402020094	Nguyễn Thị	Huệ	Nữ	06/12/1996	Ninh Bình	7.1	Khá	D14TH02	
2320	1421402020064	Đỗ Thị Kim	Hương	Nữ	18/12/1996	Bình Dương	7.1	Khá	D14TH02	
2321	1421402020065	Mã Thị	Hương	Nữ	30/10/1996	Ninh Bình	7.1	Khá	D14TH02	
2322	1421402020066	Nguyễn Thị Mai	Hương	Nữ	16/08/1995	Đắk Lắk	6.6	TB Khá	D14TH02	
2323	1421402020067	Phạm Thị	Hương	Nữ	20/04/1995	Thái Bình	6.7	TB Khá	D14TH02	
2324	1421402020068	Thiều Thị	Hương	Nữ	25/02/1996	Bình Dương	6.6	TB Khá	D14TH02	
2325	1421402020069	Vũ Thị Thu	Hương	Nữ	29/11/1996	Bình Dương	6.7	TB Khá	D14TH02	
2326	1421402020095	Huỳnh Phạm Bích	Huyền	Nữ	19/05/1996	Bình Dương	6.7	TB Khá	D14TH02	
2327	1421402020096	Kiều Thị	Huyền	Nữ	18/03/1996	Vĩnh Phú	6.6	TB Khá	D14TH02	
2328	1421402020097	Lê Thị Thu	Huyền	Nữ	26/12/1996	Gia Lai	6.7	TB Khá	D14TH02	
2329	1421402020098	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	04/01/1996	Thanh Hóa	6.5	TB Khá	D14TH02	
2330	1421402020099	Trương Thị Hoài	Khương	Nữ	18/09/1996	Sông Bé	6.6	TB Khá	D14TH02	
2331	1421402020100	Hoàng Thị	Khuyên	Nữ	23/08/1996	Đồng Nai	6.6	TB Khá	D14TH02	
2332	1421402020103	Ngô Đình Ngọc	Lanh	Nữ	01/12/1995	Cà Mau	6.8	TB Khá	D14TH02	
2333	1421402020104	Nguyễn Thị	Liên	Nữ	10/10/1996	Bình Thuận	7.1	Khá	D14TH02	
2334	1421402020105	Phạm Thị Kim	Liên	Nữ	23/11/1996	Bình Phước	7.0	Khá	D14TH02	
2335	1421402020106	Dương Thị Trúc	Linh	Nữ	06/04/1996	Bình Dương	7.1	Khá	D14TH02	
2336	1421402020107	Hà Thị Trúc	Linh	Nữ	18/09/1996	Bình Dương	6.9	TB Khá	D14TH02	
2337	1421402020108	Hoàng Thị Ngọc	Linh	Nữ	15/09/1996	Bình Dương	6.8	TB Khá	D14TH02	
2338	1421402020109	Nguyễn Ngọc Thủy	Linh	Nữ	20/09/1996	Sông Bé	6.7	TB Khá	D14TH02	
2339	1421402020110	Nguyễn Thị Thùy	Linh	Nữ	24/03/1996	Sông Bé	6.3	TB Khá	D14TH02	
2340	1421402020111	Nguyễn Thủy	Linh	Nữ	26/12/1996	Bình Dương	6.8	TB Khá	D14TH02	
2341	1421402020112	Nguyễn Thủy	Linh	Nữ	10/08/1996	Đắk Lắk	6.5	TB Khá	D14TH02	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
2342	1421402020113	Phan Thị Thùy	Linh	Nữ	04/10/1996	Bình Phước	6.8	TB Khá	D14TH02	
2343	1421402020114	Trần Thị Thùy	Linh	Nữ	22/04/1996	Bình Dương	6.3	TB Khá	D14TH02	
2344	1421402020115	Trần Thị Thùy	Linh	Nữ	22/02/1996	Lâm Đồng	7.1	Khá	D14TH02	
2345	1421402020116	Võ Hoài	Linh	Nữ	13/09/1996	Sông Bé	6.6	TB Khá	D14TH02	
2346	1421402020118	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Loan	Nữ	10/11/1996	Sông Bé	7.8	Khá	D14TH03	
2347	1421402020119	Đinh Thị	Luyến	Nữ	01/01/1996	Bình Phước	7.9	Khá	D14TH03	
2348	1421402020120	Bùi Phương	Mai	Nữ	14/06/1996	Đồng Nai	8.0	Giỏi	D14TH03	
2349	1421402020121	Nguyễn Thị Ngọc	Mai	Nữ	29/02/1996	Bình Dương	8.4	Giỏi	D14TH03	
2350	1421402020123	Nguyễn Thị	Mến	Nữ	21/07/1996	Bình Thuận	8.3	Giỏi	D14TH03	
2351	1421402020122	Bùi Thị Hoài	Mi	Nữ	15/06/1996	Lâm Đồng	8.3	Giỏi	D14TH03	
2352	1421402020126	Tạ Trà	My	Nữ	07/04/1996	Bình Dương	8.5	Giỏi	D14TH03	
2353	1421402020124	Lê Thị Thủy	Mỹ	Nữ	30/08/1996	Hà Tĩnh	7.6	Khá	D14TH03	
2354	1421402020125	Trịnh Thị Ngọc	Mỹ	Nữ	15/06/1996	Thanh Hóa	8.0	Giỏi	D14TH03	
2355	1421402020132	Bùi Vũ Quỳnh	Nga	Nữ	16/06/1995	Sông Bé	8.2	Giỏi	D14TH03	
2356	1421402020133	Dương Thị Hồng	Nga	Nữ	26/11/1996	Sông Bé	7.8	Khá	D14TH03	
2357	1421402020134	Lê Thị Kiều	Nga	Nữ	10/02/1995	Đắk Lắk	8.3	Giỏi	D14TH03	
2358	1421402020135	Võ Lê Phú	Nga	Nữ	04/04/1996	Sông Bé	8.0	Giỏi	D14TH03	
2359	1421402020127	Lâm Huỳnh Kim	Ngân	Nữ	09/03/1996	Tp. HCM	8.5	Giỏi	D14TH03	
2360	1421402020128	Lê Thị Kim	Ngân	Nữ	10/12/1996	Bình Dương	7.9	Khá	D14TH03	
2361	1421402020129	Nguyễn Mai	Ngân	Nữ	21/03/1996	Tp. HCM	8.1	Giỏi	D14TH03	
2362	1421402020130	Nguyễn Phương	Ngân	Nữ	11/06/1995	Sông Bé	8.2	Giỏi	D14TH03	
2363	1421402020131	Võ Thị Kim	Ngân	Nữ	12/12/1995	Sông Bé	8.1	Giỏi	D14TH03	
2364	1421402020136	Đào Bích	Ngọc	Nữ	30/07/1995	Thái Nguyên	8.3	Giỏi	D14TH03	
2365	1421402020137	Nguyễn Thị Tuyết	Ngọc	Nữ	06/09/1996	Long An	8.3	Giỏi	D14TH03	
2366	1421402020138	Huỳnh Thị Thanh	Nguyên	Nữ	28/11/1995	Bình Thuận	8.1	Giỏi	D14TH03	
2367	1421402020139	Lê Thị	Nguyệt	Nữ	07/07/1996	Sông Bé	8.7	Giỏi	D14TH03	
2368	1421402020141	Phan Thanh	Nhân	Nữ	02/11/1996	Bình Dương	7.9	Khá	D14TH03	
2369	1421402020142	Đặng Thị Ý	Nhi	Nữ	27/08/1996	Sông Bé	8.1	Giỏi	D14TH03	
2370	1421402020143	Hà Thị Thu	Nhi	Nữ	03/09/1996	Sông Bé	8.3	Giỏi	D14TH03	
2371	1421402020144	Lê Huỳnh Thảo	Nhi	Nữ	22/09/1995	Tây Ninh	8.3	Giỏi	D14TH03	
2372	1421402020145	Lưu Huỳnh Yến	Nhi	Nữ	23/10/1996	Sông Bé	8.5	Giỏi	D14TH03	
2373	1421402020146	Nguyễn Thị Hồng	Nhi	Nữ	09/04/1996	Bình Dương	7.8	Khá	D14TH03	
2374	1421402020147	Trần Hồng	Nhi	Nữ	18/09/1996	Đồng Nai	8.1	Giỏi	D14TH03	
2375	1421402020148	Trần Hồng	Nhi	Nữ	15/05/1995	Bình Phước	8.0	Giỏi	D14TH03	
2376	1421402020149	Trần Lương Bảo	Nhi	Nữ	26/08/1996	Sông Bé	8.4	Giỏi	D14TH03	
2377	1421402020150	Trần Võ Thảo	Nhiên	Nữ	11/04/1996	Sông Bé	8.7	Giỏi	D14TH03	
2378	1421402020140	Trương Thị Quỳnh	Như	Nữ	24/12/1996	Bình Dương	8.5	Giỏi	D14TH03	
2379	1421402020151	Đinh Thị Tuyết	Nhung	Nữ	24/04/1996	Bình Dương	8.2	Giỏi	D14TH03	
2380	1421402020152	Nguyễn Ngọc	Nhung	Nữ	12/01/1996	Bình Dương	8.3	Giỏi	D14TH03	
2381	1421402020154	Võ Thị Hồng	Nhung	Nữ	18/09/1996	Sông Bé	8.2	Giỏi	D14TH03	
2382	1421402020155	Hồ Thị	Nụ	Nữ	16/09/1996	Nghệ An	8.1	Giỏi	D14TH03	
2383	1421402020156	Hồ Thị Thúy	Oanh	Nữ	11/11/1996	Tp. HCM	8.1	Giỏi	D14TH03	
2384	1421402020157	Phùng Thị Tú	Oanh	Nữ	23/01/1996	Đồng Nai	8.1	Giỏi	D14TH03	
2385	1421402020166	Nguyễn Hoàng	Phúc	Nam	15/08/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14TH03	
2386	1421402020167	Lê Thị	Phụng	Nữ	10/10/1996	Bình Phước	8.2	Giỏi	D14TH03	
2387	1421402020158	Lê Thị Bích	Phương	Nữ	05/08/1996	Bình Phước	8.0	Giỏi	D14TH03	
2388	1421402020159	Lê Thị Mai	Phương	Nữ	16/10/1996	Thanh Hóa	8.4	Giỏi	D14TH03	
2389	1421402020160	Nguyễn Thị Xuân	Phương	Nữ	10/01/1996	Sông Bé	8.6	Giỏi	D14TH03	
2390	1421402020161	Trần Thị	Phương	Nữ	24/02/1995	Lâm Đồng	7.7	Khá	D14TH03	
2391	1421402020162	Lê Thị	Phượng	Nữ	04/06/1994	Hà Tĩnh	8.2	Giỏi	D14TH03	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
2392	1421402020163	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	05/05/1996	Bình Thuận	8.4	Giỏi	D14TH03	
2393	1421402020164	Trần Thu	Phượng	Nữ	26/01/1996	Thái Nguyên	7.8	Khá	D14TH03	
2394	1421402020165	Võ Thị Uyên	Phượng	Nữ	27/01/1996	Bình Dương	8.2	Giỏi	D14TH03	
2395	1421402020168	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	Nữ	20/06/1996	Đắk Lắk	7.8	Khá	D14TH03	
2396	1421402020170	Quách Ngọc Như	Quỳnh	Nữ	28/09/1996	Đồng Nai	8.1	Giỏi	D14TH03	
2397	1421402020171	Trần Thị	Quỳnh	Nữ	15/02/1995	Đắk Lắk	8.0	Giỏi	D14TH03	
2398	1421402020174	Bùi Thị Lệ	Quỳnh	Nữ	21/11/1996	Sông Bé	7.6	Khá	D14TH04	
2399	1421402020172	Trịnh Thị	Quỳnh	Nữ	14/09/1996	Thanh Hóa	8.0	Giỏi	D14TH04	
2400	1421402020176	Trần Kiều	Sang	Nữ	16/03/1996	Bình Dương	7.5	Khá	D14TH04	
2401	1421402020175	Nguyễn Thị Diễm	Sương	Nữ	06/07/1995	Sông Bé	7.3	Khá	D14TH04	
2402	1421402020180	Tăng Tiến	Tài	Nam	23/03/1995	Thanh Hóa	7.5	Khá	D14TH04	
2403	1421402020177	Hoàng Ngọc Minh	Tâm	Nữ	29/08/1995	Đồng Nai	8.2	Giỏi	D14TH04	
2404	1421402020179	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	Nữ	15/04/1996	Sông Bé	8.2	Giỏi	D14TH04	
2405	1421402020192	Phạm Thị Diệu	Thanh	Nữ	14/12/1995	Sông Bé	8.2	Giỏi	D14TH04	
2406	1421402020194	Trương Ngọc Thiên	Thanh	Nữ	02/03/1996	Sông Bé	7.8	Khá	D14TH04	
2407	1421402020195	Trương Thị	Thanh	Nữ	21/04/1996	Hải Dương	7.5	Khá	D14TH04	
2408	1421402020196	Võ Thị Thanh	Thanh	Nữ	20/04/1996	Bình Dương	7.5	Khá	D14TH04	
2409	1421402020190	Nguyễn Kim	Thanh	Nữ	19/08/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14TH04	
2410	1421402020185	Cao Thị Thu	Thảo	Nữ	09/09/1996	Bình Dương	8.0	Giỏi	D14TH04	
2411	1421402020186	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	24/03/1996	Sông Bé	7.4	Khá	D14TH04	
2412	1421402020187	Nguyễn Thị Thu	Thảo	Nữ	10/10/1996	Đắk Lắk	7.4	Khá	D14TH04	
2413	1421402020188	Nhiều Thanh	Thảo	Nữ	12/08/1995	Ninh Thuận	8.0	Giỏi	D14TH04	
2414	1421402020197	Hoàng Thị Bé	Thi	Nữ	19/10/1996	Đắk Lắk	7.4	Khá	D14TH04	
2415	1421402020198	Thái Quốc	Thiệu	Nam	13/09/1996	Sông Bé	7.4	Khá	D14TH04	
2416	1421402020208	Lê Thị	Thoa	Nữ	20/07/1996	Thanh Hóa	8.4	Giỏi	D14TH04	
2417	1421402020209	Phạm Thị Kim	Thoa	Nữ	12/11/1996	Bình Định	8.0	Giỏi	D14TH04	
2418	1421402020181	Lê Thị Kim	Thông	Nữ	19/01/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14TH04	
2419	1421402020213	Lê Thị	Thu	Nữ	30/05/1996	Nghệ An	8.3	Giỏi	D14TH04	
2420	1421402020182	Nguyễn Hoài	Thương	Nữ	28/08/1996	Sông Bé	8.2	Giỏi	D14TH04	
2421	1421402020183	Nguyễn Thị	Thương	Nữ	03/08/1995	Hà Tĩnh	7.5	Khá	D14TH04	
2422	1421402020184	Trần Thị	Thương	Nữ	10/11/1995	Thái Bình	7.8	Khá	D14TH04	
2423	1421402020210	Phạm Thị Ngọc	Thúy	Nữ	26/08/1996	Tp. HCM	7.9	Khá	D14TH04	
2424	1421402020211	Trần Thị Thanh	Thúy	Nữ	20/03/1996	Bình Phước	8.0	Giỏi	D14TH04	
2425	1421402020212	Trần Thị Thanh	Thúy	Nữ	18/07/1996	Sông Bé	7.2	Khá	D14TH04	
2426	1421402020199	Nguyễn Thị Minh	Thùy	Nữ	17/07/1987	Bình Dương	7.7	Khá	D14TH04	
2427	1421402020200	Trần Ngọc	Thùy	Nữ	20/02/1996	Đắk Lắk	7.3	Khá	D14TH04	
2428	1421402020203	Dương Phương	Thùy	Nữ	13/12/1996	Sông Bé	7.7	Khá	D14TH04	
2429	1421402020204	Hồ Thị Xuân	Thùy	Nữ	07/03/1996	Tây Ninh	7.2	Khá	D14TH04	
2430	1421402020205	Hoàng Thị Thu	Thùy	Nữ	19/06/1996	Sông Bé	7.7	Khá	D14TH04	
2431	1421402020207	Nguyễn Thị Bích	Thùy	Nữ	16/08/1996	Thanh Hóa	7.0	Khá	D14TH04	
2432	1421402020202	Ôn Thị Hồng	Thùy	Nữ	06/01/1996	Sông Bé	7.6	Khá	D14TH04	
2433	1421402020214	Lâm Thị Mỹ	Tiên	Nữ	15/04/1996	Bình Phước	7.2	Khá	D14TH04	
2434	1421402020215	Lý Mỹ	Tiên	Nữ	05/02/1996	Sông Bé	8.2	Giỏi	D14TH04	
2435	1421402020216	Phạm Thị Thùy	Tiên	Nữ	01/09/1996	Sông Bé	8.0	Giỏi	D14TH04	
2436	1421402020217	Trần Huỳnh Thùy	Tiên	Nữ	11/10/1996	Tp. HCM	7.5	Khá	D14TH04	
2437	1421402020218	Trần Thị Thùy	Tiên	Nữ	07/11/1996	Quảng Trị	7.5	Khá	D14TH04	
2438	1421402020228	Lê Trần Thanh	Trà	Nữ	12/12/1996	Bình Dương	7.6	Khá	D14TH04	
2439	1421402020223	Chu Ngụy Linh	Trâm	Nữ	22/09/1996	Sông Bé	7.6	Khá	D14TH04	
2440	1421402020224	Nguyễn Ngọc	Trâm	Nữ	05/03/1996	Tp. HCM	7.5	Khá	D14TH04	
2441	1421402020225	Nguyễn Ngọc	Trâm	Nữ	18/12/1996	Gia Lai	7.6	Khá	D14TH04	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
2442	1421402020226	Nguyễn Thùy	Trâm	Nữ	25/11/1996	Tp. HCM	7.9	Khá	D14TH04	
2443	1421402020227	Trần Huyền	Trâm	Nữ	19/10/1996	Tây Ninh	8.1	Giỏi	D14TH04	
2444	1421402020229	Lê Thị	Trang	Nữ	20/08/1996	Vĩnh Phúc	8.2	Giỏi	D14TH04	
2445	1421402020230	Ngô Thị Thuý	Trang	Nữ	17/12/1996	Sông Bé	7.4	Khá	D14TH04	
2446	1421402020231	Nguyễn Thanh	Trang	Nữ	14/01/1996	Bình Dương	7.3	Khá	D14TH04	
2447	1421402020233	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	26/07/1996	Đắk Lắk	8.0	Giỏi	D14TH04	
2448	1421402020232	Nguyễn Thủy Thanh	Trang	Nữ	03/02/1995	Sông Bé	8.0	Giỏi	D14TH04	
2449	1421402020220	Cao Đình Minh	Tú	Nữ	05/04/1995	Lâm Đồng	7.4	Khá	D14TH04	
2450	1421402020219	Đỗ Thị Cẩm	Tú	Nữ	05/01/1996	Sông Bé	7.8	Khá	D14TH04	
2451	1421402020222	Vũ Thị	Tú	Nữ	20/03/1996	Bình Phước	7.7	Khá	D14TH04	
2452	1421402020298	Lý Thị Ngọc	Giàu	Nữ	09/03/1996	Bình Định	6.6	TB Khá	D14TH05	
2453	1421402020293	Nguyễn Thị Diễm	Hằng	Nữ	13/11/1996	Quảng Bình	7.3	Khá	D14TH05	
2454	1421402020282	Tô Thị	Hoa	Nữ	20/04/1996	Vĩnh Phúc	8.3	Giỏi	D14TH05	
2455	1421402020285	Nguyễn Thị Thu	Huyền	Nữ	10/05/1996	Lâm Đồng	7.8	Khá	D14TH05	
2456	1421402020284	Phan Thị Nam	Mai	Nữ	23/11/1995	Tp. HCM	7.6	Khá	D14TH05	
2457	1421402020287	Bùi Thị	My	Nữ	02/08/1995	Lâm Đồng	8.3	Giỏi	D14TH05	
2458	1421402020286	Nguyễn Thị	Nga	Nữ	02/04/1996	Bình Dương	8.3	Giỏi	D14TH05	
2459	1421402020291	Trương Thị Mỹ	Ngọc	Nữ	22/08/1996	Gia Lai	8.1	Giỏi	D14TH05	
2460	1421402020295	Phan Thị Quỳnh	Trâm	Nữ	02/09/1995	Đắk Lắk	7.9	Khá	D14TH05	
2461	1421402020242	Đàng Thị Thu	Trâm	Nữ	05/10/1995	Ninh Thuận	7.7	Khá	D14TH05	
2462	1421402020234	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	20/10/1996	Gia Lai	7.4	Khá	D14TH05	
2463	1421402020235	Phan Thị	Trang	Nữ	10/03/1996	Thanh Hóa	8.0	Giỏi	D14TH05	
2464	1421402020236	Tạ Thị Thu	Trang	Nữ	15/01/1996	Bình Phước	7.6	Khá	D14TH05	
2465	1421402020237	Trà Thị Phương	Trang	Nữ	29/08/1996	Tp. HCM	7.8	Khá	D14TH05	
2466	1421402020238	Trần Thị	Trang	Nữ	10/10/1996	Thanh Hóa	7.7	Khá	D14TH05	
2467	1421402020241	Trịnh Thuý	Trang	Nữ	24/04/1996	Đắk Lắk	7.7	Khá	D14TH05	
2468	1421402020245	Quảng Uyên	Trình	Nữ	14/01/1995	Ninh Thuận	7.2	Khá	D14TH05	
2469	1421402020247	Trần Thị Ngọc	Trình	Nữ	21/08/1996	Đắk Lắk	8.1	Giỏi	D14TH05	
2470	1421402020248	Võ Thị Mai	Trình	Nữ	25/12/1995	Sông Bé	8.2	Giỏi	D14TH05	
2471	1421402020249	Lê Thị Thanh	Trúc	Nữ	15/09/1996	Sông Bé	7.8	Khá	D14TH05	
2472	1421402020250	Nguyễn Huỳnh Thanh	Trúc	Nữ	08/02/1996	Đồng Nai	7.9	Khá	D14TH05	
2473	1421402020251	Nguyễn Thị Kim	Trúc	Nữ	12/11/1996	Bình Dương	7.9	Khá	D14TH05	
2474	1421402020252	Trần Thị Ánh	Trúc	Nữ	18/02/1996	Bình Thuận	7.3	Khá	D14TH05	
2475	1421402020243	Nguyễn Quang	Trường	Nam	12/07/1996	Quảng Bình	7.4	Khá	D14TH05	
2476	1421402020253	Lương Thị Thanh	Tuyền	Nữ	30/12/1996	Bình Dương	8.3	Giỏi	D14TH05	
2477	1421402020254	Bùi Thị Ánh	Tuyết	Nữ	26/11/1996	Bến Tre	7.7	Khá	D14TH05	
2478	1421402020255	Huỳnh Thị Ngọc	Tuyết	Nữ	06/02/1996	Sông Bé	7.9	Khá	D14TH05	
2479	1421402020256	Nguyễn Thị	Uyên	Nữ	07/09/1996	Kon Tum	8.2	Giỏi	D14TH05	
2480	1421402020257	Hán Nữ Tổ	Uyển	Nữ	03/06/1996	Ninh Thuận	8.0	Giỏi	D14TH05	
2481	1421402020258	Lê Thị	Vân	Nữ	04/11/1996	Thanh Hóa	8.1	Giỏi	D14TH05	
2482	1421402020259	Nguyễn Thị	Vân	Nữ	10/11/1994	Nam Hà	8.0	Giỏi	D14TH05	
2483	1421402020260	Nguyễn Thị Bích	Vân	Nữ	08/06/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14TH05	
2484	1421402020261	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	Nữ	29/01/1996	Gia Lai	7.4	Khá	D14TH05	
2485	1421402020262	Phạm Nguyễn Thuý	Vân	Nữ	24/06/1996	Sông Bé	8.1	Giỏi	D14TH05	
2486	1421402020264	Phạm Thị	Vân	Nữ	16/03/1996	Thái Bình	7.6	Khá	D14TH05	
2487	1421402020263	Phạm Thùy Hải	Vân	Nữ	15/11/1996	Sông Bé	7.6	Khá	D14TH05	
2488	1421402020265	Nguyễn Thị Kiều	Viên	Nữ	14/01/1996	Bình Phước	7.5	Khá	D14TH05	
2489	1421402020266	Huỳnh	Vinh	Nữ	10/11/1996	Sông Bé	7.9	Khá	D14TH05	
2490	1421402020268	Lê Hoàng Yến	Vy	Nữ	03/08/1996	Bình Dương	7.2	Khá	D14TH05	
2491	1421402020269	Nguyễn Lam	Vy	Nữ	07/10/1996	Sông Bé	7.8	Khá	D14TH05	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
2492	1421402020270	Phan Thị Vy	Vy	Nữ	05/07/1995	Tây Ninh	7.8	Khá	D14TH05	
2493	1421402020271	Thái Trương Thảo	Vy	Nữ	09/06/1996	Sông Bé	8.0	Giỏi	D14TH05	
2494	1421402020272	Võ Ngọc Yến	Vy	Nữ	27/11/1996	Tp. HCM	7.9	Khá	D14TH05	
2495	1421402020273	Ngô Thị Thúy	Xinh	Nữ	24/07/1996	Bình Thuận	8.1	Giỏi	D14TH05	
2496	1421402020274	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	Nữ	16/02/1996	Bình Dương	7.6	Khá	D14TH05	
2497	1421402020275	Phan Thị Thanh	Xuân	Nữ	29/09/1996	Sông Bé	8.2	Giỏi	D14TH05	
2498	1421402020276	Đào Hà	Xuyên	Nữ	24/07/1995	Bình Dương	7.5	Khá	D14TH05	
2499	1421402020279	Tô Thị	Yến	Nữ	18/01/1996	Sông Bé	8.3	Giỏi	D14TH05	
2500	1421402020281	Trịnh Hải	Yến	Nữ	14/04/1994	Thanh Hóa	8.2	Giỏi	D14TH05	
2501	1421402020280	Trương Thị	Yến	Nữ	20/03/1996	Sông Bé	8.1	Giỏi	D14TH05	
2502	1422202040001	Trần Thị	Anh	Nữ	12/08/1995	Thanh Hóa	7.1	Khá	D14TQ01	
2503	1422202040092	Phạm Thị Thanh	Diệu	Nữ	10/06/1996	Bình Định	7.7	Khá	D14TQ01	
2504	1422202040002	Đào Lệ	Giang	Nữ	10/03/1996	Bình Phước	7.5	Khá	D14TQ01	
2505	1422202040147	Trần Thị Thu	Hà	Nữ	08/09/1995	Bình Dương	7.2	Khá	D14TQ01	
2506	1422202040096	Nguyễn Thị Kim	Hoàng	Nữ	02/05/1996	Bình Dương	8.0	Giỏi	D14TQ01	
2507	1422202040117	Nguyễn Thị Cẩm	Hương	Nữ	30/10/1996	Sông Bé	7.4	Khá	D14TQ01	
2508	1422202040127	Phạm Thị Ngọc	Huyền	Nữ	18/12/1996	Nam Định	7.2	Khá	D14TQ01	
2509	1422202040114	Chu Phi	Khanh	Nữ	15/06/1996	Liên Bang Nga	7.3	Khá	D14TQ01	
2510	1422202040132	Chê Mìn	Kín	Nữ	19/03/1996	Đồng Nai	7.3	Khá	D14TQ01	
2511	1422202040051	Hân Nữ Hồng	Linh	Nữ	30/10/1996	Ninh Thuận	7.4	Khá	D14TQ01	
2512	1422202040142	Hoàng Gia	Linh	Nữ	04/10/1996	Đồng Nai	8.4	Giỏi	D14TQ01	
2513	1422202040005	Trương Ngọc	Linh	Nữ	26/01/1996	Đồng Nai	7.5	Khá	D14TQ01	
2514	1422202040006	Phạm Thị	Loan	Nữ	26/01/1996	Gia Lai	7.2	Khá	D14TQ01	
2515	1422202040120	Đỗ Hoàng	Nam	Nam	30/06/1996	Bình Dương	7.2	Khá	D14TQ01	
2516	1422202040025	Giang Thị Quỳnh	Nga	Nữ	08/08/1995	Bình Dương	7.4	Khá	D14TQ01	
2517	1422202040007	Đàm Tổ	Ngân	Nữ	20/02/1996	Tp. HCM	7.9	Khá	D14TQ01	
2518	1422202040131	Phạm Phú	Nghĩa	Nam	11/12/1995	Bình Phước	7.6	Khá	D14TQ01	
2519	1422202040028	Dương Bảo	Ngọc	Nữ	27/11/1996	Đồng Nai	7.4	Khá	D14TQ01	
2520	1422202040135	Nguyễn Thảo	Nguyễn	Nữ	29/03/1996	Tp. HCM	7.7	Khá	D14TQ01	
2521	1422202040119	Hồ Thị Huỳnh	Như	Nữ	28/02/1996	Vĩnh Long	7.6	Khá	D14TQ01	
2522	1422202040122	Thái Hồng	Phúc	Nữ	28/12/1996	Tp. HCM	7.5	Khá	D14TQ01	
2523	1422202040008	Nguyễn Thị	Phượng	Nữ	20/06/1995	Bình Thuận	7.4	Khá	D14TQ01	
2524	1422202040152	Đặng Nguyễn Tú	Quỳnh	Nữ	13/04/1996	Tp. HCM	7.3	Khá	D14TQ01	
2525	1422202040009	Lê Thị Ngọc	Sương	Nữ	10/06/1995	Bình Dương	7.4	Khá	D14TQ01	
2526	1422202040011	Nguyễn Thị Bích	Thi	Nữ	21/10/1996	Bình Thuận	7.3	Khá	D14TQ01	
2527	1422202040012	Đặng Thị	Thoa	Nữ	15/05/1996	Hà Tĩnh	7.7	Khá	D14TQ01	
2528	1422202040102	Đỗ Nguyễn Hoài	Thư	Nữ	04/10/1996	Sông Bé	7.5	Khá	D14TQ01	
2529	1422202040128	Nguyễn Ái	Thương	Nữ	29/11/1996	Bình Dương	7.6	Khá	D14TQ01	
2530	1422202040151	Nguyễn Thị Y	Thúy	Nữ	08/03/1996	Bình Dương	7.1	Khá	D14TQ01	
2531	1422202040126	Nguyễn Thị Huyền	Trang	Nữ	23/10/1995	Hà Nam	6.9	TB Khá	D14TQ01	
2532	1422202040129	Nguyễn Thị Bích	Tuyền	Nữ	22/01/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14TQ01	
2533	1422202040146	Nguyễn Thị Phương	Uyên	Nữ	31/01/1996	Lâm Đồng	6.7	TB Khá	D14TQ01	
2534	1422202040017	Lê Thị	Xen	Nữ	25/06/1996	Thanh Hóa	6.7	TB Khá	D14TQ01	
2535	1422202040018	Lưu Quỳnh	Xoan	Nữ	10/05/1996	Bình Dương	6.7	TB Khá	D14TQ01	
2536	1422202040145	Nguyễn Thị Kim	Xuyến	Nữ	18/02/1996	Bình Định	6.7	TB Khá	D14TQ01	
2537	1422202040130	Nguyễn Hồng	Yên	Nữ	07/09/1996	Bình Dương	6.7	TB Khá	D14TQ01	
2538	1422202040172	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	Nữ	04/09/1996	Hà Tĩnh	7.8	Khá	D14TQ02	
2539	1422202040211	Nguyễn Thị Kim	Chi	Nữ	20/10/1995	Bình Định	7.5	Khá	D14TQ02	
2540	1422202040191	Phạm Thị Hải	Cơ	Nữ	23/09/1996	Hà Tĩnh	7.4	Khá	D14TQ02	
2541	1422202040192	Lê Thị	Đức	Nữ	08/09/1996	Hà Tĩnh	7.2	Khá	D14TQ02	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
2542	1422202040168	Hà Thị Thuý	Dương	Nữ	15/02/1995	Tiền Giang	6.9	TB Khá	D14TQ02	
2543	1422202040157	Trần Thị	Hằng	Nữ	05/03/1996	Bắc Ninh	7.6	Khá	D14TQ02	
2544	1422202040174	Võ Thị Như	Hào	Nữ	25/04/1996	Quảng Ngãi	6.8	TB Khá	D14TQ02	
2545	1422202040160	Bùi Thị	Hậu	Nữ	20/10/1996	Quảng Ngãi	7.2	Khá	D14TQ02	
2546	1422202040198	Huỳnh Thị	Hiền	Nữ	30/08/1995	Bình Định	7.1	Khá	D14TQ02	
2547	1422202040200	Phan Thị	Hiếu	Nữ	04/08/1996	Hà Tĩnh	7.1	Khá	D14TQ02	
2548	1422202040212	Đặng Thị	Hường	Nữ	20/10/1995	Hà Tĩnh	6.9	TB Khá	D14TQ02	
2549	1422202040215	Lê Thị	Huyền	Nữ	18/07/1995	Bình Dương	6.9	TB Khá	D14TQ02	
2550	1422202040166	Cao Thị	Liên	Nữ	20/04/1995	Hưng Yên	7.3	Khá	D14TQ02	
2551	1422202040195	Phan Thị	Liên	Nữ	20/01/1994	Nghệ An	7.0	Khá	D14TQ02	
2552	1422202040189	Đặng Thị	Lý	Nữ	06/07/1996	Đắk Lắk	7.2	Khá	D14TQ02	
2553	1422202040183	Lê Thị Hồng	Mi	Nữ	21/04/1996	Thanh Hóa	7.2	Khá	D14TQ02	
2554	1422202040186	Phạm Thị Trà	My	Nữ	22/07/1996	Đắk Lắk	7.9	Khá	D14TQ02	
2555	1422202040199	Phạm Thị Thủy	Ngân	Nữ	28/04/1995	Bình Phước	6.5	TB Khá	D14TQ02	
2556	1422202040177	Nông Thị	Nhàn	Nữ	12/12/1995	Đắk Lắk	7.4	Khá	D14TQ02	
2557	1422202040182	Tô Thị Mỹ	Nhung	Nữ	30/06/1996	Ninh Thuận	7.6	Khá	D14TQ02	
2558	1422202040181	Chằng Khung	Sầu	Nam	27/07/1996	Đồng Nai	7.3	Khá	D14TQ02	
2559	1422202040194	Hoàng Thị Hoài	Sương	Nữ	01/01/1996	Quảng Trị	7.2	Khá	D14TQ02	
2560	1422202040164	Lưu Thành	Tài	Nam	23/03/1996	Gia Lai	7.8	Khá	D14TQ02	
2561	1422202040175	Trần Thị Thu	Thảo	Nữ	08/08/1996	Bình Định	7.6	Khá	D14TQ02	
2562	1422202040204	Phạm Thị Kim	Thoa	Nữ	10/04/1994	Quảng Ngãi	6.9	TB Khá	D14TQ02	
2563	1422202040187	Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	13/10/1986	Hải Dương	7.3	Khá	D14TQ02	
2564	1422202040205	Nguyễn Thị	Thùy	Nữ	10/05/1996	Quảng Bình	7.8	Khá	D14TQ02	
2565	1422202040169	Dương Thị	Tiếp	Nữ	01/09/1996	Quảng Bình	7.2	Khá	D14TQ02	
2566	1422202040167	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	09/08/1995	Nam Định	7.3	Khá	D14TQ02	
2567	1422202040179	Phạm Thị Thanh	Trúc	Nữ	27/09/1996	Bình Thuận	6.8	TB Khá	D14TQ02	
2568	1422202040162	Phạm Thị	Tuyên	Nữ	04/01/1995	Hà Tĩnh	7.8	Khá	D14TQ02	
2569	1422202040171	Sỹ A	Ứng	Nam	17/02/1996	Bình Thuận	6.7	TB Khá	D14TQ02	
2570	1422202040155	Nguyễn Thị Thanh	Vân	Nữ	17/02/1995	Bình Dương	7.3	Khá	D14TQ02	
2571	1425802080005	Huỳnh Quốc	Bào	Nam	07/05/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14XD01	
2572	1425802080004	Phạm Công	Bình	Nam	06/06/1995	Bình Phước	7.6	Khá	D14XD01	
2573	1425802080006	Vì Mạnh	Cường	Nam	22/04/1996	Bình Phước	7.6	Khá	D14XD01	
2574	1425802080008	Bùi Kim	Đuẩn	Nam	11/09/1995	Thái Bình	7.5	Khá	D14XD01	
2575	1425802080002	Lê Minh	Đức	Nam	16/09/1996	Bình Dương	7.8	Khá	D14XD01	
2576	1425802080003	Lê Tuấn Anh	Đức	Nam	08/08/1996	Quảng Ngãi	7.1	Khá	D14XD01	
2577	1425802080007	Dương Công	Dũng	Nam	11/01/1996	Đồng Nai	7.0	Khá	D14XD01	
2578	1425802080014	Văn Tấn	Hiền	Nam	20/03/1994	Gia Lai	7.2	Khá	D14XD01	
2579	1425802080016	Bùi Minh	Hiếu	Nam	29/05/1996	Bình Dương	7.0	Khá	D14XD01	
2580	1425802080017	Trần Trung	Hiếu	Nam	12/10/1995	Bình Dương	6.3	TB Khá	D14XD01	
2581	1425802080012	Dương Đình	Hồng	Nam	18/06/1995	Bình Phước	7.2	Khá	D14XD01	
2582	1425802080018	Nguyễn Hoàng	Huy	Nam	21/02/1995	Bình Dương	7.3	Khá	D14XD01	
2583	1425802080019	Trần Bá	Huy	Nam	20/08/1996	Bình Dương	8.4	Giỏi	D14XD01	
2584	1425802080020	Trần Hồ	Khánh	Nam	15/01/1996	Đồng Nai	7.1	Khá	D14XD01	
2585	1425802080022	Võ Văn	Khiêm	Nam	25/09/1996	Ninh Thuận	6.5	TB Khá	D14XD01	
2586	1425802080023	Phan Hồ Minh	Khoa	Nam	13/03/1995	An Giang	6.7	TB Khá	D14XD01	
2587	1425802080024	Nguyễn Trung	Kiên	Nam	05/10/1996	Bình Dương	6.8	TB Khá	D14XD01	
2588	1425802080025	Văn Đình	Lên	Nam	06/02/1995	Quảng Ngãi	7.2	Khá	D14XD01	
2589	1425802080026	Phan Thành	Lộc	Nam	23/05/1995	Bình Dương	7.7	Khá	D14XD01	
2590	1425802080028	Diêm Đăng	Luân	Nam	06/05/1995	BR. Vũng Tàu	7.1	Khá	D14XD01	
2591	1425802080031	Nguyễn Đức	Nghĩa	Nam	26/11/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14XD01	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
2592	1425802080032	Tô Hữu	Nghĩa	Nam	28/01/1996	Bình Định	6.3	TB Khá	D14XD01	
2593	1425802080033	Trần Văn	Nghĩa	Nam	13/09/1996	Bình Dương	6.6	TB Khá	D14XD01	
2594	1425802080035	Châu Minh	Nhân	Nam	22/12/1996	Đồng Nai	6.9	TB Khá	D14XD01	
2595	1425802080037	Vương Huỳnh	Phước	Nam	08/09/1996	Bình Dương	7.2	Khá	D14XD01	
2596	1425802080039	Nguyễn Hoàng	Quân	Nam	02/01/1995	Bình Phước	6.4	TB Khá	D14XD01	
2597	1425802080040	Dương Nhật	Quang	Nam	26/07/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14XD01	
2598	1425802080041	Hạ Duy	Quang	Nam	28/06/1996	Bình Dương	7.2	Khá	D14XD01	
2599	1425802080042	Nguyễn Hiệp	Quyển	Nam	05/12/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14XD01	
2600	1425802080045	Huỳnh Ngọc	Sang	Nam	05/04/1996	Tây Ninh	6.7	TB Khá	D14XD01	
2601	1425802080046	Trần Tấn	Sang	Nam	05/02/1996	Bình Dương	6.9	TB Khá	D14XD01	
2602	1425802080043	Đinh Ngọc	Sơn	Nam	02/05/1996	Bình Định	6.9	TB Khá	D14XD01	
2603	1425802080044	Trần Ngọc	Sơn	Nam	07/01/1996	Bình Dương	7.1	Khá	D14XD01	
2604	1425802080047	Bùi Ngọc	Tâm	Nam	03/04/1996	Bình Dương	6.8	TB Khá	D14XD01	
2605	1425802080076	Đỗ Tuấn	Anh	Nam	15/06/1996	Tây Ninh	7.5	Khá	D14XD02	
2606	1425802080094	Trương Thành	Đạt	Nam	06/06/1996	Lâm Đồng	7.5	Khá	D14XD02	
2607	1425802080105	Lương Minh	Đức	Nam	05/02/1996	Tp. HCM	6.9	TB Khá	D14XD02	
2608	1425802080099	Lê Bá	Hiệp	Nam	09/08/1996	Tp. HCM	6.8	TB Khá	D14XD02	
2609	1425802080075	Đào Thị Thanh	Huyền	Nữ	23/08/1995	Lai Châu	6.6	TB Khá	D14XD02	
2610	1425802080085	Nguyễn Anh	Khoa	Nam	16/08/1996	Bình Dương	7.3	Khá	D14XD02	
2611	1425802080103	Nguyễn Huỳnh	Lộc	Nam	18/01/1996	Tp. HCM	6.6	TB Khá	D14XD02	
2612	1425802080074	Nguyễn Thành	Mến	Nam	11/07/1996	Tp. HCM	7.4	Khá	D14XD02	
2613	1425802080087	Huỳnh Hữu	Nghĩa	Nam	28/12/1996	Bình Dương	7.0	Khá	D14XD02	
2614	1425802080106	Đoàn Thành	Nhân	Nam	31/03/1996	Bình Dương	7.5	Khá	D14XD02	
2615	1425802080086	Liêu Hoàng Gia	Như	Nữ	11/08/1995	Đồng Nai	8.4	Giỏi	D14XD02	
2616	1425802080082	Lê Văn	Pha	Nam	29/09/1996	Thanh Hóa	7.5	Khá	D14XD02	
2617	1425802080097	Nguyễn Trung	Quân	Nam	04/05/1996	Đồng Nai	7.5	Khá	D14XD02	
2618	1425802080102	Hồ Minh	Quang	Nam	23/02/1996	Bình Dương	5.8	TB	D14XD02	
2619	1425802080081	Nguyễn Ngọc	Sơn	Nam	00/00/96	Bình Dương	7.8	Khá	D14XD02	
2620	1425802080096	Đỗ Ngọc	Tấn	Nam	07/10/1996	Sông Bé	7.2	Khá	D14XD02	
2621	1425802080048	Bùi Sĩ	Thành	Nam	04/01/1996	Tp. HCM	7.8	Khá	D14XD02	
2622	1425802080049	Nguyễn Minh	Thành	Nam	29/11/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14XD02	
2623	1425802080073	Nguyễn Quang	Thành	Nam	18/09/1996	Bình Dương	7.1	Khá	D14XD02	
2624	1425802080052	Lại Quang	Thiên	Nam	05/02/1996	BR. Vũng Tàu	7.9	Khá	D14XD02	
2625	1425802080053	Nguyễn Trí	Thiên	Nam	08/09/1996	Bình Dương	6.8	TB Khá	D14XD02	
2626	1425802080054	Nguyễn Hoàn	Thiện	Nam	15/01/1996	Bình Dương	7.3	Khá	D14XD02	
2627	1425802080055	Nguyễn Đức	Thịnh	Nam	23/02/1995	Lâm Đồng	7.5	Khá	D14XD02	
2628	1425802080051	Nguyễn Quang	Thọ	Nam	25/01/1996	Thái Bình	7.3	Khá	D14XD02	
2629	1425802080056	Hà Thị	Tiên	Nữ	13/08/1996	Đắk Lắk	8.0	Giỏi	D14XD02	
2630	1425802080058	Nguyễn Thành	Tiến	Nam	03/04/1996	Bình Dương	7.9	Khá	D14XD02	
2631	1425802080070	Lê Mạnh	Toán	Nam	05/12/1996	Bình Dương	7.2	Khá	D14XD02	
2632	1425802080061	Nguyễn Trọng	Toàn	Nam	12/01/1995	Nghệ An	7.7	Khá	D14XD02	
2633	1425802080095	Huỳnh Xuân	Trà	Nam	23/08/1996	Long An	8.3	Giỏi	D14XD02	
2634	1425802080089	Cao Ngọc	Trọng	Nam	06/07/1996	Bình Thuận	8.0	Giỏi	D14XD02	
2635	1425802080060	Ngô Ngọc	Tú	Nam	02/02/1996	Bắc Giang	7.4	Khá	D14XD02	
2636	1425802080062	Bùi Thanh	Tuấn	Nam	29/09/1995	Bình Dương	7.3	Khá	D14XD02	
2637	1425802080063	Dương Văn	Tuấn	Nam	10/10/1995	Đắk Lắk	7.7	Khá	D14XD02	
2638	1425802080064	Trần Anh	Tuấn	Nam	15/11/1996	Ninh Thuận	7.0	Khá	D14XD02	
2639	1425802080072	Ngô Phương	Tùng	Nam	13/08/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14XD02	
2640	1425802080066	Nguyễn Lê Tuấn	Việt	Nam	20/12/1996	Bình Dương	7.8	Khá	D14XD02	
2641	1425802080104	Mai Thế	Vinh	Nam	20/07/1996	Bình Dương	7.9	Khá	D14XD02	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
2642	1425802080067	Nguyễn Hoài	Vũ	Nam	05/05/1996	Bình Dương	7.8	Khá	D14XD02	
2643	1425802080065	Dương Minh	Vương	Nam	30/05/1996	Bình Dương	6.8	TB Khá	D14XD02	
2644	1425802080164	Lê Chí	Báo	Nam	15/10/1996	Cà Mau	6.6	TB Khá	D14XD03	
2645	1425802080163	Phạm Quốc	Đạt	Nam	15/08/1996	Đắk Lắk	7.1	Khá	D14XD03	
2646	1425802080158	Hoàng Văn	Đỗ	Nam	05/05/1996	Đắk Nông	6.7	TB Khá	D14XD03	
2647	1425802080117	Hoàng Văn	Đức	Nam	27/10/1996	Thanh Hóa	7.1	Khá	D14XD03	
2648	1425802080114	Nguyễn Trần Kỳ	Giang	Nam	31/08/1996	BR. Vũng Tàu	6.0	TB	D14XD03	
2649	1425802080147	Hồ Ngọc	Hải	Nam	24/06/1996	Bình Định	7.3	Khá	D14XD03	
2650	1425802080118	Võ Cao Minh	Hào	Nam	28/02/1996	Bình Dương	6.3	TB Khá	D14XD03	
2651	1425802080179	Trần Minh	Hiếu	Nam	17/09/1996	Bình Phước	7.0	Khá	D14XD03	
2652	1425802080124	Lê Văn	Hùng	Nam	08/08/1995	Khánh Hòa	8.0	Giỏi	D14XD03	
2653	1425802080159	Nguyễn Mạnh	Hùng	Nam	22/10/1996	Đắk Lắk	7.0	Khá	D14XD03	
2654	1425802080136	Trần Trọng	Khánh	Nam	29/04/1996	Đồng Nai	6.5	TB Khá	D14XD03	
2655	1425802080125	Trương Anh	Kiệt	Nam	24/05/1996	Tây Ninh	6.9	TB Khá	D14XD03	
2656	1425802080171	Đỗ Đức	Linh	Nam	20/08/1995	Đắk Lắk	5.9	TB	D14XD03	
2657	1425802080131	Nguyễn Hoàng	Long	Nam	02/05/1996	Bình Phước	6.7	TB Khá	D14XD03	
2658	1425802080187	Phạm Văn	Lượng	Nam	20/10/1996	Nam Định	7.2	Khá	D14XD03	
2659	1425802080185	Trần Đức	Mạnh	Nam	11/01/1995	Điện Biên	6.5	TB Khá	D14XD03	
2660	1425802080130	Nguyễn Trọng	Nhân	Nam	26/10/1996	Gia Lai	5.7	TB	D14XD03	
2661	1425802080134	Nguyễn Tất	Phú	Nam	27/04/1996	Bình Dương	6.0	TB	D14XD03	
2662	1425802080161	Trần Minh	Phú	Nam	04/07/1996	Bình Định	7.0	Khá	D14XD03	
2663	1425802080142	Võ Hoàng	Quân	Nam	04/02/1996	Đắk Lắk	7.5	Khá	D14XD03	
2664	1425802080184	Nguyễn Xuân	Sanh	Nam	01/10/1996	Đồng Nai	6.9	TB Khá	D14XD03	
2665	1425802080144	Phan Văn	Tâm	Nam	25/06/1996	Quảng Ngãi	7.1	Khá	D14XD03	
2666	1425802080182	Trần Thanh	Tấn	Nam	26/07/1996	Bình Dương	7.5	Khá	D14XD03	
2667	1425802080157	Hồ Đắc	Thắng	Nam	24/02/1996	TT. Huế	6.9	TB Khá	D14XD03	
2668	1425802080177	Nguyễn Đức	Thắng	Nam	23/11/1996	Tp. HCM	5.8	TB	D14XD03	
2669	1425802080127	Ngô Đăng	Triều	Nam	21/12/1995	Quảng Trị	7.1	Khá	D14XD03	
2670	1425802080174	Nguyễn Thành	Trung	Nam	16/08/1995	Bình Định	7.2	Khá	D14XD03	
2671	1425802080149	Trần Quang	Trung	Nam	22/01/1996	Lâm Đồng	7.0	Khá	D14XD03	
2672	1425802080148	Nguyễn Quốc	Việt	Nam	13/01/1995	Quảng Bình	6.9	TB Khá	D14XD03	
2673	1425802080151	Nguyễn Trường	Vỹ	Nam	16/04/1996	Quảng Ngãi	7.0	Khá	D14XD03	
2674	1427601010001	Huỳnh Thu	Anh	Nữ	19/07/1995	Bình Dương	8.2	Giỏi	D14XH01	
2675	1427601010002	Nguyễn Hoàng Phạm Thụy Quế Anh	Nữ	11/05/1996			7.1	Khá	D14XH01	
2676	1427601010004	Cao Thị Ngọc	Châu	Nữ	20/01/1996	Quảng Ngãi	7.0	Khá	D14XH01	
2677	1427601010031	Nguyễn Thị	Diễm	Nữ	27/06/1996	Tây Ninh	7.6	Khá	D14XH01	
2678	1427601010052	Trần Thị Thùy	Dung	Nữ	02/09/1996		7.5	Khá	D14XH01	
2679	1427601010006	Dương Hoàng	Dũng	Nam	08/11/1996	Bình Dương	7.6	Khá	D14XH01	
2680	1427601010007	Phạm Quốc	Duy	Nam	06/06/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14XH01	
2681	1427601010008	Triệu Hoàng	Duy	Nam	16/10/1996	Tây Ninh	7.5	Khá	D14XH01	
2682	1427601010098	Nguyễn Thị Tuyết	Em	Nữ	03/06/1996	Bình Dương	8.2	Giỏi	D14XH01	
2683	1427601010009	Lê Thị Phương	Hà	Nữ	08/12/1996	Bình Phước	8.0	Giỏi	D14XH01	
2684	1427601010010	Điều Thị	Hai	Nữ	26/03/1996	Bình Phước	7.4	Khá	D14XH01	
2685	1427601010047	Nguyễn Thị Phương	Hằng	Nữ	31/08/1995	Bình Dương	8.4	Giỏi	D14XH01	
2686	1427601010050	Nông Thị	Hằng	Nữ	27/02/1996	Bình Phước	7.8	Khá	D14XH01	
2687	1427601010107	Dương Như	Hào	Nữ	05/08/1995	Tây Ninh	8.1	Giỏi	D14XH01	
2688	1427601010044	Quách Thị	Hiền	Nữ	04/01/1994	Bình Dương	7.7	Khá	D14XH01	
2689	1427601010043	Trần Thị Ngọc	Hiếu	Nữ	02/03/1996	Bình Phước	8.5	Giỏi	D14XH01	
2690	1427601010012	Trương Thị Mộng	Hoài	Nữ	16/02/1996	Bình Dương	7.6	Khá	D14XH01	
2691	1427601010013	Trần Mĩ Kim	Hoàng	Nam	20/04/1996	Ninh Thuận	7.8	Khá	D14XH01	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN		Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
2692	1427601010055	Hoàng Thị	Huế	Nữ	02/11/1996	Gia Lai	7.6	Khá	D14XH01	
2693	1427601010014	Lương Thị	Huế	Nữ	16/05/1993	Đắk Nông	7.6	Khá	D14XH01	
2694	1427601010011	Phạm Quốc	Hưng	Nam	12/03/1995	Bình Dương	7.2	Khá	D14XH01	
2695	1427601010112	Trần Thị	Hương	Nữ	26/01/1996	Bình Dương	6.7	TB Khá	D14XH01	
2696	1427601010072	Nguyễn Thị	Huỳnh	Nữ	02/04/1994	Đắk Lắk	7.7	Khá	D14XH01	
2697	1427601010103	Lê Trần Anh	Khoa	Nam	02/02/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14XH01	
2698	1427601010099	Lâm Thanh	Kiều	Nữ	06/04/1996	Bình Dương	7.2	Khá	D14XH01	
2699	1427601010077	Phạm Ngọc	Liên	Nữ	22/08/1996	Bình Dương	7.1	Khá	D14XH01	
2700	1427601010091	Tăng Văn	Lil	Nam	00/00/94	Hậu Giang	6.9	TB Khá	D14XH01	
2701	1427601010016	Nguyễn Minh	Luân	Nam	26/11/1996	Bình Dương	8.4	Giỏi	D14XH01	
2702	1427601010017	Đỗ Đình	Nam	Nam	05/06/1993	Bình Dương	7.0	Khá	D14XH01	
2703	1427601010018	Bồ Hồng	Ngọc	Nữ	23/05/1995	Bình Dương	7.4	Khá	D14XH01	
2704	1427601010019	Lê Bảo	Ngọc	Nữ	17/02/1996	Bình Dương	7.5	Khá	D14XH01	
2705	1427601010020	Nguyễn Thị Quế	Như	Nữ	19/05/1996	Trà Vinh	8.5	Giỏi	D14XH01	
2706	1427601010097	Đỗ Nguyễn Khánh	Quỳnh	Nữ	02/09/1996	Bình Phước	7.3	Khá	D14XH01	
2707	1427601010115	Nguyễn Hoài	Thanh	Nam	28/10/1996	Bình Dương	7.9	Khá	D14XH01	
2708	1427601010058	Nguyễn Thị Kim	Thoa	Nữ	04/06/1994	Gia Lai	7.1	Khá	D14XH01	
2709	1427601010071	Nguyễn Minh	Thư	Nữ	08/08/1996	Bình Dương	7.3	Khá	D14XH01	
2710	1427601010100	Lê Thị Hoài	Thương	Nữ	20/07/1996	Bình Dương	8.5	Giỏi	D14XH01	
2711	1427601010089	Đàm Thị	Thủy	Nữ	26/02/1996	Bình Phước	7.7	Khá	D14XH01	
2712	1427601010025	Nguyễn Thị Thu	Thủy	Nữ	23/06/1996	Đắk Nông	6.9	TB Khá	D14XH01	
2713	1427601010026	Trần Thị	Thuyền	Nữ	28/08/1996	Quảng Ngãi	7.0	Khá	D14XH01	
2714	1427601010022	Đặng Thị Mỹ	Tổ	Nữ	05/05/1996	Ninh Thuận	7.6	Khá	D14XH01	
2715	1427601010029	Lê Thị Tuyết	Trình	Nữ	10/03/1996	Bình Dương	8.0	Giỏi	D14XH01	
2716	1427601010101	Trần Thị Tuyết	Trình	Nữ	14/12/1994	Bình Dương	7.9	Khá	D14XH01	
2717	1427601010027	Trương Thị Cẩm	Tú	Nữ	24/08/1995	Bình Dương	6.9	TB Khá	D14XH01	
2718	1427601010030	Võ Thành	Văn	Nam	01/08/1996	Quảng Ngãi	6.6	TB Khá	D14XH01	
2719	1427601010120	Lê Nguyễn Trường	An	Nữ	21/08/1995	Bình Dương	8.1	Giỏi	D14XH02	
2720	1427601010179	Nguyễn Đức	Anh	Nam	17/08/1994	Gia Lai	8.0	Giỏi	D14XH02	
2721	1427601010137	Nguyễn Trần Trâm	Anh	Nữ	25/09/1996	Bình Dương	8.4	Giỏi	D14XH02	
2722	1427601010147	Trần Thị Kiều	Anh	Nữ	28/01/1996	Kon Tum	8.0	Giỏi	D14XH02	
2723	1427601010217	Trần Thanh	Bình	Nam	26/07/1996	Nam Định	7.3	Khá	D14XH02	
2724	1427601010187	Triệu Thủy	Cúc	Nữ	07/05/1995	Đắk Lắk	8.5	Giỏi	D14XH02	
2725	1427601010206	Nguyễn Mai Kim	Cương	Nữ	13/02/1996	Bình Dương	7.8	Khá	D14XH02	
2726	1427601010207	Nguyễn Thị	Đào	Nữ	27/07/1989	Thái Bình	5.7	TB	D14XH02	
2727	1427601010164	Nguyễn Ngọc	Hải	Nam	24/05/1996	Bình Thuận	6.9	TB Khá	D14XH02	
2728	1427601010149	Trần Tú	Hào	Nữ	29/09/1994	Sóc Trăng	8.2	Giỏi	D14XH02	
2729	1427601010181	Nguyễn Thị Thu	Hiền	Nữ	05/07/1996	Gia Lai	7.6	Khá	D14XH02	
2730	1427601010185	Nguyễn Thị	Hoa	Nữ	10/01/1995	Quảng Ngãi	7.7	Khá	D14XH02	
2731	1427601010129	Trần Thị	Hoa	Nữ	01/12/1996	Bình Dương	8.6	Giỏi	D14XH02	
2732	1427601010128	Châu Thanh	Hoài	Nam	22/09/1996	Tây Ninh	7.4	Khá	D14XH02	
2733	1427601010168	Bùi Xuân	Hoàng	Nam	22/11/1996	Phú Yên	6.9	TB Khá	D14XH02	
2734	1427601010121	Trần Thái	Hùng	Nam	05/09/1996	Tp. HCM	7.6	Khá	D14XH02	
2735	1427601010192	Phạm Thị	Hương	Nữ	03/10/1996	Quảng Bình	7.7	Khá	D14XH02	
2736	1427601010195	Lê Thị Ngọc	Huyền	Nữ	06/10/1996	Phú Yên	6.7	TB Khá	D14XH02	
2737	1427601010215	Võ Hoàng	Khải	Nam	15/08/1996	Bình Dương	7.7	Khá	D14XH02	
2738	1427601010138	Nguyễn Hải Nhật	Lam	Nữ	14/08/1996	Tây Ninh	6.9	TB Khá	D14XH02	
2739	1427601010160	Trương Thị Thanh	Lam	Nữ	05/12/1996	Gia Lai	7.6	Khá	D14XH02	
2740	1427601010134	Ngô Thị Nhật	Linh	Nữ	20/07/1996	Bình Dương	7.9	Khá	D14XH02	
2741	1427601010205	Nguyễn Thị	Linh	Nữ	20/01/1996	Bình Dương	7.4	Khá	D14XH02	

STT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Phái	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm TK	Xếp loại	Lớp/Ngành	Ghi chú
2742	1427601010204	Phan Văn Linh	Nam	19/05/1996	Bình Phước	7.9	Khá	D14XH02	
2743	1427601010162	Nguyễn Luật	Nam	02/03/1996	Kon Tum	7.3	Khá	D14XH02	
2744	1427601010167	Phạm Thị Trà My	Nữ	10/01/1996	Gia Lai	8.2	Giỏi	D14XH02	
2745	1427601010151	Nguyễn Võ Hoài Ngọc	Nữ	15/08/1996	Bình Phước	7.5	Khá	D14XH02	
2746	1427601010145	Phan Bảo Nhi	Nữ	09/10/1995	Bình Dương	8.1	Giỏi	D14XH02	
2747	1427601010146	Lê Thị Huỳnh Như	Nữ	12/05/1995	Tây Ninh	7.6	Khá	D14XH02	
2748	1427601010193	Đặng Thị Nờ	Nữ	16/03/1994	Đắk Nông	7.9	Khá	D14XH02	
2749	1427601010122	Trần Thị Non	Nữ	25/05/1996	Nam Định	7.8	Khá	D14XH02	
2750	1427601010216	Hường Pha	Nam	10/01/1996	Quảng Ngãi	7.9	Khá	D14XH02	
2751	1427601010186	Nguyễn Văn Phong	Nam	21/08/1994	Phú Yên	8.7	Giỏi	D14XH02	
2752	1427601010199	Phan Hoàng Mỹ Phụng	Nữ	12/11/1996	Phú Yên	7.8	Khá	D14XH02	
2753	1427601010163	Nguyễn Văn Quý	Nam	06/02/1995	Bình Thuận	7.7	Khá	D14XH02	
2754	1427601010213	Lê Thị Sen	Nữ	02/09/1996	Đắk Lắk	6.8	TB Khá	D14XH02	
2755	1427601010159	Chu Thị Thanh	Nữ	29/12/1996	Gia Lai	7.6	Khá	D14XH02	
2756	1427601010116	Đào Thị Xuân Thảo	Nữ	24/04/1995	Bình Thuận	7.7	Khá	D14XH02	
2757	1427601010139	Trần Thị Thảo	Nữ	10/05/1996	Kiên Giang	8.2	Giỏi	D14XH02	
2758	1427601010140	Đinh Thị Thúy	Nữ	24/04/1996	Bình Phước	8.3	Giỏi	D14XH02	
2759	1427601010170	Đỗ Ngọc Tiên	Nam	27/06/1996	Phú Yên	8.3	Giỏi	D14XH02	
2760	1427601010212	Phạm Thụy Thùy Trâm	Nữ	09/03/1995	Bến Tre	7.7	Khá	D14XH02	
2761	1427601010172	Triệu Thùy Trang	Nữ	21/12/1996	Bình Phước	7.9	Khá	D14XH02	
2762	1427601010202	Đặng Nhã Tuấn	Nam	25/03/1994	Cà Mau	8.2	Giỏi	D14XH02	
2763	1427601010165	Trần Xuân Tuyển	Nam	01/12/1996	Đắk Nông	7.3	Khá	D14XH02	
2764	1427601010196	Phan Trường Việt	Nam	10/02/1996	Phú Yên	7.3	Khá	D14XH02	
2765	1427601010135	Nguyễn Như Ý	Nữ	08/07/1996	Sóc Trăng	7.6	Khá	D14XH02	

Tổng danh sách gồm có 2765 sinh viên được cấp chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - an ninh, trong đó xếp loại:

Xuất sắc: 5

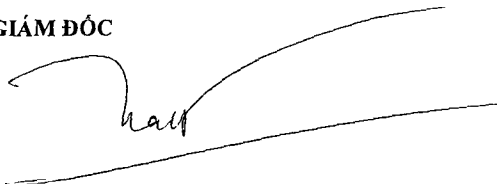
Giỏi: 418

Khá: 1786

TB Khá: 528

TB: 28

GIÁM ĐỐC



ThS. Trương Văn Ân

Bình Dương, ngày tháng năm 201

HIỆU TRƯỞNG